3e mille

Giá : 0 $ 75

南越畧史

NAM-VIỆT LƯỢC SỬ

Có đính thêm bản kê các đời vua
Annam đối với các đời vua Tàu và Langsa

Histoire sommaire de l'Annam

avec un tableau synchronique des
Souverains d'Annam, de Chine et de France.

PAR

NGUYỄN - VĂN - MAI

Instituteur principal
Professeur d'Annamite
au Collége Chasseloup-Laubat

En vente à la Librairie J. VIÊT

SAIGON

IMPRIMERIE ET LIBRAIRIE J. VIÊT

1919

3e mille

NAM-VIỆT LƯỢC SỬ

Có đính thêm bản kể các đời vua
Annam đối với các đời vua Tàu và Langsa

Histoire sommaire de l'Annam

avec un tableau synchronique des
souverains d'Annam, de Chine et de France.

PAR

NGUYỄN - VĂN - MAI

Instituteur principal
Professeur d'annamite
au Collège Chasseloup-Laubat
Officier d'Académie

En vente à la Librairie J. VIÊT

SAIGON

IMPRIMERIE ET LIBRAIRIE J. VIÊT

1919

TIỂU DẪN

I. — **Sử**.-- Sử là truyện tích xưa, chỉ dẫn cội rễ một nước, một loại dân, chép những sự tấn hóa, những lúc hưng vong, trị loạn, những thói tục, đạo đức cùng sự giao thiệp với ngoại bang. Lấy xưa mà sánh nay, lấy lành mà răn dữ, sử cũng là gương soi mình cho các đứng cầm quyền trị nước và cho nhơn dân vậy : vua chúa xem lấy mà tu cang kỉ, nhơn dân đọc lấy mà sửa tề gia.

II. — **Đời sơ nguyên**.-- Sự văn minh tấn hóa của một nước khởi từ khi bày ra chữ nghĩa, nhứt là từ khi tìm đặng phép in sách vở mà lưu truyền đến sau. Có sách vở mới tri nguyên những sự tích xưa, mới lập thành chánh sử được.

Phàm sử ký nước nào cũng vậy, cũng chia ra làm hai đời phân biệt : *đời thượng cổ*, là đời u minh chưa có sử và *đời chánh sử*, là đời đã có chữ nghĩa văn minh. Những truyện xử ta trong thời thượng cổ, từ nhà Hồng-bàng cho đến nội thuộc Trung-nguyên thì chép y theo sử Tàu ; phần nhiều là những đều truyền khẩu, những sự phi thường không đáng tin, vì không có đủ bằng cớ mà kê cứu. Nước Nam có chánh sử là kể từ năm 111, trước Chúa Giáng-sanh, Tàu mới qua chiếm trị, bắt người Nam học chữ nho, theo đạo nho.

III. — **Dòng giống người Annam**. — Người Annam cũng thuộc một chi với người Tàu và người Nhựt-bổn, gốc bên Tây-tạng (Thibet) mà ra. Lúc ban sơ mới lìa chi thì lần qua phía đông, nơi tỉnh Vân-nam, Quảng-tây, Quảng-đông bây giờ. Đụng người Trung-nguyên, không chống cự nổi, mới dồn xuống phía nam, nơi xứ Bắc-kỳ, thì lại gặp dân bổn thổ: *Lào*, *Lâm-ấp*, *Chiêm-thành* (Ciampois), *Chơn-lạp* (Cambodgiens). Khi đó phải tranh phuông với những dân ấy đã nhiều trận, đã lâu đời, mới lấy đặng nước chúng nó, rồi cũng có ăn ở chung lộn với nhau, mà nồi sanh ra, thì dòng giống người Nam lai lần lần.

Đến sau hết, từ đời Tây-Hán, vua Hiếu-võ-đế, nước Nam bị Trung-nguyên chế phục (111 trước Chúa Giáng-sanh). Người Tàu mới sang qua mà lập nghiệp, kết bạn cùng đờn bà xứ ta mà sanh sản ra, thì cái cốt cách nguyên sơ của người Nam lại đổi khác nữa, nhưng mà chưa có lạc mất.

IV. — **Đạo của dân Annam**. — Bên Trung-nguyên, từ đời Tam-hoàng, Ngũ-đế cho tới Hạ, Thương, Châu, chỉ lấy đạo thờ Trời Đất làm gốc. Thiên-tử thì tế *Giao*, tế *Xã*, là tế Trời Đất; chư hầu tế *Sơn Xuyên*, là tế thần núi sông; công khanh tế thần *Hậu thổ*, thần *Đất đai*; còn sĩ thứ tế tổ tiên, ông bà quá vãng.

Đời Châu-định-vương (606-585) trước Chúa Giáng-sanh, Lão-Đam xuất thế (604-500), bày ra *đạo đức kinh*. Từ ấy mới có đạo *Lão-Tử*.

Đời Châu-linh-vương (571 - 544), trước Chúa Giáng-sanh, Đức Khổng-Tử (550 - 480), truyền đạo *Nho*, dạy cang thường luân lý.

Đến năm 207, trước Chúa Giáng-sanh, nhằm đời Tây-Hán, vua Cao-tổ, đạo *Phật* bên xứ Thiên-trước đã sang qua Trung-nguyên. Đời Tây-Hán, vua Hiếu-minh-đế (58 - 76), sau Chúa Giáng-sanh, sai người qua Thiên-trước mà rước thầy sãi và thỉnh kinh Phật.

Đạo *Lão-Tử*, đạo *Nho*, đạo *Phật*, kêu là *Tam giáo*, dân Tàu cũng kính thờ hết cả ba.

Sử nước Nam, đời sơ nguyên chép rằng: nhà Hồng-bàng là dòng dõi vua Thần-nông. Vậy thì lúc xưa ta cũng giữ đạo thờ Trời Đất và ông bà. Sau nước Nam bị Trung-quốc chiếm trị, thì người Nam cũng theo Tam giáo như người Tàu vậy, duy lấy sự phụng tự tiên nhơn làm gốc.

Đạo *Thiên Chúa* truyền trong nước Nam từ đời vua Lê-thần-tông (1619 - 1643).

V. — **Sử nước nam** — Nước Nam có quốc sử kể từ đời Trần-thánh-tông (1258 - 1279). Ông Lê-văn-Hưu phụng lịnh dọn thành bổn *Đại-việt sử ký*, khởi từ Triệu-võ-vương cho đến Lý-chiêu-hoàng thì dứt. Sau mới chép với tới Hồng-bàng thị.

Phép tu sử thì dẫn những việc các dòng vua trước, chớ không nói về dòng vua đương trị vì. Nhà sử quán biên những đều đại khái các đời vua ấy mà để có nơi, qua họ khác lên cầm quyền, thì mới lấy ra mà viết nối theo, lần lần như vậy mới tu thành quốc sử.

Sử Nam cũng như sử Tàu, còn sơ lược, chỉ chép giặc giã, nhắc chuyện nhà vua, còn sự văn minh tấn hóa, việc nông cổ, kỉ nghệ, đạo đức, cách ăn thói ở của dân và đều quí trọng hơn hết là sự học hành, thì nói phớt qua mà thôi, cũng có khi không nói đến. Muốn hiểu cho rõ sự tích nước mình, thì phải xem mấy pho sử của người Lang-sa dọn ra, ngặt phần nhiều dân Nam không thông chữ Pháp.

Bổn sử tôi soạn ra đây dẫn giải tuy là đại lược, nhưng mà do theo chương trình mới về bật *Sơ học* thì cũng đủ cho con trẻ nhà Nam đọc lấy cho rõ cội rễ xứ mình. Những sự tích đem vào sách nầy, nhứt là từ nhà Nguyễn tới sau, đã có tra sát trước trong mấy quyển sử chữ Tây.

Sau rốt tôi có đính thêm bản kể các đời vua Annam, đối với các đời vua Tàu và Lang-sa, từ sơ nguyên cho tới bây giờ, trước là để phụ ích cho sách nầy, sau nữa là giúp kẻ nào hay suy nghiệm *xưa nay* khỏi nhọc công tìm kiếm.

Vĩnh-hội, Avril 1919.

NGUYỄN-VĂN-MAI.

NAM-VIỆT LƯỢC SỬ

CHƯƠNG I

Đời sơ nguyên tới năm 968 (sau Giáng-sanh)

I — Nhà Hồng-bàng

20 đời vua, trị 2617 năm (2874-257, trước Giáng-sanh)

1. — **Kinh-dương-vương**.— Vua nầy là con vua Đề-minh, chắt vua Thần-nông bên Trung-quốc, lên ngôi năm 2874, đặt niên hiệu là Kinh-dương-vương.

Nước Nam khi ây kêu là *Xích-qui*. Phía bắc giáp tỉnh Quảng-tây, phía đông giáp Nam-hải, phía tây giáp nước Thục (tỉnh Cao-bằng), phía nam giáp xứ Chiêm-thành (Ciampa).

2. — **Lạc-long-quân**. — Con vua Kinh-dương-vương tên là Lạc-long-quân. Lạc-long-quân truyền ngôi lại cho con trưởng nam là Hùng-vương thứ nhứt. Kể từ đây những vua kế vị đều lấy hiệu Hùng-vương, cho đến đời Hùng-vương thứ 18 (257), trước Giáng-sanh, thì mất nước.

3. — **Hùng-vương thứ nhứt**. — Vua nầy cải tên nước lại là *Văn-lang*, chia ra làm 15 quận :

1 - *Văn-lang* (đề đô);
2 - *Giao-chỉ* (Hà-nội, Hưng-yên, Nam-định);
3 - *Châu-diên* (Sơn-tây);
4 - *Võ-ninh* (Bắc-ninh);

5 - *Phước-lộc* (Sơn-tây);
6 - *Việt-thường* (Quảng-bình, Quảng-trị);
7 - *Ninh-hải* (Quảng-yên);
8 - *Dương-tuyền* (Hải-dương);
9 - *Lục-hải* (Lạng-sơn);
10 - *Võ-định* (Thái-nguyên, Cao-bằng);
11 - *Hoài-hoan* (Nghệ-an, Hà-tịnh);
12 - *Cửu-chơn* (Thanh-hóa);
13 - *Bình-giao*......
14 - *Tân-hưng* (Hưng-hóa, Tuyên-quang);
15 - *Cửu-đức*........

Sự giao thiệp với nước Tàu

Năm 1100, trước Giáng-sanh, bên Tàu nhằm vua Thành-vương, nhà Châu, vua Annam sai sứ qua cống bạch trĩ. Lúc trở về, ông Châu-công-Đán là chú vua, sợ sứ đi lạc đàng, bèn dạy đóng một cổ xe, có để một cái địa bàn chỉ hướng nam cho sứ.

Sự giao thiệp và sự tấn công với nước Tàu là kể từ đời nầy.

Tích vẽ mình.

Đời Hùng-vương thứ nhứt bày ra tục vẽ mình. Là vì dân sự đi làm nghề chài lưới, thường bị những loài thủy tộc phá hại. Vẽ mình ra có rằn rực, thì rắn, rít, sâu, cá, tưởng là đồng loại với nó mà không động đến.

Tục vẽ mình, xâm mình nay hãy còn nơi các mán Mọi, như Mường, ở Tonkin, Kha, ở Lào.

Cũng đời vua Hùng-vương nầy bày ra đóng ghe, có vẽ con mắt hình như cá.

Tích bão lụt xứ Bắc

Vua Hùng-vương thứ 18 có một đứa con gái dung nhan đẹp đẽ. Vua nhà Thục đã ghe phen cậy người đi nói cho thái tử, mà vua Hùng-vương không chịu gả. Ngày kia có hai người trai tới xin làm rể. Vua phán rằng: Trẫm vốn có một đứa con, không lẽ dưa cho hai người. Như rạng mai ai đem lễ sính tới đủ, thì trẫm sẽ gả cho.

Sơn-tinh đến trước, cưới đặng công chúa, đem lên ở núi Tán-viên (Tonkin). Thủy-tinh chậm bước, hụt vợ, bèn oán hận, làm dông gió bão lụt đặng hại Sơn-tinh, mà không làm chi nổi.

Bởi vậy, hễ khi nào có bão lụt. thì những người hay tin dị đoan thường nói rằng tại sự cừu ấy mà ra.

Hùng-vương thứ 18. — Vua nầy hoan dâm vô độ, không lo việc quốc chánh, lại gây họa cho nước nhà, là vì không khứng gả công chúa cho thái tử nước Thục. Vua nước Thục, tên là Phán dấy binh đánh gấp, vua Hùng-vương tính bề cự không nổi, bèn tự vận mà thác, hết đời Hồng-bàng, truyền qua đời Thục.

II. — Nhà Thục

1 đời vua, trị 50 năm, (257-207, trước Giáng-sanh).

Cháu nội vua nước Thục, tên là Phán, lấy đặng nước Văn-lang của Hùng-vương, bèn sáp nhập với nước mình là Âu-lạc, kêu là Âu-việt, lên ngôi xưng là An-dương-vương, trị đặng 50 năm. Vua nầy không

có con trai, có một người con gái gả cho con Triệu-Đà. Sau bị Triệu-Đà dụng qui kế lấy đặng nước, dựng nên nhà Triệu.

Nguyên nước Âu-việt ở giáp cương giới với nước Tàu, có nhiều thứ thổ sản quí lạ, nên ghe phen Trung-quốc muốn chiếm đoạt. Tần-thỉ-Hoàng (246 - 209) trước Giáng-sanh, sai hai tướng: Nhâm-Ngao và Triệu-Đà qua đánh Âu-việt. Đánh đã lâu mà lấy không được. Kế Tần-thỉ-hoàng băng, Nhâm-Ngao qua đời; còn một mình Triệu-Đà cô thế, cứ giữ xứ Lãnh-nam (phía bắc nước Âu-việt).

Triệu-Đà thừa lúc loạn Trung-nguyên, nhà Tần hầu mất, tính lập một cõi riêng, bèn giao lân cùng vua An-dương-vương, cưới công chúa cho con. Sau đặng binh ròng tướng mạnh, trở lại đánh vua An-dương-vương mà lấy nước, lập nên đời nhà Triệu.

III. — Nhà Triệu.

5 đời vua, trị 96 năm, (207-111, trước Giáng-sanh).

1.— **Triệu-võ-đế** (207-136) t. G. s (1). — Triệu-Đà lấy đặng nước Âu-việt, sáp nhập với nước mình, kêu là *Việt-nam,* rồi lên làm vua, hiệu là Triệu-võ-đế, đóng đô tại Phiên-ngu (tỉnh Quảng-đông). Lúc nầy bên Trung-quốc, Lưu-Bang diệt đặng Hạng-Võ, lập nên đời Tây-Hán.

Hán-cao-tổ sai Lục-Giả qua Việt-nam phong tước vương cho Triệu-Đà. Từ khi ấy nước Nam cứ giữ đạo chư hầu, thường năm dưng cống cho nhà Hán.

---

(1) Trước Giáng-sanh.

Hán-cao-tổ băng (194) t. G. s., Lữ-hậu phế Huệ-đế, lên tiếm ngôi, bèn cấm người Trung-quốc không cho bán đồ khí cụ cho Annam. Triệu-võ-đế giận, cử binh đánh lấy nước Trường-sa, là nước chư hầu của Trung-nguyên, rồi xưng đế như vua Trung-nguyên vậy.

Lữ-hậu mất, Hiếu-văn-đế lên nối ngôi, sai Lục-Giả qua giải hòa với Triệu-Đà. Từ ấy nước Nam qui phục nước Tàu lại như xưa.

Triệu-Đà trị nước đặng 71 năm rồi băng, truyền ngôi lại cho cháu đích tôn, tên là Hồ.

---

2. — **Triệu-văn-vương** (136-124 t. G.s.).– Hồ lên ngôi xưng hiệu là Triệu-văn-vương. Vua nầy tánh không ưa giặc giã. Lúc người trị vì, có nước Mân-việt là nước chư hầu của Trung-quốc, qua xâm phạm cõi Nam. Vua sai sứ đi viện binh nhà Hớn dẹp đặng giặc, rồi cho con trưởng nam là Anh-Tề qua ở làm con tin nơi triều Hớn.

Triệu-văn-vương ở ngôi đặng 12 năm, rồi truyền lại cho Anh-Tề.

---

3. — **Triệu-minh-vương** (124-113 t. G. s.) -- Anh-Tề lên ngôi, xưng hiệu là Triệu-minh-vương, trị nước đặng 11 năm. Lúc Anh-Tề qua ở làm con tin bên triều Hớn, thì có cưới một người vợ Trung-nguyên, tên là Cù-thị, sanh đặng một đứa con trai kêu là Hưng. Anh-Tề phong Cù-thị làm hoàng hậu, Hưng làm thái tử, phế con của người vợ Annam khi trước, làm cho đình thần bất bình.

4. — **Triệu-ai-vương** (113-111 t. G. s.) Hưng lên nối nghiệp cha, xưng hiệu là Triệu-ai-vương, ở ngôi đặng ít năm, kế nhà Hớn sai sứ qua đòi vua và hoàng thái hậu là Cù-thị về triều bái hoàng đế. Hai mẹ con hầu ngự giá, thì trong bọn đình thần có ông Lữ-gia nói rằng : vua và hoàng thái hậu âm mưu mãi quốc, bèn khiến dân dậy lên, bắt giết cả hai người, rồi tôn con người vợ Annam lên ngôi, hiệu là Thuật-dương-vương.

---

5. — **Thuật-dương-vương** (111 t.G.s). — Vua nầy ở ngôi chưa đầy một năm, kế bên triều Hớn, vua Hiếu-võ-đế cử binh qua lấy nước mà sáp nhập về Trung-nguyên.

IV. — Thuộc Trung-nguyên lần thứ nhứt.

(150 năm, 111 t. G. s. — 39 sau Giáng-sanh)

Năm 1 Chúa Giáng-sanh, nhằm đời Hiếu-ai-đế (Tây-Hớn). *Từ đây về sau kể là đời Thiên Chúa.*

Triều Tây-Hớn sai quan Tàu qua cai trị, chia nước Nam ra làm 9 quận :

1 — *Nam-hải* (Quảng-đông),
2 — *Thương-ngô* (Quảng-tây),
3 — *Uất-lâm* (Quảng-tây),
4 — *Hiệp-phô* (Quảng-đông),
5 — *Giao-chỉ* (Quảng-tây),
6 — *Cửu-chơn* (Quảng-tây),

7 — *Nhựt-nam* (Tonkin),
8 — *Châu-nhai* (Cù-lao Hải-nam),
9 — *Thiên-nhĩ* (Cù-lao gần Hải-nam).

Trong bọn quan Tàu qua cai trị nước Nam, có hai người: Tích-Quang và Nhâm-Diên hay lo lắng cho dân. Tích-Quang thì dạy dân học chữ nghĩa cùng đạo lý đức Khổng-Tử; Nhâm-Diên dạy dân vỡ đất làm ruộng, trồng dâu để tằm. Còn những quan khác hay tham ô, làm nhiều đều khắc bạc, nên thường gây ra loạn lạc.

Năm 39, nơi quận Giao-chỉ, có một người đờn bà tên là Trưng-Trắc khiến dân dấy lên, bắt Thái thú Tô-Định giết đi mà báo cừu cho chồng, rồi thâu cả nước Nam, lên làm vua đặng 3 năm.

V. — Trưng-nữ-vương (39-42)

Trưng-Trắc lên ngôi đặng vài năm, kế bên Trung-nguyên, triều Đông-Hớn, vua Quang-võ sai Mã-Viện qua bình phục Giao-chỉ. Ban đầu đánh nhau cầm cự, chưa biết hơn thua. Sau binh Giao-chỉ vẫn không thiện nghề chinh chiến, bèn đổ lần hết. Trưng-Trắc và em là Trưng-Nhị thế cùng, nên phải tự vận cho khỏi bị nhục.

Mã-Viện bình Giao-chỉ rồi, truyền đúc một cây trụ đồng, trồng tại xứ Khâm-châu, có khắc chữ: *Đồng trụ chiết, Giao-chỉ diệt,* (Đồng trụ ngã, dân Giao-chỉ dứt.

Từ đây nước Nam phải sáp nhập về Trung-nguyên lần thứ hai.

VI. — Thuộc Trung-nguyên lần thứ nhì
144 năm (42-186)

Sĩ-vương, 186 - 226. — Lúc nầy bên Trung-nguyên nhà Đông-Hớn hầu dứt, qua Tam-quốc phân tranh. Sĩ-Nhíp dùng dịp loạn xưng vương, hiệu là Sĩ-vương, trị nước đặng 40 năm. Nguyên Sĩ-Nhíp là người Trung-quốc, mà tiên nhơn sang ở nước Nam lâu đời, nên đã thành người Nam.

Sĩ-Nhíp lên ngôi xưng hiệu là Sĩ-vương, khai trường dạy chữ nho, dạy phong hóa Trung-quốc. Đời vua nầy có nhiều người hay chữ không kém chi người Trung-nguyên. Sĩ-Nhíp băng, Đông-ngô sai tướng là Lữ-Đại qua dụ em Sĩ-Nhíp là Sĩ-Huy thần phục nhà Ngô, rồi thừa thế mà giết đi. Nước Nam bị sáp nhập về Trung-nguyên lần thứ 3.

VII. — Thuộc Trung-nguyên lần thứ ba
314 năm (226-540)

Từ năm 226 tới 540, nước Nam bị nhà Hậu-Hớn, Ngô, Ngụy (Tam-quốc), Tấn, Tống, Tề, Lương, kềm chế 314 năm.

Những quan Trung-nguyên qua cai trị cõi Nam trong mấy đời ấy, thì cũng như các quan đời trước, ít người nhơn hậu, nhiều tay tàn bạo. Thuở ấy có xứ Lâm-ấp, sau kêu là Chiêm-thành (Ciampa), ở phía nam, hay đến đánh phá nước Nam. Đã ghe phen bị

thua, bị giết, mà không chừa tánh lung lăng. Qua đến đời chúa Hiền-vương (1649-1685), nhà Nguyễn mới trừ tuyệt.

Nước Nam lúc nầy về nhà Lương chế trị. Quan thái thú Tiêu-Tư làm nhiều đều độc ác, khiến lòng dân oán hận. Lý-Bôn thừa cơ hội, cầm binh đánh đuổi quân Trung-nguyên, rồi lên ngôi, hiệu là Lý-nam-đế.

VIII. — Nhà Tiền-Lý

2 đời vua, trị 58 năm, (544-602).

1. — **Lý-nam-đế,** 544-548 = 4 năm. — Lý-Bôn vốn là người Trung-nguyên, nhơn lúc loạn Tây-Hớn, Vương-Mảng soán ngôi vua Hiếu-bình, qua ở ngụ tại Giao-châu lâu đời, nên đã thành người Nam.

Lý-Bôn lên ngôi xưng là Lý-nam-đế, trị được 4 năm, kế bên Trung-nguyên, nhà Lương sai Trần-bá-Tiên qua đánh Nam-việt. Lý-nam-đế yêu thế, bèn giao quyền cho tướng quân Triệu-quang-Phục, cách ít năm thọ bịnh mà băng.

2. — **Triệu-việt-vương,** 549-570 = 21 năm. — Triệu-quang-Phục cầm binh đánh với quân Tàu đã lâu. Sau binh Trần-bá-Tiên đổ lần, rồi rút về Trung-nguyên hết. Triệu-qnang-Phục lên ngôi, hiệu là Triệu-việt-vương, trị đặng 21 năm, rồi truyền lại cho Lý-phật-Tứ, là dòng tôn thất nhà Lý.

3.— **Lý-phật-Tử,** 570-602 = 32 năm. — Lúc nầy bên Trung-nguyên nhằm nhà Tùy. Tùy-dương-Kiên sai Lưu-Phương sang đánh Nam-việt. Lý-phật-Tử sợ, bèn xin qui hàng. Từ đây nước Nam bị Trung-nguyên kêm chế lần thứ tư.

IX.— Thuộc Trung-Nguyên lần thứ tư

336 năm, (603-939).

Từ năm 603 tới 939, bên Trung-nguyên nhằm đời Tùy, Đường, Ngũ-đợi.

Vua nhà Tùy nghe nói bên cõi Nam, nơi xứ Lâm-âp, có nhiều vật quí lạ, nên sai Lưu-Phương qua một lần nữa mà cướp phá. Vua Lâm-âp là Phạm-phàn-Chi chống cự không nổi, quân Trung-nguyên đoạt được kinh thành Lâm-âp, cướp giựt của cải; còn Lưu-Phương thì lấy vàng ngọc rất nhiều. Nhưng mà lúc trở về, binh chết hết ba phần, Lưu-Phương cũng bỏ mình.

Nhà Tùy mạt (617), nhà Đường dấy (618). Vua Đường-cao-tổ cải nước Nam-việt lại là *Annam đô hộ phủ*, chia ra làm 13 châu.

Nước Annam khi ấy, kể từ Bắc-kỳ cho tới tỉnh Quảng-nam. Trên phía tây bắc là nước Nam-chiếu (tỉnh Vân-nam), phía tây là nước Lào, phía nam là nước Chơn-lạp (Cao-man); còn nước Lâm-âp (Chiêm-thành) ở từ quận Nhựt-nam cho tới ranh Chơn-lạp.

Nhà Đường cai trị nước Nam. — Đường-cao-tổ lên ngôi Trung-nguyên nhằm năm 618. Việc cai trị xứ Annam lúc bây giờ cũng như các đời vua trước : trên hết thì đặt một quan Thứ-sử, gồm hay cả xứ thuộc địa, dưới thì mỗi châu có một quan Thái-thú cai trị. Những quan viên phần nhiều là người Tàu, tánh tham lam độc ác lại quá hơn khi trước.

Dân Annam bị sưu cao thuế nặng, đã ghe phen muốn khởi loạn, mà không thành sự. Có quan Thái-thú Lý-Trắc làm khổ khắc các mán Mọi, nên gây họa. Các mán Mọi hiệp với nước Nam-chiếu tới cướp phá, đuổi người Tàu, thâu được nước Nam. Sau nhà Đường sai Cao-Biền bình phục trong 10 năm mới yên. Cách ít lâu binh Nam-chiếu kéo đến một lần nữa. Nhà Đường dụng kế đưa công chúa cho vua Nam-chiếu. Vua Nam-chiếu ngờ là thiệt, bèn sai ba viên danh tướng đi đón rước, thì cả ba đều bị thuốc độc mà thác, từ ấy nước Nam mới yên đặng một khoản.

Khúc-Hạo, Khúc-thừa-Mỹ. — Nhà Đường hầu suy, sang qua đời Ngũ-đợi (907-957), là Hậu-Lương, Hậu-Đường, Hậu-Tấn, Hậu-Hớn, Hậu-Châu.

Nhà Hậu-Lương phong Lưu-Ẩn làm Nam-bình-vương, đóng đô tại Phiên-ngu, phong Khúc-Hạo làm Thái-thú Giao-châu (Annam).

Lưu-Ẩn qua đời, Lưu-Nghiêm là em lên thế vị. xưng là hoàng đế Nam-Hán (917).

Khúc-Hạo mất, em là Khúc-thừa-Mỹ, vưng mạng vua Hậu-Lương, gồm trị cả 12 châu xứ Nam. Cách

ít lâu vua Nam-Hán khởi binh đánh bắt Khúc-thừa-Mỹ. Dương-đình-Nghệ cầm binh đuổi quân Nam-Hán, rồi lại bị Kiều-công-Tiện là tướng của mình âm mưu giết đi.

Khi ấy có Ngô-quyền, gốc là người Annam, cũng là tướng của Dương-đình-Nghệ, ra chống cự, thắng được Kiều-công-Tiện, sau lập nên nhà Tiền-Ngô, làm vua đặng 5 đời, trị được 30 năm.

X. — Nhà Tiền-Ngô

5 đời vua, trị 30 năm, (939-968)

Ngô-Quyền làm vua được 5 năm (939-944), thì băng, truyền ngôi lại cho con là Xương-Ngập, khi ấy còn nhỏ. Dương-tam-Ca là cậu lên làm phụ chánh, rồi dùng dịp mà đoạt ngôi, xưng là Bình-vương (945—949); sau bị Xương-Văn, là con thứ Ngô-Quyền, giành lại mà cai trị, rồi truyền cho Xương-Xí.

Lúc nầy nước Annam chia ra 12 châu; mỗi châu có một sứ quân, mỗi sứ quân thì xưng vương một cõi, mạnh lấn yếu, loạn lạc cả năm. Hậu-ngô-vương là Xương-Xí cũng trấn một quận, không làm chi nổi mấy sứ quân khác. Tuy là khỏi làm tôi mọi Trung-nguyên, chớ người Nam chưa dựng đặng nên độc lập. Sau có một người họ Đinh dấy lên, dẹp hết 12 sứ quân, lập nền đời chánh thông.

CHƯƠNG II

Đời chánh thống

I. — Nhà Đinh

2 đời vua, trị 13 năm, (968-981)

1.— **Đinh-tiên-hoàng,** 968-980=12 năm.— Người dẹp yên 12 sứ quân ấy là Đinh-bộ-Lãnh, quê ở Hoa-lư (tỉnh Ninh-bình), vốn là con Đinh-công-Trứ, làm Thái-thú châu Hoan khi trước. Cha mẹ mất sớm, Đinh-bộ-Lãnh ở làm thủ hạ với sứ quân Trần-minh-Công trấn quận Bố-chánh. Trần-minh-Công qua đời, Đinh-bộ-Lãnh bèn chiêu tụ anh hùng, rồi cử binh đánh đuổi mấy sứ quân.

Năm 968, người lên ngôi xưng hiệu là Đinh-tiên-hoàng, cải nước Nam lại là *Đại-cù-việt*, phong cho Lê-Hoàn là tôi công thần làm chức Thập đạo tướng quân. Vua nầy bày lề luật rất nghiêm; trước sân chầu có để vạc dầu sôi, có nhốt thú dữ, mà răn dân sự, cho chúng nó bỏ thói lung lăng theo đời 12 sứ quân. Vua lại tu chỉnh việc binh nhung, phân ra có đội ngũ, giao cho Lê-Hoàn quản thống. Qua năm 980, vua bị tên Đỗ-Thích giết, đình thần tôn con thứ vua tên là Triều lên kế vị.

2.— **Phế-đế,** 980-981=1 năm.— Triều lên ngôi hiệu là Phế-đế, khi ấy mới có sáu tuổi. Quyền nhíp chánh về tay Lê-Hoàn, oai thế lẫy lừng, vì có tư thông với bà Dương-thái-hậu là vợ vua Đinh-tiên-Hoàng.

Trong bọn đình thần có người bất bình, toan mưu hại Lê-Hoàn. Lê-Hoàn hay đặng bèn bắt mà giết đi.

Lúc nầy Trung-nguyên cử binh qua đánh nước Nam. Quân sĩ hòng ra trận, thì có người nói rằng : Vua còn thơ âu, lấy ai mà thưởng phạt cho minh, chi bằng bọn ta tôn Thập đạo tướng quân lên, rồi sẽ đánh, không muộn chi. Nói vừa dứt lời, cả triều đều tung hô vạn tuế, phò Lê-Hoàn lên ngôi, lập nên nhà Tiền-Lê.

Từ Đinh-tiên-hoàng (968) cho đến năm 1278, bên Trung-nguyên nhằm đời Bắc-Tống (Triệu-khuông-Dẫn).

II. — Nhà Tiền-Lê

3 đời vua, trị 28 năm, (981-1010)

---

1. — **Lê-đại-Hành**, 981-1006=25 năm.—Lê-Hoàn tức vị, xưng là Lê-đại-Hành. Các quan triều bái vừa xong, vua ra trận, đặng trọn thắng; hai tướng Trung-Nguyên bị bắt điệu về kinh. Sau có sứ triều Tông qua giao hòa, vua dạy trả lại.

Khi ấy xứ Chiêm-thành vi phép, bắt cầm sứ Annam, vua Đại-Hành kéo binh đánh phá tan hoang, đốt kinh đô, chùa miễu, lấy của cái rất nhiều.

Lê-đại-Hành băng năm 1006, di chúc lập con thứ là Long-Việt.

---

2. — **Lê-trung-tông**, 1006.— Long-Việt lên ngôi hiệu là Lê-trung-tông, làm vua mới đặng ba ngày, bị em là Long-Đĩnh thí di mà giành quyền.

3. — **Lê-ngọa-triều**, 1006-1010=4 năm. — Vua nầy tánh độc ác, ưa xem những sự dữ tợn. Vua dạy bắt tội nhơn, lấy rơm tẩm dầu rồi đốt cháy mà coi chơi. Có khi lại bắt thầy sãi quì xuống, để mía trên đầu mà róc, giả đò sẩy tay sả nhằm, cháy máu ra linh láng. Sử đặt tên vua nầy là *Ngọa-triều*, vì tánh hay dâm dục, nên mang bịnh; hễ mỗi khi lâm triều thì nằm. Lê-ngọa-triều băng, để lại một đứa con trai còn nhỏ, sau bị Lý-công-Uẩn là tôi quyền thần phế đi mà lập nên đời Hậu-Lý.

III. — Nhà Hậu-Lý

9 đời vua, trị 215 năm, (1010-1225)

---

1. — **Lý-thái-tổ**, 1010-1028=18 năm. — Lý-công-Uẩn lên ngôi, hiệu là Lý-thái-tổ, đóng đô tại Đại-la, sau lại cải là *Thăng-long* (Hà-nội), ấy là đế đô từ nhà Hậu-Lý tới nhà Hậu-Lê.

Đời nầy thiệt là đời thái bình, dân no, nhà đủ; vua tu tạo đền đài; sửa san đế đô lại rất nên xinh đẹp. Triều nhà Tống (Chơn-tông, 998-1023) sai sứ qua phong cho Lý-công-Uẩn là *Gíao-chỉ quận vương*.

Vua trưng các sắc thuế, lập đồn thú để mà thâu thuế xuất cảng nhập cảng.

Qua năm 1028, Lý-thái-tổ băng, truyền ngôi lại cho con trưởng nam là Phật-mã.

---

2. — **Lý thái-tông**, 1028-1054=26 năm. — Lý-thái-tông (Phật-mã) chưa tức vị, thì ba em vua bèn kéo

binh tới vây thành; nhờ có ông Lê-phụng-Hiểu ra cự, chém đặng một người, mới yên đám giặc ấy. Đời vua nầy, trong 15 năm đầu, mắc lo việc chinh chiến : dẹp tan giặc trong nước, giặc ngoài biên thùy lại nổi lên. Năm 1043, binh Chiêm-thành cướp phá dọc gành bãi nước Nam, Lý-thái-tông cử binh kéo tới thành đô, bắt đặng 3.000 dân Chàm đem về nước, cho đất vỡ ruộng mà làm ăn.

Nước Chiêm-thành khi ấy kể từ tỉnh Quảng-trị cho tới tỉnh Bình-thuận bây giờ, còn nước Annam kể hết xứ Bắc-kỳ cho tới Quảng-trị.

Đời nhà Lý hay sùng đạo Phật. Vua Lý-thái-tông thừa lúc thái bình lập chùa miễu, cấp ruộng đất để lấy huê lợi mà phụng tự. Vua nầy tánh khoan nhơn đại độ, hằng lo cho dân đặng ấm no. Năm mất mùa, bão lụt, giặc giã, thì giảm thuế, lại xuất của kho mà trợ kẻ nghèo. Vua ra chỉ cấm nhặt nghề buôn mọi, lập nhà trạm, dạy kiểm duyệt luật hình, luật hộ, định phần hưu trí cho các quan văn võ.

Đời vua nầy bày ra nghề dệt tơ lụa. Lý-thái-tông băng năm **1054**, có di chúc lập thái tử Nhựt-Tôn.

---

3. — **Lý-thánh-tông,** 1054 - 1072=18 năm. — Nhựt-Tôn lên ngôi, hiệu là Lý-thánh-tông, cải nước Giao-chỉ lại *Đại-việt*. Đời nầy có giặc Chiêm-thành dấy lên nữa. Vua cử binh đi đánh chín tháng trường mà không dẹp yên được. Lúc trở về, nghe người khen ngợi bà hoàng hậu có công trị nước, vua bèn hổ thẹn kéo binh trở lại, ra sức đánh phá Chiêm-thành.

bắt đặng chúa tể là Chế-Cú đem về nước. Sau Chế-Cú phải dưng châu Địa-rí (Quảng-bình) và châu Ma-linh (Quảng-trị) mà chuộc tội.

Vua nầy dạy chế đồ triều phục của các quan văn võ, bày đội mão, mang hia.

Lý-thánh-tông cũng là một vì nhơn quân, đời người trị thì nước nhà được cường thạnh.

4.— **Lý-nhơn-tông,** 1072-1128 = 56 năm. — Đời nầy có giặc Trung-nguyên, Chàm và Chơn-lạp. Vua sai Lý-thường-Kiệt cầm binh đánh thối binh Tàu, bắt đặng 40.000. Lý-nhơn-tông dạy thích tự mà tha về nước hết. Triều nhà Tống cảm ân đức vua, bèn rút binh về Trung-nguyên.

Đời nầy chuộng việc học hành, có mở khoa thi chọn người thông minh để mà giúp nước; vua lập Hàn lâm viện, sai sứ qua Tàu kiếm mua sách vở, định quan chức văn võ, phân làm 9 phẩm, dạy đắp bờ đê mà ngừa lụt sông Nhĩ-hà.

Lý-nhơn-tông không con, truyền ngôi lại cho cháu.

Lúc nầy binh Kim xâm loạn Trung-nguyên, bắt vua Khâm-tông và Huy-tông, qua đời Nam-Tống (Cao-tông).

---

5. — **Lý-thần-tông,** 1128-1138=10 năm. — Lý-thần-tông lên ngôi, đại xá cho tù phạm và hạ chỉ cho binh lính nghỉ thay phiên mỗi năm là 6 tháng mà giúp việc canh nông. Vua lại cấm trong hàng các quan văn võ, không đặng gả con, trước khi triều đình tuyển cung nữ.

6. — **Lý-anh tông**, 1138-1175=37 năm. — Thiên-Tộ là con vua Thần-tông, mới nên ba tuổi, lên ngôi hiệu là Anh-tông. Bà hoàng thái hậu cầm quyền nhíp chánh. Đời nầy thiệt là đời thạnh trị; các xứ lân bang, như Chiêm-thành, Chơn-lạp cùng các mán Mọi, thảy đều kiêng oai vua, không dám cứ động. Năm 1148, có tàu buôn nước Xiêm, nước Miên-điện (Birmanie) đến xứ Annam, vua hạ chiếu cho lập phô phường nơi Vạn-ninh (tỉnh Quảng-yên).

Năm 1169, triều Tông và triều Kim sai sứ qua nước Nam, vua trọng đãi cùng bang cho vàng bạc rất nhiều, nhưng mà không tỏ ý thuận bên nào, vì Tông với Kim còn đương chinh chiến với nhau.

Năm 1174, nhà Tông sai qua mua voi để mà tế lễ; Anh-tông bèn dưng 15 thớt, dạy sứ đem qua tới đế đô. Vua nhà Tông cầm sứ ở lại xem phong cảnh Trung-nguyên, rồi phong cho chức tước mà đưa về.

Vua thường ngự giá tuần vãng khắp nước, đi đường bộ rồi lại đi đường thủy. Lúc trở về, vua dạy vẽ họa đồ nước Nam. Anh-tông băng năm 1175, con thứ là Long-Cán lên thế vị.

---

7. — **Lý-cao-tông**, 1175-1211 = 36 năm. — Vua nầy lên ngôi thuở ba tuổi. Bà hoàng thái hậu muốn lập Long-Xưởng là trưởng tử, nhưng mà triều đình không dám cải lời di chiếu của tiên đế.

Lúc nầy Trung-nguyên sai sứ qua đem sắc phong cho vua; sứ nước Cao-mên, nước Chiêm-thành cũng đến mà triều bái.

Vua Cao-tông lên cầm quyền, không hay lo việc quốc chánh, cứ tu tạo cung điện, đánh thuế cao, bắt xâu nặng. Trong triều thì bán chức tước, ngoài quận thì bá tánh bị quan tham ô hà hiếp. Loạn lạc nổi lên, vua và thái tử Sam phải lánh mình; sau nhờ có người Trần-Lý giúp sức và gả con cho, nên Cao-tông mới phục nghiệp lại được.

---

8. — **Lý-huệ-tông,** 1211-1225=14 năm. — Cao-tông phục nghiệp lại chưa đầy một năm thì băng, truyền ngôi lại cho thái tử Sam, là Huệ-tông.

Đời Lý hầu mãt, nước nhà càng ngày càng tồi bại; Huệ-tông lại mang chứng điên cuồng, không dự triều chánh đặng, mọi việc đều phú cho Trần-thủ-Độ hết.

Vua có hai người con gái : người thứ hai đã gả cho Trần-Liễu, còn người em là Phật-Kim mới nên 7 tuổi. Năm 1224 vua nhường ngôi cho Phật-Kim, rồi vô chùa mà ở.

---

9. — **Lý chiêu hoàng,** 1224-1225 = 1 năm. — Công chúa Phật-Kim lên ngôi, hiệu là Lý-chiêu-hoàng. Trần-thủ-Độ ý muốn tóm thâu giang san nhà Lý, bèn lập mưu đưa Trần-Cảnh là cháu vào ăn ở với công chúa, sau đặng nhượng ngôi, lập nên nhà Trần.

IV. — Nhà Trần

13 đời vua, trị 175 năm (1225-1400)

---

1. — **Trần-thái tông,** 1225-1258=33 năm. — Trần-Cảnh lên ngôi, hiệu là Trần-thái-Tông, khi ấy mới có

8 tuổi, còn Lý-chiêu-hoàng được 7 tuổi. Trần-thủ-Độ oai thế lẫy lừng, toan dứt nhà Lý, nên làm khổ khắc Lý-huệ-Tông, cho đến đổi vua phải tự vận trong chùa. Sau Trần-thủ-Độ lại tư thông với bà hoàng thái hậu. Thái-tông ở với Lý-chiêu-hoàng đã lâu mà không có con. Trần-thủ-Độ bắt ép vợ ngươi Trần-Liễu là anh Thái-tông, đã có thai ba tháng, đem gả cho Thái-tông, rồi phế Lý-chiêu-hoàng xuống làm công chúa. Vua thấy chú mình làm đều trái luân thường như thế, thì bất bình, bèn vô chùa mà ở. Đình thần can gián lắm, vua mới chịu về.

Thái-tông lên cầm quyền bính chánh, nhờ có tôi hiền, nên nước nhà thạnh trị. Vua lo mở mang việc giáo huấn, khai khoa tuyển sĩ. Năm 1247 có hai người đậu đầu: Nguyễn-Hiền và Lê-văn-Hưu. Lê-văn-Hưu sau phụng chỉ dọn sử nước Nam từ Triệu-võ-đế tới Lý-chiêu-hoàng. Có sử ký Annam là từ đời nầy.

Năm 1241, dân Chiêm-thành khởi loạn, lấn bờ cõi nước Nam, vua thân chinh, bắt đặng hoàng hậu và binh Chàm đem về xứ.

Năm 1258, nhà Nguyên (Mông-cổ) hạ nhà Kim, diệt nhà Tống, lên làm vua Trung-quốc (1280-1333). Nguyên-thế-tổ là Hốt-tất-Liệt (Koubilaï) xâm phạm cương giới nước Nam; vua Thái-tông đem binh chống cự, đặng trọn thắng. Sau nghĩ vì nước mình nhỏ nhen, không lẽ kình địch nổi binh Mông-cổ, vua bèn sai sứ qua triều Nguyên xin ba năm sang cống một lần.

Năm 1528, Thái-tông nhường ngôi lại cho con tên là Khoán.

---

2. — **Trần-thánh-tông,** 1258-1279 = 21 năm. — Khoán lên ngôi, hiệu là Thánh-tông. Đời nầy thiệt là đời bình trị, trong triều ngoài quận đều yên như bàn thạch. Nghề văn nghiệp võ càng ngày càng thạnh thế; các đấng anh tài chen nhau đến phò vua vực nước.

Ông Lê-văn-Hưu tu thành bộ *Đại việt sử ký*; vua hạ chỉ cho các nhà học hiệu phải đọc lấy cho biết sự tích nước Annam.

Năm 1261, Trần-thủ-Độ mãn phần. Vua Thánh-tông trị đặng 21 năm, rồi nhường ngôi lại cho con là Khâm.

---

3. — **Trần-nhơn-tông,** 1279-1239 = 14 năm.— Khâm lên kế vị hiệu là Nhơn-tông. Nguyên-thế-tổ sai sứ đòi vua qua triều bái. Nhơn-tông không chịu đi, Nguyên-thế-tổ hạ chỉ cho đại tướng Ô-ma-Nhi cầm binh qua đánh Annam (1282). Ba năm trường, hai bên cầm cự, binh Nguyên chết cũng nhiều, mà không đổ. Sau rốt, vua Nhơn-tông khuyên dụ quân sĩ cùng bá tánh, thảy đều nổ lực đánh thối binh Nguyên, bắt đặng Ô-ma-Nhi và nhiều tướng khác. Nhơn-tông muốn cầu hòa, bèn dạy tha hết về Trung-quốc. Còn Ô-ma-Nhi thì cầm lại, rồi sai đưa về đàng biển. Thuyền ra khơi đặng ít ngày, bị dông bão chìm mất. (Nguyên Ô-ma-Nhi là người hung bạo; lúc cầm binh thì chém giết người Nam rất nhiều, nên vua Nhơn-tông dụng kế hại cho nó chết, mà triều Nguyên không trách đặng).

Mười năm sau (1292), Nguyên-thế-tổ sai sứ qua triệu Nhơn-tông một lần nữa. Nhơn-tông cũng không chịu đi, Nguyên-thế-tổ tính khởi binh, cách ít lâu thì băng.

---

4. — **Trần-anh-tông**, 1293-1314=21 năm. — Nhơn-tông truyền ngôi lại cho con là Thuyên (Anh-tông). Các đời vua trước hay xâm hình rồng nơi bắp chơn, vua Anh-tông không chịu theo thói ấy, nên từ đây cho đến sau bỏ tục xâm mình.

Năm 1305, Anh-tông đưa công chúa Huyền-Trân cho vua Chiêm-thành là Chế-Mân. Chế-Mân dưng hai tĩnh Ô và Rí cho An-nam, sau cái lại là Thuận-châu và Hóa-châu. Đời chúa Nguyễn kêu là Thuận-Hóa.

Vua Chế-Mân băng, Chế-Chi lên kế vị, cử binh đánh lấy hai tĩnh Ô và Rí lại. Anh-tông bắt đặng Chế-Chi, phế đi mà lập người em lên, từ ấy giặc Chiêm thành mới yên.

Năm 1314, vua nhường ngôi lại cho con là Minh, sống được 6 năm nữa rồi băng.

---

5. — **Trần-minh-tông**, 1314-1329 = 15 năm. — Đời nầy không có giặc giã. Vua dùng lúc thái bình mà sửa san việc quốc chánh cùng việc binh nhung. Mộ lính thì chọn những người mạnh mẽ, cao cho đúng thức lệ ; vua dạy trong hàng quân sĩ phải bỏ tục xâm mình ; vua lại cấm trong bá tánh, hễ bà con thì không đặng kiện cáo nhau. Vua giảm bớt số quan viên và canh cải hàng phẩm lại.

6. — **Trần-hiến-tông,** 1329-1341 = 12 năm. — Vua nầy tên là Vượng, vốn là con dòng thứ, (bà hoàng-hậu không có con). Đời Hiến-tông có giặc Ai-lao và giặc Mọi (1337). Vua cử binh dẹp yên, bắt mỗi năm phải triều cống.

Hiến-tông băng, truyền ngôi lại cho em tên là Cáo.

---

7. — **Trần-dũ-tông**, 1341-1369 = 28 năm.— Đời vua nầy, trong nước có nhiều tai họa ; hạn, bão lụt, cào cào, lại thêm trộm cướp nổi lên. Ngoài biên cương, mọi Ai-lao và Chàm khởi loạn, cướp phá dưới sông rạch và dọc theo gành bãi, bắt những ghe thương hồ mà đoạt của. Vua thân chinh trừ khử mấy năm dư, mới bình phục được.

Đời Dũ-tông, bên Trung-quốc nhà Nguyên dứt, nhà Minh dấy, vua Hồng-võ (Minh-thái-tổ) lên ngôi (1368).

---

8. —**Trần nghệ-tông,** 1370-1373=3 năm.--Dũ-tông băng, không con kế vị. Bà hoàng thái hậu muốn lập cháu vua Hiến-tông. Phủ là em vua Dũ-tông khởi loạn tranh ngôi, lên tức vị hiệu là Nghệ-tông.

Đời vua nầy có giặc Chiêm-thành đi đường biển, thình lình kéo lên vây đế đô, giết dân chúng, cướp của cải, rồi bắt con trai con gái Annam mà đem về xứ.

Nghệ-tông nhường ngôi lại cho em là Cạnh (1372), sống 27 năm nữa mới băng, hưởng thọ được 74 tuổi.

9. — **Trần-duệ-tông,** 1373-1378 = 5 năm. — Cạnh lên ngôi hiệu là Duệ-tông. Vua nầy lo tu chỉnh việc binh cơ, dạy đóng ghe để mà độ binh và chở lương thảo. Sắp đặt vừa xong, thì có giặc Chiêm-thành (1375) đánh tới Hóa-châu (Huế). Duệ-tông dẫn binh ra cự địch. Chê-bồn-Nga là vua Chàm sợ, xin hàng phục và dâng cho Đỗ-tứ-Bình là tướng soái nhiều vàng bạc mà chuộc tội. Đỗ-tứ-Bình trở lòng tham, đoạt hết không nạp cho vua. Vua không hay bèn truyền lịnh tấn binh. Chê-bồn-Nga dụng kế dụ Annam vào thành, rồi vùa giết ; Duệ-tông bị thương mà thác, còn em tên là Ức bị bắt cầm ngục.

Đỗ-tứ-Bình và Lê-quí-Ly thâu tàn binh đem về xứ. Về tới nơi, Đỗ-tứ-Bình bị triều đình lột chức, đuổi về dân dã.

10.— **Trần-phế-Đế,** 1378-1390 = 12 năm. — Con Duệ-tông tên là Kiên lên nối ngôi cho cha, hiệu là Phế-đế. Đời vua nầy giặc Chàm dấy lên nữa. Ức là em Duệ-tông bị Chê-bồn-Nga bắt khi trước được làm phò mã, đem binh Chàm chiếm tỉnh Nghệ-an và tỉnh Thanh-hóa mà làm vua (1382).

Kiên tuổi hãy còn nhỏ, không lo kham việc nước, Nghệ-tông bèn phế đi mà lập con mình là Chiêu-Định lên. (Nguyên Nghệ-tông lúc nhường ngôi lại cho em là Duệ-tông, thì không có con. Sau mới sanh đặng Chiêu-Định và Ngung.)

Lúc nầy Lê-quí-Ly đặng vua yêu, nên càng ngày càng lộng quyền ; trong trào ngoài quận ai nầy cũng kiêng oai. Hễ tâu đều chi thì Nghệ-tông cũng nghe,

vì vậy nên Phế-đế bị gièm, bị giáng, sau phải thắt cổ mà chết.

Binh Chàm chiếm Nghệ-an và Thanh-hóa, rồi lấn tới Hóa-châu (Huế). Lê-quí-Ly và Đỗ-tử-Bình ra ngăn chống, mà đánh không thối đặng. Sau binh Chàm thiếu lương, nên phải rút lần về xứ (1384), khi ấy mới yên đặng một khoản.

Bên Trung-nguyên, triều Minh thấy nhà Trần càng ngày càng suy, lại càng câu thúc, bắt dưng lễ cống nhiều hơn khi trước, ấy là cố ý tham, muốn gây sự cừu địch mà tóm thâu nước Nam.

---

11. — **Trần-thuận-tông**, 1388-1389 = 10 năm.

Lê-quí-Ly cậy thế vua, mặc sức tung hoành, phế lập cũng một tay. Trước đã vưng chỉ tôn thái tử Chiêu-Định, sau lại cải chiếu, lập Ngung là con thứ vua Nghệ-tông, hiệu là Thuận-tông, rồi lại đưa con cho. Con làm chánh cung, cha làm tể tướng, thì cái ngôi báu muốn bước lên chừng nào lại không đặng? Thuận-tông mới có 13 tuổi, việc quốc chánh đều về một tay Lê-quí-Ly.

Năm 1394, Nghệ-tông băng, Lê-quí-Ly, tuy chưa lên ngôi, chớ oai thế lớn hơn vua, Thuận-tông ngồi đó cho có vị mà thôi. Quí-Ly sửa việc chánh trị, lập đế đô mới nơi tỉnh Thanh-hóa, kêu là *Tây-đô*, *Đông-đô* hay là Đông-kinh là Thăng-long (Hà-nội), bày giấy bạc, ép dân sự xài, lại cấm không ai được trữ đồng thau trong nhà.

Năm 1390, giặc Chiêm-thành dấy lên, Trần-khắc-Chơn đem binh đi đánh, giết đặng vua Chê-bồn-Nga. Hai người con Chê-bồn-Nga bị La-Khải là tôi của cha mình giành ngôi phải qui hàng Thuận-tông, xin ở ngụ nước Nam.

---

12. — **Trần-thiếu-Đế**, 1398-1400 = 2 năm. — Cung điện cất tại tỉnh Thanh-hóa xong rồi, Quí-Ly ép Thuận-tông phải đi đô nơi ấy. Thuận-tông ở với con Quí-Ly sanh đặng một trai mới nên 3 tuổi. Quí-Ly phế Thuận-tông, bắt cầm ngục, bỏ đói mà chết, rồi tôn cháu ngoại lên, hiệu là Thiếu-đế.

Nơi triều có người muốn hại đứa ninh thần mà trừ mối loạn trong nước, nhưng mà lậu cơ mưu, bị Quí-Ly bắt cả họ mà giết đi hết.

Cách ít lâu Quí-Ly lại phế Thiếu-đế mà lập mình lên, xưng là họ Hồ, là chánh họ của tiên nhơn va.

Hồ-quí-Ly, *tiêm*, 1400.— Quí-Ly lên ngôi đặng vài tháng, rồi nhường lại cho con là Hồ-hán-Thương mà làm Thái thượng hoàng. Tuy không làm vua, chớ cũng dự việc quốc chánh, một tay điều khiển binh dân. Ý cũng muốn cho cơ nghiệp lâu dài, nhưng mà trời không dung đứa gian ninh; sau hai cha con bị nhà Minh bắt mà giết đi.

Hồ-hán-Thương, *tiêm*, 1400-1407.— Giặc Chiêm-thành dấy lên, hai cha con Hồ-quí-Ly cứ binh ra ngăn chống. Vua Chiêm-thành sợ, bèn dưng hai tỉnh Quảng-nam và Quảng-nghĩa mà cầu hòa.

Chiêm-thành tuy thua nhiều trận, mà hãy còn lừng lẫy, không chịu qui phục nước Nam. Lúc nầy bên Trung-nguyên, lấy cớ Hồ tiêm cứ binh mà qua giúp Chiêm-thành, nói rằng: diệt nhà Hồ mà lập nhà Trần lại, chớ thiệt sự là có ý dùng dịp mà thâu đoạt nước Nam. Hai bên giao chiến, chưa phân thắng bại. Binh Annam nghe nói diệt nhà Hồ mà lập nhà Trần, ngờ là thiệt, bỏ khí giới mà rút lần đi hết; hai cha con Quí-Ly thế cùng, tìm đường đào tẩu. Sau bị tướng soái Trung-nguyên là Trương-Phụ bắt đặng, đem về Kim-lăng mà giết đi.

---

13 — **Giản-Định**, 1407-1410 = 3 năm. — Dòng nhà Trần còn sót lại Ngỗi là con thứ vua Nghệ-tông. Ngỗi bị Hồ tiêm, chạy vô tỉnh Nghệ-an, xưng vương hiệu là Giản-Định. Nhờ có Đặng-Tất và Nguyễn-cảnh-Chơn giúp sức, nên chẳng bao lâu thì đã chiêu tập đặng một đạo binh ròng, bèn ra chống cự với Trương-Phụ. Đánh thắng đặng vài trận, mà đuổi không nổi binh Trung-nguyên.

Sau có kẻ gièm rằng Đặng-Tất và Nguyễn-cảnh-Chơn có lòng phản phúc, vua bèn dạy bắt hai vị công thần cùng hết thảy gia thuộc mà giết đi. Con Đặng-Tất và con Nguyễn-cảnh-Chơn bỏ vua hôn quân, qua đầu Trần-quí-Khoáng là cháu Nghệ-tông, tôn lên hiệu là Trùng-quang-đế, rồi cứ binh đánh Giản-Định mà báo cừu cho cha.

Trùng-quang-đế, 1410-1414=4 năm. — Hai đàng giáp binh, Khoáng thấy chú là Giản-Định bèn thi lễ, kêu là Thái-thượng-hoàng. Lúc nầy chú cháu hòa cùng nhau, hiệp lực cự với Trương-Phụ. Binh

Trương-Phụ kéo tới tỉnh Nghệ-an, binh Annam đổ lần. Giản-Định bị giết, Trùng-quang-đế trốn qua Lào, bị dân Lào bắt đem nạp cho Trương-Phụ. Trương-Phụ dạy sắm thuyền điệu Trùng-quang-đế và hai tướng là Đặng-Dung và Nguyễn-Soái về Bắc-kinh. Đi đặng ít ngày, vua tôi bèn nhảy xuống biển mà thác. Đến đây nhà Trần đã dứt, nước Nam bị Trung-nguyên chiếm đoạt mà cai trị 10 năm.

Thuộc Trung-nguyên

10 năm (1418-1428)

Nhà Minh thâu đặng nước Nam, rồi sai quan Tàu qua cai trị như mấy đời trước. Trong 10 năm, người Annam khổ sở biết ngần nào! Đờn ông thì phải đi lặn hột trai, đi đào khoáng sản, đi săn voi mà lấy ngà. Đờn bà thì phải bỏ y phục xứ mình mà ăn mặc theo Tàu. Dân sự phải để tóc như người Trung-nguyên, không đặng xâm mình, phải sùng đạo Phật.

Đã ghe phen bá tánh muốn vẫy vùng cho khỏi chưng tôi mọi, nhưng mà chưa có kẻ trí dõng điều khiển, nên phải bó tay mà chịu.

Lê-Lợi khởi nghĩa. —Năm 1418, có một người tên là Lê-Lợi, ở tỉnh Thanh-hóa, vốn là cựu thần nhà Trần, thấy nhơn dân khốn đốn, bèn khởi nghĩa binh mà quét sạch kẻ ngoại bang. Trong bốn phang, nào anh hùng, nào phú hộ, đều chen nhau đến mà xin làm nha trảo. Lệ-Lợi dấy binh, ban đầu đánh quận huyện, sau kéo ra khỏi Thanh-hóa. Đánh đâu thắng

đó, thâu đoạt lương thảo, khí giới, bắt đặng giặc rất nhiều. Trương-Phụ cầm binh, mỗi trận mỗi thua, bèn cụ sớ về Bắc-kinh, xin lập Trần-Cảo lên, thì mới yên giặc. (Đây nhắc lại khi trước triều nhà Minh dấy binh, có hứa rằng hễ diệt đặng Hồ-quí-Ly, thì sẽ lập nhà Trần lại. Nhưng mà Trương-Phụ, khi lấy đặng nước Nam rồi, thì tâu dối rằng: nhà Trần đã tuyệt, nên mới để nước Nam mà cai trị như xứ thuộc địa vậy).

Hoàng đế nhà Minh, (Thánh-tổ, 1403-1425) nghĩ vì đàng sá xa xuôi, hiểm trở, có đánh nữa cũng không ích gì, bèn chịu lập Trần-Cảo lên ngôi, rồi hạ chỉ cho Trương-Phụ rút binh về Trung-nguyên. Từ ấy tới nay, nước Nam khỏi phiên phục Tàu nữa,

CHƯƠNG III

V. — Nhà Hậu-Lê

26 đời vua, trị 361 năm (1428-1789)

1.— **Lê-thái-tổ**, 1428-1431=6 năm.— Lê-Lợi dẹp yên giặc Trung-nguyên rồi, ân xá tù phạm: những tướng sĩ nhà Minh bị bắt, đều được tha về nước, đồ binh khí cũng trả lại hết. Việc xong, người mới xin Hoàng-đế nhà Minh (Tuyên-tông) lập Trần-Kiểu (Cảo) lên ngôi y theo lời hứa khi trước. Triều nhà Minh chịu phong.

Cảo lên ngôi, hiệu là Trần-Tung. (Sử Annam không có kể vua nầy về dòng Trần). Triều đình nghĩ

công Lê-Lợi đánh nam dẹp bắc đã 10 năm, mới gầy dựng nước nhà lại được, bèn tính tôn người lên mà trị vì thiên hạ. Cáo hay đặng sợ bỏ trốn đi. Có người tìm đặng đem về, nhưng mà cách ít lâu Cáo uống thuốc độc mà thác.

Lê-Lợi lên nối nhà Hậu-Lê, hiệu là Thái-tổ, cải đề đô lại là Đông-kinh[1]. (Tiếng Tonkin là tên xứ Bắc-Kỳ bây giờ bởi chữ Đông-Kinh mà ra).

Mắc 10 năm binh cách, bá tánh đảo huyền, phế việc nông thương, nên lúc Thái-tổ tức vị thì kho tàng trống trơn. Vua canh cải việc chánh trị, ban hành lề luật vừa xong, thì kế lo việc lợi nước nhà, khuyên dân cày cấy, trồng dâu để tằm, nuôi súc vật. Vua dạy kiếm mỏ vàng bạc đào lấy để mà chi tiêu trong xứ, và bớt lại một tiền còn có 50 đồng. (Các đời trước một tiền là 60, 70 đồng). Vua Thái-tổ thiệt là một vì nhơn quân, gồm đủ tài cầm binh trị nước. Tiếc thay! - Người ở ngôi có 6 năm mà băng, hưởng thọ được 51 tuổi.

2.— **Lê-thái-tông,** 1434-1443=9 năm.— Con thứ Thái-tổ tên là Nguyên-Long lên ngôi, hiệu là Thái-tông. Nhờ có bọn tôi hiền là Lê-Sát và Nguyễn-Trại giúp vua trong việc quốc chánh, lo nối giữ cơ đồ của tiên đế đã gầy dựng, nên chẳng bao lâu nước nhà đặng cường thạnh, bá tánh an cư lạc nghiệp. Các mán Mọi, xứ Ai-lao, nước Chiêm-thành, nước Xiêm

---

(1) Đời nhà Lý kêu là Thăng-long (Hà-nội), sau kêu là Đông-đô. Nhà Hồ tiếm lập đô tại tỉnh Thanh-hóa gọi là Tây-đô.

đến dưng lễ công mà xin làm thần xỉ. Năm 1437, Triều-Minh, vua Hiên-tông (1436-1465) sai sứ đem ấn vàng hình lạc đà, nặng 100 lượng mà ban cho Thái-tông.

Vua bày phép thông hành để mà phòng ngừa đạo tặc cùng sự buôn mọi. Trong thôn lý, dân có kiện thưa thì trước hết phải do nơi xã trưởng. Kiểu mẫu đồ đo tường truyền ra trong nước buộc dân sự phải tuân theo mà dùng; lụa hàng một cây phải có 30 thước, còn vải thì 22 hay là 24 thước; một tiền thì xài 60 đồng. Vua định ba năm thi hương một kỳ.

Lê-Sát là tôi có công giúp Thái-tổ khi trước, bị kẻ gian nịnh gièm siểm, Thái-tông bèn dạy tam ban triều điển[1]. Bọn trung thần thấy lòng vua bạc bẻo như thế, thì muốn trả chức mà về; nhưng nghĩ vì tiên đế thác cô, nên không nỡ bỏ. Thái-tông ở ngôi đặng 9 năm. Ngày kia vua đi chơi đến nhà vườn của Nguyễn-Trại, băng tại đó. Nên sau Nguyễn-Trại bị tru di tam tộc[2].

---

3. **– Lê-nhơn-tông,** 1443-1460 = 17 năm. — Bang-Kỳ là con thứ ba của Thái-tông lên ngôi thuở còn ba tuổi, hiệu là Nhơn-tông. Mẹ người lãnh cầm quyền trị nước. Đời vua nầy có giặc Chiêm-thành. Binh triều đánh dẹp xong rồi, bắt vua Bí-Cái cầm ngục,

---

(1) Vua ban cho ba vật để mà xử lấy mình: 1· một bầu thuốc độc, 2· một đượng lụa. 3· một cây gươm.

(2) Bị giết ba họ: 1· họ mình, 2· họ của mẹ mình, 3· họ của vợ mình.

tôn vua khác lên. Năm 1454, Phan-phù-Tiên phụng chỉ dọn sử từ nhà Trần cho đến đầu nhà Hậu-Lê. Năm 1448, mùa màng thất bát, vua dạy mở kho lấy lúa mà giúp cho dân sự.

Năm 1453, vua được 13 tuổi, bà hoàng thái hậu giao quyền bính chánh lại. Nhơn-tông ở ngôi tới năm 1459, thì bị anh mình là Nghi-Dân thí đi. Nghi-Dân độc ác, mê dâm vô độ, làm vua mới được 8 tháng, bị triều đình xử tam ban, rồi lập Tư-Thành là con thứ 4 vua Thái-tông.

---

4. – **Lê-thánh-tông,** 1460-1498 = 38 năm. – Tư-Thành lên ngôi hiệu là Thánh-tông. Vua nầy mới có 18 tuổi, mà thông minh lắm, nghề văn nghiệp võ đều gồm đủ. Người ban hành luật *Hồng-đức* cai những tội phải phạt, tùy theo khinh trọng, cho dân khẩn đất hoang vu mà trồng tỉa, đào kinh, vét sông, đắp bờ đê. Vua dạy lấy họa đồ mỗi tỉnh, rồi lập thành địa đồ chung trong nước và phú cho Ngô-sĩ-Liên dọn sử. Những dân lậu được nhóm lại một chỗ, vua cho đất vỡ lấy mà làm ruộng; lúc thái bình thì được miễn sưu thuế, mà hễ có giặc giã thì những người tráng kiện phải ra đầu quân. Những dân ấy kêu là dân *đồn điền.*

Nước Chiêm-thành không bỏ thói lung lăng, cứ xâm phạm bờ cõi nước Nam hoài. Vua quyết trừ cho tuyệt, bèn cử binh đánh lấy hết một phần đất mà làm tỉnh Quảng-nam bây giờ, còn lại bao nhiêu thì phân phát cho mấy ông hoàng Chàm, mỗi người trị một xứ, có quan Annam kiểm sát.

Nước Annam khi ấy chia ra 12 tỉnh :

1· Thanh-hóa,
2· Nghệ-an,
3· Sơn-nam, (Hà-nội, Nam-định, Hưng-yên),
4· Sơn-tây,
5· Kinh-bắc (Bắc-ninh),
6· Hải-dương,
7· Thái-nguyên,
8· Tuyên-quang,
9· Hưng-hóa,
10· Lạng-sơn,
11· An-bang (Quảng-yên),
12· Thuận-hóa,

5.— **Lê-hiến-tông,** 1498-1505= 7 năm.—Huy, tuổi đã 37 , lên nối nghiệp cha, hiệu là Hiến-tông. Vua đặt chức Khâm sai để đi từng vãng khắp xứ mà kiểm sát các tổng đốc cùng quan viên mỗi tỉnh. Vua canh cải việc điền lính lại, miễn binh diêu cho con nhà nghèo khó. Những người có ruộng đất thì phải cày cấy, nếu bỏ hoang thì nhà nước lấy mà cho dân khẩn.

Vua cũng lo mở mang việc giáo huấn, trước là cho phong tục đặng thuần mĩ, sau là chọn kẻ hiền tài giúp nước. Vua có lập 24 điều để dạy dân cho biết luân thường đạo lý. Mỗi tháng làng phải nhóm hết nam phụ lão ấu mà giảng dụ một lần.

6.— **Lê-túc-tông,** 1505= 6 tháng. – Tuân là con thứ ba vua Hiến-tông lên ngôi, hiệu là Túc-tông, trị được 6 tháng thì băng, có di chiếu lập anh mình là Thuần. Sử không có chép đều chi khác.

7. — **Lê-oai-mục**, 1505-1510 = 5 năm. — Thuấn vẫn là con người hầu của vua Hiền-tông. Lúc tôn người lên ngôi, thì bà hoàng thái hậu có ngăn trở, ngặt vì có lời di chúc của Túc-tông, nên đình thần không dám cải.

Vua nầy ưa sắc dục, hay chém giết; trước đã hại bà hoàng thái hậu và hai vị công thần, sau lại thuốc chú, cầm ngục bà con. Việc triều chánh thì giao cho mẹ, vua không biết tới một máy.

Giặc Chiêm-thành dầy lên, triều đình sai Lê-Uinh là chắt vua Thánh-tông và Mạc-đăng-Dong đi dẹp. Lê-Uinh đã không đặng thưởng công, mà lại bị bắt giam ngục. Người vượt khỏi, tụ chúng khởi loạn, bắt đặng hôn quân. Oai-Mục biết mình không khỏi bị giết, bèn uống thuốc độc mà thác.

---

8. — **Lê-tương-dực-đế**, 1510-1517 = 7 năm. — Lê-Uinh trừ đặng Oai-Mục, rồi lên ngôi, hiệu là Tương-dực-đế. Vua nầy lúc làm tướng thì đặng lòng dân, nay bước lên ngai, lại trở nên kiêu căng, xa xí, hôn muội, làm cho những tôi hiền bỏ đi lần hết. Có tên Trần-Cảo khởi loạn xưng vương, kéo binh vây đế đô. Vua sai Trịnh-duy-Sản ra cự. Nguyên Trịnh-duy-Sản bị đòn oan, tính kế trả thù, bèn lên ngựa, dẫn quân sĩ ra khỏi thành, rồi trở lại bắt vua mà thí đi.

Trịnh-duy-Sản lập Quang-trị mới nên 8 tuổi, rồi đem về Tây-đô (Thanh-hóa). Cách ít ngày Quang-trị bị Trịnh-duy-Đại là em Duy-Sản thắt cổ mà thác.

Đây nhắc lại chuyện Trần-Cảo dấy loạn: Trần-Cảo vừa kéo binh tới Đông-đô (Hà-nội), thì có binh Nguyễn-hoằng-Dũ ngăn đánh thôi lại. Hoằng-Dũ vào đê đô, đốt cung điện, bắt lũ nịnh là tôi của Tương-dực-đế mà giết hết, rồi hiệp với Duy-Sản tôn Ý là con Cẩm-giang-vương lên ngôi, hiệu là Lê-chiêu-tông, đem về Thanh-hóa mà ngự đỡ. Lúc nầy Hà-nội bỏ trông, Trần-Cảo kéo binh trở lại, thì gặp Trịnh-duy-Sản và Nguyễn-hoằng-Dũ phò vua Chiêu-tông ở Thanh-hóa vừa đên. Hai đàng giáp chiến; Trần-Cảo thê yêu cự không nổi, bèn rút binh về Lạng-sơn.

Lê-chiêu-tông vào đê đô Thăng-long, lên nối nghiệp nhà Lê; nhưng mà từ đây về sau vua ngồi ngai cho có vị, quyền hành thì về tay họ Mạc và họ Trịnh.

---

9. — **Lê-chiêu-tông,** 1517-1523=6 năm. — Giặc Trần-Cảo nổi lên nữa. Trịnh-duy-Sản phụng mạng đi dẹp, lầm gian kê, bị tên mà thác. Trần-Chơn là phó tướng cầm binh đặng trọn thắng. Vua Chiêu-tông nghe lời sàm nịnh nói rằng Trần-Chơn có ý khôi phục nhà Trần, nên khi người về vừa đên, thì đòi vào cung, rồi phục binh mà giết đi. Phe thủ hạ của Trần-Chơn bèn khởi loạn, hiệp với binh Nguyễn-hoằng-Dũ vây chặt thành đô, tôn Lê-Du lên. Mạc-đăng-Dong ra cự, bắt đặng Lê-Du cùng tướng soái; kẻ nào đầu thì cho làm quan, người nào nghịch thì bị giết.

Lập đặng công lớn như thế, thì Mạc-đăng-Dong càng lộng quyền, hiếp vua, trổ mòi tham. Chiêu-tông sợ, trốn ra Thanh-hóa, là chỗ Trịnh-Tuy đồn binh. Mạc-đăng-Dong phế Chiêu-tông, lập Xuân là em Chiêu-tông, hiệu là Lê-cung-hoàng, rồi cứ binh đánh Trịnh-Tuy, bắt vua lại, đem về Hà-nội giết đi.

10.— **Lê-cung-hoàng,** 1523-1528=5 năm.— Lúc nầy ngôi nhà Lê ở trong tay họ Mạc. Mạc-đăng-Dong thí vua Chiêu-tông rồi lo kết phe đảng. Kẻ nào thuận thì để, kẻ nào nghịch thì chém, gian ác không thua gì Tào, Mảng.

Mưu kế đã lập thành, Mạc-đăng-Dong vào cung bắt vua phế mà nhường ngôi, rồi ép phải tự vận.

Mạc-đăng-Dong, *tiêm*, 1528-1531 = 3 năm. — Mạc-đăng-Dong soán nhà Lê, rồi sai sứ qua Bắc-kinh mà cầu phong, nói rằng họ Lê đã tuyệt. Minh-thế-tông (Gia-tịnh, 1522-1567) không tin lời, hạ chiếu cho quan tổng đốc tỉnh Quảng-đông tra xét. Mạc-đăng-Dong hay đặng, hối lộ cho vì quan ấy, luôn dịp lại sai dưng cống vàng bạc châu báu rất nhiều. Vua nhà Minh nhậm lễ vật, bỏ qua, không nói tới việc tiềm soán ấy nữa.

Mạc-đăng-Dong ở ngôi đặng ít năm, rồi truyền lại cho con là Mạc-đăng-Dinh, mà làm chức Thái thượng hoàng; tuy không ở triều, chớ cũng lo việc nước như xưa.

NHÀ LÊ PHỤC QUỐC

11. — **Lê-trang-tông,** 1533-1549 = 16 năm.

Nguyễn-Kim phò Lê diệt Mạc

Mạc-đăng-Dinh, tiềm, 1531-1540 = 9 năm

Đây nhắc lại việc Lê-chiêu-tông bị Mạc-đăng-Dong thí mà soán ngôi. Khi ấy có một vị đại thần tên là Nguyễn-Kim phò bà hoàng thái hậu và ông hoàng Lê-Ninh trốn qua nước Chiêm-thành, ở với mọi Ai-lao. Nguyễn-Kim lo chiêu binh mãi mã, chờ ngày khôi phục cho nhà Lê. Năm 1540 chiếm đặng tỉnh Nghệ-an, rồi lần ra tới Thanh-hóa, lấy Tây-đô, tôn Lê-Ninh lên ngôi hiệu là Lê-trang-tông. Đã ghe phen Nguyễn-Kim có sai người qua Trung-nguyên tâu cùng triều Minh về sự họ Mạc tiềm soán, mà bị binh Mạc đón đàng giết đi, nên biệt tin tức. Sau có Trịnh-duy-Liêu ngồi thuyền đi hai năm trường mới tới Bắc-kinh, vào triều yết kiến Minh-thế-tông (Gia-tịnh, 1522-1567), mà tỏ bày những tội ác của họ Mạc và xin vua thẩm xét.

Minh-thế-tông hạ chỉ cho quan Khâm sai qua tới Vân-nam mà tra vấn, mới rõ sự bội nghịch gian ác của Mạc-đăng-Dong. Khi ấy triều Minh dấy binh (1537) phạt họ Mạc. (Việc nầy sau sẽ tiếp theo.)

Nói về Mạc-đăng-Dinh mới lên ngôi (1531), thì có giặc Lê-Ý xưng là dòng dõi nhà Lê, cử binh phục quốc. Mạc-đăng-Dong ra chống cự bị thua, con là

Mạc-đăng-Dinh tiếp chiến cũng thua luôn. Lê-Ý không thừa thắng mà vây thành Thăng-long, lại đồn binh hạ trại. Bởi không phòng ngừa, nên bị quỉ kế mà hư việc cả. Lê-Ý bị bắt, còn bao nhiêu tàn quân trốn qua Ai-lao đầu Nguyễn-Kim.

---

12. **Lê-trung-tông,** 1549-1557 = 8 năm.

Nguyễn-Kim. — Trịnh Kiểm phò Lê

Mạc-phước-Hải, tiềm, 1541-1546 = 5 năm.

Sử lúc nầy chỉ chép sự tranh phuông của hai đàng: nhà Lê và họ Mạc.

Lê-trang-tông băng (1548), con tên là Huyên lên nối ngôi hiệu là Lê-trung-tông, khi ấy được 14 tuổi.

Năm 1537, triều Minh sai Mã-bá-Ôn đem binh qua phạt họ Mạc về tội thí vua mà soán ngôi. Mạc-đăng-Dong bèn trói mình ra quì trước đầu ngựa Mã-bá-Ôn, lạy lục, khóc lóc, xin dưng 6 châu cho nhà Minh mà làm thần xỉ, mỗi năm triều cống. Sớ cụ về Trung-nguyên, vua Minh-thế-tông phong cho họ Mạc làm quan nhị phẩm, trấn mấy xứ Bắc (Tonkin), còn nhà Lê thì giữ mấy xứ Nam (Thanh-hóa, Nghệ-an), rồi truyền lịnh cho Mã-bá-Ôn rút binh về Trung-quốc, từ ấy không nói về việc họ Mạc tiềm soán nữa.

Năm 1541, Mạc-đăng-Dong qua đời. Mạc-phước-Hải là cháu nội lên kế nghiêp cho cha là Mạc-đăng-Dinh, mới mãn, rồi sai sứ đem lễ vật mà dưng cho triều Minh.

Lúc nầy Nguyễn-Kim đã lấy đặng Tây-đô (Thanh-hóa), rồi đánh ra tới Sơn-nam (Nam-định, Hưng-yên), tính thẳng đường sang vây Hà-nội. Thương ôi! Công nghiệp chưa thành, lâm gian kế, bị một tay thủ hạ của họ Mạc trá hàng mà thuốc đi. Nguyễn-Kim qua đời, để lại hai người con trai: Uông, Nguyễn-Hoàng và một người con gái gả cho Trịnh-Kiểm. Uông đã mất sớm, Nguyễn-Hoàng thì còn nhỏ, Trịnh-Kiểm lãnh nối nghiệp cho cha vợ, quản thống binh nhung.

---

13. — **Lê-anh-tông,** 1557-1572 = 15 năm.

Trịnh-Kiểm 1545-1569

Mạc-phước-Nguyên, tiếm, 1548-1561 = 13 năm.

Lê-trung-tông băng (1557), không có con kế nghiệp, triều đình tôn một người chắt vua Lê-Lợi, hiệu là Lê-anh-tông.

Mạc-phước-Hải qua đời (1546), con là Mạc-phước-Nguyên lên thế.

Lúc nầy, phe họ Mạc đã yếu, vì anh em tranh cạnh nhau. Nhà Lê lại càng ngày càng thạnh thế, binh tướng đông, lương thảo nhiều. Năm 1555, Trịnh-Kiểm thắng đặng họ Mạc một trận rất to, muốn đánh luôn tới Hà-nội, nhưng mà còn sợ Trung-nguyên tiếp chiến, nên rút binh về Sơn-nam mà cố thủ. Trịnh-Kiểm cũng có ý làm cho yếu sức họ Mạc, rồi sau sẽ trừ một lần cho dễ.

Năm 1569, Trịnh-Kiểm qua đời, giao quyền cho con lớn là Trịnh-Côi. Trịnh-Cối đã không tài làm tướng, mà lại hay khắc bạc quân sĩ, triều đình bèn lột chức mà trao cho em là Trịnh-Tòng. Trịnh-Côi phản, qua đầu Mạc, sau theo Mạc-kính-Điển đánh vây thành An-trường (Thanh-hóa) ba tháng mà lấy không nổi. Trịnh-Tòng thừa thế xua binh đánh Mạc thất luôn ba trận. Từ ấy oai thế Trịnh-Tòng càng ngày càng thêm, hiếp vua, thị chúng. Lê-anh-tông sợ, đem bốn người con trốn ra Nghệ-an. Khi ấy, tại triều còn lại một người, Trịnh-Tòng bèn tôn lên, hiệu là Thế-tông, rồi lập tức cử binh theo bắt vua Anh-tông mà giết đi.

14.— Lê-thế-tông, 1572-1588 : 27 năm

Trịnh-Tòng, 1570-1619

Mạc-mậu-Hiệp, tiềm, 1562-1592.

Trịnh-Tòng thừa thắng lấy Ninh-bình, Nam-định, rồi lần tới Hưng-hóa, Mạc cứ thua mãi thế. Năm 1591, Tòng cử đại binh đến vây Hà-nội. Hai bên hỗn chiến, binh Mạc cự không nổi, bèn loạn. Trịnh-Tòng vào thành vỗ an bá tánh, rồi dạy dẫn Nguyễn-Quyện là tướng trấn thủ Hà-nội ra mà hỏi việc binh cơ của Mạc. Trịnh thấy người có tài, muốn dụ hàng đầu. Nguyễn-Quyện trả lời rằng: Tướng cùng còn nói chi việc giặc. Trịnh-Tòng khen người nghĩa khí bèn tha ngay.

Mạc-mậu-Hiệp thoát khỏi trùng vây, trốn theo dân chúng, cạo đầu vô chùa mà ở. Sau có kẻ nhìn được, bắt đem nạp cho Trịnh-Tòng. Trịnh-Tòng dạy xử lăng trì. Lúc nầy kiên họ Mạc còn sót lại một ít người chạy lên Lạng-Sơn, Cao-bằng mà đình trú.

Năm 1594, Lê-thế-tông vào thành Thăng-long, lo tu bổ cung điện, rồi cũng sai sứ qua Trung-nguyên mà cầu phong. Từ đây nhà Lê thâu phục cơ nghiệp của tiên nhơn, lên làm vua, nhưng mà quyền hành về tay họ Trịnh. Thế-tông băng năm 1599, con thứ lên nối ngôi, hiệu là Lê-kỉnh-tông.

CHƯƠNG IV

15.—**Lê-kỉnh-tông,** 1599-1619 = 20 năm

CHÚA TRỊNH CHÚA NGUYỄN TRANH PHUỒNG.

Trịnh-Tòng, 1570-1619 ll Nguyễn-Hoàng, 1600-1643

Đây nhắc lại chuyện Nguyễn-Kim phò vua Lê-trung-tông, lập đặng công lớn, việc cả gần thành, rủi bị thuốc độc mà thác. Con trai là Nguyễn-Hoàng còn nhỏ nương theo anh rể là Trịnh-Kiểm mà tập nghề văn nghiệp võ. Lúc khôn lớn, Trịnh-Kiểm cho ra trấn tỉnh Quảng-nam và Thuận-hóa. (Nguyên tỉnh nầy là châu Ô, châu Rí của Chiêm-thành khi trước, vua Thánh-tông (*Coi lại bài thứ 4*) lấy mà làm tỉnh Thuận-hóa (Quảng-bình bây giờ).

Nguyễn-Hoàng ở đó, làm chúa một cõi, bá tánh đều tùng phục. Trong 10 năm, lo xây đồn đắp lũy, tháo luyện binh nhung. Năm 1572, Mạc cử binh mã tới đánh, bị thua, từ ấy không dám léo đến nữa. Lần lần Nguyễn-Hoàng lấy mấy tỉnh phía nam, cho tới Bình-thuận.

Những xứ thuộc về chúa Nguyễn cai trị, kể từ bắc chí nam là: Quảng-bình, Quảng-nam, Quảng-ngãi, Quảng-đức (Thừa-thiên), Quảng-trị, Bình-định, Phú-yên, Khánh-hoà, Bình-thuận. Từ Bình-thuận ra tới Quảng-bình kêu là *Đàng-trong* (Cochinchine), kinh đô: Huê. Từ Quảng-bình sấp ra phía bắc thuộc về chúa Trịnh, kêu là *Đàng-ngoài* (Tonkin), kinh đô: Hà-nội.

Đàng-ngoài thì có vua Lê, chúa Trịnh; Đàng-trong thì chúa Nguyễn, kêu là chúa Bắc, chúa Nam.

Trịnh, Nguyễn tuy nghịch cùng nhau, chớ cũng thờ một chúa là vua nhà Lê.

Đời Lê-kinh-tông trị vì, chúa Nguyễn-Hoàng kiểm điểm binh mã lai kinh bái mạng, xin vua nạp dụng. Vua sai đi trừ họ Mạc, thắng đặng nhiều trận, danh vang xứ Bắc. Ở tại triều đã lâu, mà không thấy Lê-kinh-tông phán cho về xứ. Còn Trịnh-Tòng tuy bề ngoài thì niềm nở tình cậu cháu, (Trịnh-Tòng kêu Nguyễn-Hoàng bằng cậu), chớ trong lòng ganh ghét, muốn kiếm cớ mà sát hại. Nguyễn-Hoàng thấy Trịnh-Tòng càng ngày càng lộng quyền, tính không thể ở lâu đặng, bèn dụng mưu trốn mà về cõi Nam. Từ ấy tới sau, hai họ thù khích nhau, tranh phuông với nhau gần 200 năm.

Vua Lê-kinh-tông muốn hại Trịnh-Tòng cho khỏi bề câu thúc, bèn nghị kế với Thung là con thứ Trịnh-Tòng. Rủi lậu mưu, cả hai bị bắt, Kinh-tông bị giết, Thung bị cầm ngục.

Trịnh-tòng tôn Lê-duy-Kỳ, con Lê-kinh-tông lên ngôi, hiệu là Lê-thần-tông.

---

16. — **Lê-thần-tông**, 1619-1643 = 24 năm (lần đầu)

Trịnh-Tòng, (Bình-an-vương), 1570-1619	Nguyễn-phước-Nguyên, (Sãi-vương), 1614-1634
Trịnh-Trang, (Thanh-đô-vương), 1620-1651	Nguyễn-phước-Lan (Thượng-vương), 1635-1646

Năm 1613, chúa Nguyễn-Hoàng qua đời, con là Nguyễn-phước-Nguyên lên kế nghiệp, hiệu là Sãi-vương.

Ngoài Bắc, Trịnh-Trang thế quyền cho cha là Trịnh-Tòng, cũng giữ tước vương như xưa.

Năm 1622, hai chúa khởi việc chiến tranh cùng nhau. Vua Lê-thần-tông nghe lời Trịnh-Trang sai đòi thuế chúa Nguyễn; chúa Nguyễn biết kế chúa Trịnh muốn gây việc cừu địch, nên không chịu nạp, cứ lo kiên thủ thành trì mà chờ giặc. Binh bắc vừa kéo đến, bị Sãi-vương chận đánh thối lui, đoạt được lương thảo, khí giới rất nhiều. Kế có giặc Mạc nhiễu hại tỉnh Lạng-Sơn, Cao-băng, Trịnh-trang phải đi dẹp, bắt đặng tướng sĩ và thân tộc họ Mạc điệu về kinh mà giết hết. Từ ấy họ Mạc, tuy chưa trừ đặng tuyệt, nhưng mà đã bớt thói lung lăng.

Qua năm 1629, 1642. Trịnh cứ binh xâm phạm cõi Nam, mà cũng bị thua nữa.

Năm 1643, Lê-thần-tông nhường ngôi lại cho con là Lê-duy-Hựu.

17.— **Lê-chơn-tông**, 1643-1648 = 5 năm

Trịnh-Trang, (Thanh-đô-vương), 1620-1654	Nguyễn-phước-Tần (Hiền-vương), 1649-1685

Lê-duy-Hựu lên ngôi, hiệu là Lê-chơn-tông. Bên Trung-nguyên, nhà Minh dứt, vua Thuận-trị lập nên đời nhà Thanh (1644-1662).

Đời Lê-chơn-tông, hai cõi Bắc Nam yên được ít năm. Chúa Trịnh, chúa Nguyễn lo dưỡng binh gia chứa lương thảo. Năm 1647, hai đàng giáp chiến tại Bô-Chánh. Trịnh quyết lấy cho đặng tỉnh Quảng-bình, mà mắc tướng trấn thủ là Trương-phước-Phân cầm binh rất hay, giữ thành bền vững, nên Trịnh-Trang không làm chi đặng. Kế Hiền-vương đem binh tiếp, đánh đuổi Trịnh-Trang qua khỏi sông Linh-giang.

Năm 1648, Lê-chơn-tông băng không con kế nghiệp. Trịnh-Trang ép vua Lê-thần-tông lên ngôi lại.

Chúa Hiền-vương lo mở mang cõi Nam, khai cửa Hải-phố (Faï-fo), cho người phương Tây vào mà thương mãi.

18.—**Lê-thần-tông,** 1648-1663=15 năm (lần thứ nhì)

Trịnh-Trang, 1620-1654	Nguyễn-phước-Tần
Trịnh-Thạc, 1654-1682	(Hiền-vương), 1549-1685

Từ khi chúa Trịnh khởi binh tranh cõi Nam, chúa Nguyễn cứ kiên thủ thành trì, chờ giặc tới mới đánh, chớ chưa ra khỏi cương giới nước mình, cũng chưa lấy đặng thành nào mà mở mang nước ra rộng lớn. Nay sẵn binh ròng tướng mạnh, tính thâu Nghệ-an, Thanh-hóa, rồi luôn đường thẳng ra Hà-nội.

Năm 1653, Hiền-vương qua sông Linh-giang, gặp binh Bắc, đánh nhau một trận tại Hoành-sơn, chiếm đặng 7 huyện tỉnh Nghệ-an. Chúa Nguyễn vỗ an bá tánh, cầm nhặt quân chúng không cho cướp phá dân sự, rồi thừa thắng đi lấy Thanh-hóa, bỗng nghe tin Trịnh-Trang qua đời, bèn truyền lịnh dừng binh. Qua năm 1660, hai tướng trấn thủ Nghệ-an không hòa nhau, ăn ở khắc bạc, nên lòng dân dời đổi. Trịnh-Thạc lên thế quyền cho cha, đến vây thành, chẳng bao lâu Nghệ-an về tay giặc. Từ ấy chúa Nguyễn đắp thành từ Trấn-ninh ra tới biển để mà giữ gìn bờ cõi.

Lê-thần-tông băng năm 1663, con là Lê-duy-Cũ mới nên 9 tuổi lên kế vị, hiệu là Lê-huyền-tông.

19.— Lê-huyền-tông, 1663-1673=10 năm

Trịnh-Thạc, (Tây-định-vương), 1654-1682	Nguyễn-phước-Tần, (Hiền-vương), 1649-1685

Chúa Trịnh dây oai nơi đất Bắc. — Trịnh-Thạc lúc nầy ngưng việc đánh Nam, mắc lo trừ họ Mạc đương khởi loạn tại tỉnh Cao-Bằng và dẹp những côn đồ cướp phá Tuyên-quang. Năm 1671, Lê-huyên-tông sai đòi thuế Hiền-vương nữa. Hiền-vương không nạp và cũng không tiếp sứ. Trịnh-Thạc muốn cử binh, triều đình can gián lắm mới thôi.

Trịnh-Thạc đưa con cho Lê-huyên-tông, ép vua phê cho mình hai đều: là khi vào trào thì khỏi lạy, ngồi thì ngang vua, bên phía tả. Chúa Trịnh gồm hết quyền hành của vua, mấy bộ viện cũng một tay va quản thông.

Nhà Nguyễn khai khẩn xứ Nam-kỳ (La Basse-Cochinchine). — Mấy đời chúa trước đuổi lần dân Chàm từ Bắc chí Nam cho đến tỉnh Bình-thuận bây giờ. Nước Chiêm-thành tuy suy nhược, nhỏ nhen, chớ không chừa thói lung lăng. Thừa lúc chúa Nguyễn mắc lo cự địch cùng chúa Trịnh, vua Chàm xâm phạm cõi Nam. Hiền-vương cử binh gia phạt, bắt đặng vua Chàm điệu về kinh, còn vợ thì trí cho một quận nhỏ nơi tỉnh Bình-thuận mà ở cho đến khi mãn phần. Từ ấy dân Chàm tản lạc, lớp thì rút vô rừng rú, lớp thì lên đồn trú trên núi non. Những mọi Kha, mọi Mường bây giờ đây là dòng giống dân Chàm khi trước.

Từ ranh tỉnh Bình-thuận sấp vô Nam-Kỳ là nước Cao-man. Người Annam tràn qua khỏi giới địa, ở lộn lạo với dân xứ ấy, kẻ thì làm ruộng rẫy, kẻ thì buôn bán. Mô-xoài (Bà-rịa), Đông-nai (Biên-hòa), hai chỗ ấy thì có người Annam ngụ nhiều hơn hết. Thường hễ người ngoại bang trà trộn cùng dân bổn thổ, thì sao cho khỏi sanh ra đều thù khích, giết bỏ nhau. Quan địa phương tỉnh Bình-thuận cụ sớ tâu rằng vua Cao-man là Néăc-ông-Chăn để cho dân mình hiêp đáp người Annam. Chúa Hiền-vương ý muốn mở mang bờ cõi, bèn thừa dịp cứ binh lấy Mô-xoài, Đồng-nai, bắt vua Néăc-ông-Chăn phải hàng phục và tấn công thường năm.

---

20 — **Lê-gia--tông**, 1673-1675 = 2 năm

Trịnh-Thạc, (Tây-định-vương), 1654-1682	Nguyễn-phước-Tần, 1649-1685

Huyền-tông băng (1673), Trịnh-Thạc lập em vua là Lê-duy-Hội, hiệu là Lê-gia-tông.

Năm 1672, Trịnh-Thạc độ binh qua Linh-giang, quyết thâu cho đặng cõi Nam. Hai bên giao chiến nơi thành Trấn-ninh. Trịnh có người Hoa-lang (Hollandais) giúp, phóng hỏa công đốt đồn lũy. Tướng giữ thành Trấn-ninh là Nguyễn-hữu-Dật truyền lịnh lăn súc gỗ xuống giết binh Bắc hằng hà sa số. Trịnh-Thạc đánh bảy tháng trời mà hãm thành không được, bỗng đặng mật thơ nói rể mình muốn phản, bèn rút binh bớt về Hà-nội. Hiền-vương thừa dịp khai thành, vùa giết quân nghịch, đuổi qua khỏi sông Linh-giang.

Trịnh-Thạc về tới kinh đô Hà-nội, bắt rể xứ lăng trì, rồi lại sai người bỏ thuốc độc mà hại luôn em là Trịnh-Triên, vì nghi cho Triên đã đồng lỏa cùng rể mình.

Năm 1675, có một ông hoàng Cao-man khởi loạn đuổi vua Néăc-ông-Non mà giành ngôi. Néăc-ông-Non trôn ra Huê xin chúa Hiền-vương báo hộ. Hiền-vương sắm sửa chiên thuyền, độ binh tới Nam-vang, thâu đoạt thành lũy, rồi tôn Néăc-ông-Non lên làm vua nhì, cònNéăc-ông-Thu là cháu làm vua nhứt. Từ ây oai danh chúa Nguyễn rúng khắp nước Cao-man; nội phía nam xứ nầy sau bị sáp nhập về Annam mà làm xứ Nam-Kỳ (Basse-Cochinchine).

---

21. — **Lê-hi-tông**, 1675-1705 = 5 năm.

Trịnh-Thạc, (Tây-định-vương), 1654-1682	Nguyễn-phước-Tần (Hiền-vương), 1649-1685
Trịnh-Căn, (Định-nam-vương), 1682-1707	Nguyễn-phước-Thời (Ngãi-vương), 1686-1690

Lê-gia-tông băng (1675), em là Lê-duy-Hiệp lên ngôi, hiệu là Lê-hi-tông.

Năm 1677, Mạc-kính-Võ dây loạn chiêm tỉnh Cao-bằng, Trịnh-Thạc đánh đuổi qua Trung-nguyên; sau bị nhà Thanh bắt mà nạp cho chúa Trịnh. Bên nây, chúa Trịnh cũng bắt những kẻ nghịch nhà Thanh mà giải về Bắc-kinh.

Năm 1682, Trịnh-Thạc qua đời, con là Trịnh-Căn lên thế quyền, cũng được phép ngồi một bên vua, khỏi lạy như các quan khác.

Năm 1681, có nhiều người Trung-nguyên không chịu phục nhà Thanh qua đầu chúa Hiền-vương. Chúa Hiền-vương trí cho ở Biên-hòa và Mỹ-tho mà lập nghiệp; sau lâu đời, bỏ phong tục Tàu mà theo phong tục Annam, làm bạn cùng đờn bà Annam, nối sanh ra người *Minh-hương*.

Hiền-vương qua đời năm 1685, con là Nguyễn-phước-Thời lên nối nghiệp, hiệu là Ngãi-vương.

Lê-hi-tông nhường ngôi lại cho con là Lê-dũ-tông.

---

22. — **Lê-dũ-tông,** 1705-1729 = 24 năm

Trịnh-Căn, (Định-nam-vương). 1682-1707	Nguyễn-phước-Điều (Minh-vương), 1691-1723
Trịnh-Cang, (An-đô-vương). 1707-1729	Nguyễn-phước-Chú (Ninh-vương), 1724-1736

Trịnh-Căn qua đời năm 1707, cháu nội là Trịnh-Cang (Cương) lên kế nghiệp, oai thế hoành hành hơn ông nội, phế lập, thưởng phạt, làm chi thì làm, vua không dám cãi. Trịnh-Cang có tài trị nước, bày ra địa bộ, cấm các quan không đặng lập làng riêng mà chứa những dân trốn xâu lậu thuế, ban hành luật *Hồng-đức*, bỏ hình chặt ngón tay mà thế hình khổ sai, đào kinh, vét sông, đánh thuế những vật thổ sản và khoáng sản.

Chúa Minh-vương mở thêm cõi Nam ra rộng lớn, lấy quận đã cho bà hoàng hậu Chàm ở khi trước mà làm phủ Bình-thuận. Năm 1715, có một người Khách

tên là Mạc-Cửu dưng cho Minh-vương 7 xứ mình đã khai khẩn. Chúa Minh-vương phong tước hầu cho Mạc-Cửu và giao cho người trấn 7 xứ ấy : Hà-tiên, Phú-quôc, Long-cơ, Cần-vọt (Kam-pot), Vũng-thơm (Kampong-thom), Rạch-giá, Cà-mau.

Năm 1729, Trịnh-Cang ép vua nhường ngôi lại cho con thứ là Lê-duy-Phường, cách ít tháng Trịnh-Cang qua đời cũng một năm ấy (1729).

---

23. — **Vĩnh-khánh-đế,** 1729-1732 = 3 năm

Trịnh-Giang, (Oai-nam-vương), 1730-1739	Nguyễn-phước-Chú (Minh-vương), 1724-1736

Lê-duy-Phường lên ngôi, hiệu là Vĩnh-khánh-đê. Vua phong cho con Trịnh-Cang làm hoàng hậu, vợ Trịnh-Cang làm hoàng thái hậu. Trịnh-Cang qua đời, con là Trịnh-Giang lên nôi nghiệp. Trịnh-Giang cũng giỏi việc trị nước như cha vậy. Nhưng mà mắc tu tạo đền đài, xa xí của nước quá đỗi, nên kho tàng trông trơn, sanh ra sự tình tệ: mua quan, bán tước. Năm 1729, mùa màng thât bát, bão lục nhiều nơi, Trịnh-Giang hạ chỉ giảm thuê cho dân, mà tăng thuê người Khách, lại cấm không cho đào khoáng sản nơi tỉnh Thanh-hóa nữa, sợ động mồ mả tiên nhơn.

Năm 1731, Trịnh-Giang phê Khánh-đê mà lập anh vua lên, hiệu là Lê-thuần-tông.

Nơi cõi Nam, chúa Minh-vương dời phủ Định-viễn ở Cái-bè xuống Long-hồ (Vĩnh-long) và lo mở mang giới địa xứ Nam-kỳ.

Mạc-Cửu qua đời, Minh-vương phong cho con là Mạc-tông lên nối nghiệp.

24. — **Lê-thần-tông**, 1732-1735 = 3 năm

Trịnh-Giang, (Oai-nam-vương), 1730-1739	Nguyễn-phước-Chú (Minh-vương), 1724-1736

Đời nầy sử không chép đều chi lạ. Trịnh-Giang bày khắc bản in Tứ thơ, Ngũ kinh để mà dùng trong xứ, cấm mua sách Tàu.

25. — **Lê-ý-tông**, 1735-1740 = 5 năm.

Trịnh-Giang, (Oai-nam-vương), 1730-1739	Nguyễn-phước-Chú (Minh-vương), 1724-1736
Trịnh-Dinh, (Minh-đô-vương), 1740-1767	Nguyễn-phước-Huợt (Võ-vương), 1737-1763

Trịnh-Giang càng ngày càng kiêu căng cho đến đỗi đòi sứ Trung-nguyên phong cho mình là Annam Thượng vương. Trong trào ngoài quận ai nầy đều nghiến răng chắt lưỡi. Có ba ông hoàng: Lê-duy-Chúc, Lê-duy-Quí và Lê-duy-Mật đề cờ: « *Phò Lê, diệt Trịnh* », khiến dân dấy loạn. Lê-duy-Chúc và Lê-duy-Quí bị bắt; còn Lê-duy-Mật trốn khỏi, chiêu tụ anh hùng mà cự với họ Trịnh, sau thế cùng phải tự vận tại tĩnh Trấn-ninh (*Coi bài sau*).

Lúc nầy Trịnh-Giang bỡi hay dâm dục, nên mang binh hoạn. Ngầy nọ, trời sét làm cho va mất vía. Từ ấy, hễ nghe trời gầm thì run sợ, bèn dạy xây một cái hầm, rồi xuống đó mà ở. Bao nhiêu quyền thế đều giao cho tên nội hoạn Huỳnh-công-Phụ. Tên nầy lại gian ác hơn Trịnh-Giang nữa. Đình thần bèn nghị lập Trịnh-Dinh, Huỳnh-công-Phụ sợ Dinh giết, kiếm đường đào tẩu.

Trịnh-Dinh ép Lê-ý-tông nhường ngôi lại cho cháu là Lê-duy-Đào. (Nguyên Lê-duy-Đào là cháu Lê-duy-Mật đã khởi loạn, nên Trịnh-Giang nghi mà cầm ngục; nay lập Đào lên là có ý vỗ an bá tánh).

Nơi cõi Nam, Ninh-vương qua đời, (1736) con là Võ-vương lên kế nghiệp.

CHƯƠNG V

Giặc Tây-sơn. — Nhạc, Huệ, Lữ.

26.— **Lê hiển-tông,** 1740-1786 = 46 năm,

Trịnh-Dinh, (Minh-đô-vương), 1740-1767 Trịnh-Sum, (Tịnh-đô-vương), 1767-1782	Nguyễn-phước-Huợt (Võ-vương), 1737-1763 Nguyễn-phước-Thuần (Định-vương), 1766-1777

Ngoài Bắc Lê-duy-Đào lên ngôi, hiệu là Lê-hiển-tông. Trịnh-Dinh qua đời, con là Trịnh-Sum thế quyền.

Trịnh-Dinh đã tôn Lê-duy-Đào rồi, mà phe Lê-duy-Mật cũng còn dấy loạn. Lúc nầy Lê-duy-Mật đương đồn binh tại Trấn-ninh, bị vây chặt, liệu thế không khỏi bị bắt, bèn lên giàng hỏa mà thác. Từ ấy xứ Bắc mới yên.

Trong cõi Nam, cơ nghiệp chúa Nguyễn hầu suy; Võ-vương qua đời (1765), Thuần lên nối nghiệp, hiệu là Định-vương. Chúa Định-vương tuổi còn nhỏ, không lo kham việc quốc chánh, giao quyền hành cho Trương-phước-Mạn. Tên nầy cũng là tay gian hùng; chẳng khỏi bao lâu đã ló mồi tham, muốn tiếm soán, bắt Hiều-khương-vương là con thứ của Võ-vương mà cầm ngục, rồi giết đi. Loạn trong trào láng lần ra ngoài quận, khiến cho một tên biện lại Nguyễn-văn-Nhạc thừa dịp dấy lên, thâu nước Nam mà xưng vương xưng bá mấy năm. Giặc nầy kêu là giặc *Tây-sơn*, ban đầu cướp phá quận huyện, sau lấy tới Qui-nhơn, Bắc-kỳ, Nam-kỳ.

Tây-sơn lấy Qui-nhơn,
Trịnh-Sum tiếp Định-vương.

Nguyễn-văn-Nhạc cùng hai em là Huệ và Lữ kéo binh vây Qui-nhơn; chẳng mấy ngày thành bị phá. Nhạc thừa thắng lấy luôn Huế (1774). Chúa Định-vương cô thế tìm vô Nam-kỳ mộ binh đặng lo cự địch, để cháu là Mục-vương ở lại Quảng-nam mà ngăn giặc. Nhạc muốn đặng lòng bá tánh, sai tướng Khách tên

Lý-Tài dẫn vài trăm binh đến phò Mục-vương trở về kinh đô Huê. Mục-vương sợ lắm qui kế, bèn dụ Lý-Tài theo mình vô Nam-kỳ mà hiệp với Định-vương (1775).

Ngoài Bắc, Trịnh-Sum nghe Tây-sơn dấy loạn cõi Nam, cử binh mã, nói rằng: đi cứu Định-vương, chớ thiệt sự là đi lấy kinh đô Huê. Khi ấy Nhạc ra hàng đầu, được phong làm tiên quân, sau lãnh trấn tỉnh Quảng-nam (1776). Gian thần Trương-phước-Man bị bắt điệu về Hà-nội, sau bị xử lăng trì.

Trịnh-Sum dẹp loạn yên, rồi thâu binh về Bắc.

Huệ cử binh lấy Hà-nội,

Trịnh-Giai bị khốn liều mình.

Binh Trịnh-Sum rút đi rồi, Nhạc rộng đường, tung hoành một cõi; cơ nghiệp nhà Nguyễn dựng nên từ đời Nguyễn-Hoàng hầu về tay gã. Nhạc xưng vương, lập đô tại Qui-nhơn, rồi sai em là Huệ và Nguyễn-hữu-Chỉnh là tướng phản Trịnh, cầm binh đi lấy Huê (1781). Tổng trấn Huê không ra ngăn chống; chẳng khỏi bao lâu thành đô bị phá. Nguyễn-hữu-Chỉnh khuyên Huệ dề cờ «*Phò Lê, diệt Trịnh*», rồi thừa thắng kéo ra Hà-nội. Huệ nghe lời truyền lịnh tấn binh.

Trịnh-Sum dẹp yên loạn Tây-sơn, rồi trở về Hà-nội. (*Coi lại bài trước*), cách ít lâu thọ bịnh mà thác (1782).

Con là Trịnh-Giai lên thế. Lúc nầy quân Tây-sơn bắt từ Nghệ-an đánh ra Thanh-hóa, thâu Nam-định. Trịnh-Giai dẫn binh ra cự, bị vây chặt, thế cùng bèn rút gươm đâm họng mà thác (1786).

Huệ vào đế đô, vua Lê-hiển-tông xuống ngai nghinh tiếp, mời ngồi một bên, phong tước Quốc-công lại đưa công chúa cho nữa. Lê-hiển-tông băng năm 1786, tuổi đã 70.

---

27. — **Lê-chiêu-thống**, 2786-1788 (*Rốt nhà Lê*)

Nhạc nghi em kéo binh ra đất Bắc,

Nguyễn-hữu-Chỉnh bị kế trốn về Nghệ-an.

Lê-hiển-tông băng (1786), triều đình tôn Lê-duy-Khiêm là cháu nội, hiệu Lê-chiêu-thống. Lúc nầy Nhạc ở Qui-nhơn nghe tin em mình (Huệ) đã lấy Hà-nội, lại đặng vua yêu dùng, thì hềm nghi, bèn kéo binh ra đất Bắc. Đi vừa đến thành Thăng-long, thì thấy vua Chiêu-thống cùng triều đình đón rước rất nên trọng thể. Vua xin chia đất, Nhạc chối từ nói rằng diệt Trịnh, phò vua, chớ không có ý lấy nước vua. Từ ấy Lê-chiêu-thống mới yên tâm, không còn nghi sợ nữa.

Võ-văn-Nhâm là tướng của Nhạc tâu rằng Nguyễn-hữu-Chỉnh bày mưu lấy Hà-nội, là có ý muốn lập cho mình, nếu sớm không lo trừ khử, thì sau sẽ có họa to. Nhạc thương nghị với Huệ, rồi nội đêm truyền linh thâu binh về Qui-nhơn, không cho Nguyễn-hữu-Chỉnh hay. (Nguyên Chỉnh ngày trước phản Trịnh

đầu Tây-sơn, nay ở lại một mình, chỉ cho khỏi bị dân Bắc giết).

Rạng ngày Chỉnh biết trúng gian kế, bèn với vài tên thủ hạ mướn thuyền thẳng ra Nghệ-an. Nhạc và Huệ đồn binh nơi đó, giao cho Chỉnh ở lại trấn tỉnh ấy, rồi hai anh em trở về Bình-định.

Trịnh-Phùng làm phản cướp ngôi,
Nguyễn-hữu-Chỉnh giúp vua Lê.

Phe họ Trịnh thấy binh Tây-sơn rút đi hết, thì trở về trào tranh quyền tước với nhau, không kể chi đến vua. Khi ấy có hai anh em là: Trịnh-Đệ và Trịnh-Phùng. Đệ về trước, ép vua phê cho mình thế chức của Trịnh-Giai, Phùng tới sau giành; hai đàng giao chiến cùng nhau; Đệ thua phải trốn đi, Phùng được vua phong quờn tước của ông cha xưa, lại càng hoành hành, khi quân, thị chúng. Ý soán đoạt đã lô ra, vua Lê-chiêu-thống bèn sai người đem mật thơ ra Nghệ-an cho Nguyễn-hữu-Chỉnh.

Chỉnh cử binh giúp vua, đánh Trịnh-Phùng đại bại rút về Kinh-bắc (Bắc-ninh).

Cách ít lâu lại ra chống cự nữa, mà cũng bị thua mãi thế. Trịnh-Phùng thôi chí bèn bỏ mà đi, còn quân sĩ thì tán lạc hết. Từ đây họ Trịnh dứt, mà nhà Lê cũng gần vong.

Nhạc, Huệ, Lữ chia nước xưng vương,
Vua Lê thế cùng cầu Trung-quốc.

Cũng vì nghi kị nhau, nên Nhạc và Huệ khởi việc chiến tranh. Huệ vây Qui-nhơn, Nhạc phải rút binh Nam-kỳ mà cự địch. Hai đàng đánh nhau chưa biết hơn thua, sau nghĩ tình cốt nhục, lại hòa cùng nhau, chia đất mà làm vua.

Nhạc xưng *Trung-ương-hoàng-đế*, lãnh tỉnh Quảng nam, Quảng-ngãi và Bình-định, đóng đô tại Qui-nhơn.

Huệ xưng *Bắc-bình-vương*, lãnh tỉnh Quảng-đức, Quảng-trị, Quảng-bình, Hà-tịnh, Nghệ-an, Thanh-hóa và gồm cả xứ Bắc-kỳ, đóng đô tại Huế.

Lữ xưng *Đông-bình-vương*, lãnh Khánh-hòa, Bình-thuận và xứ Nam-kỳ.

Chia chác xong xuôi rồi, Huệ cử binh ra lấy Hà-nội một lần nữa. Nguyễn-hữu-Chinh ngăn chồng không nổi, bèn tháo lui, bị Võ-văn-Nhâm và Ngô-văn-Sở là tướng của Huệ chận lại, bắt đặng đem nạp cho Huệ. Huệ dạy chém bêu đầu làm lịnh.

Vua Lê-chiêu-thống trốn qua Trung-nguyên mà cầu cứu. Hoàng đế Trung-nguyên sai binh giúp, bị Tây-sơn thế mạnh giết rất nhiều. Từ đây vua nhà Lê mất nước, ở ngụ tại Quảng-đông, sau được chỉ triệu về Bắc-kinh mà làm quan, đến năm 1791 thì băng.

Huệ lấy đặng xứ Bắc-kỳ, lên làm vua. Đến năm 1801, Nguyễn-Anh nhờ sức người Lang-sa và các đứng anh tài như : Võ-Tánh và Lê-văn-Duyệt, dẹp yên Tây-sơn, lập nên nhà Nguyễn, xưng hiệu là Gia-Long.

CHƯƠNG VI

Gia-Long phục quốc

I. —*Định-vương lâm tay giặc, Nguyễn-Anh lánh Tây-sơn.*

Nói về chúa Định-vương bỏ đế đô Huế, vô Nam-kỳ mộ binh mà cự với Tây-sơn (1774). Cách ít lâu con là Mục-vương cũng tìm theo. (*Coi lại bài 26 và bài kế đó*). Định-vương ở tại Saigon, chiêu tập binh mã, có cháu là Nguyễn-Anh trợ lực.

Nguyễn-Anh là con Hiếu-khương-vương bị gian thần Trương-phước-Man cầm ngục mà thác. Hiếu-khương-vương là anh Định-vương, cả hai là con Võ-vương ; Nguyễn-Anh kêu Định-vương bằng chú.

Năm 1777, Nguyễn-văn-Nhạc thừa lúc Trịnh-Sum thâu binh về Hà-nội, bèn xưng vương hiệu là Thái-đức, rồi sai em là Huệ đuổi theo Định-vương và đánh lấy xứ Nam-kỳ (Basse-Cochinchine). Định-vương thế yếu, ngăn chống không nổi, phải thối lần tới Long-xuyên. Huệ chận đường, bắt đặng cả hai cha con đem về Saigon giết đi (1777).

Định-vương và con là Mục-vương thác rồi, chi diệp nhà Nguyễn bây giờ chỉ còn một mình Nguyễn-Anh. Lúc nầy Nguyễn-Anh bị giặc Tây-sơn đuổi theo rất gấp, chạy tới Cà-mau, rồi xuống thuyền ra cù lao Thổ-châu nơi vịnh Xiêm-la mà tị nạn

II. — *Nguyễn-Anh thề cùng cầu Xiêm quốc, Đức cha vì nghĩa chịu viện binh.*

Tây-sơn chiếm đặng xứ Nam-kỳ, nhưng mà mắc đương lo cự địch cùng chúa Trịnh ngoài Bắc, nên phải rút bớt binh về. Lúc nầy Nguyễn-Anh đã được 17 tuổi; những tướng sĩ theo phò người lấy hiệu *Đông-sơn*, tôn người làm Đại nguyên soái, rồi dấy động quân chúng đuổi Tây-sơn, thâu Bình-thuận. Từ năm 1777 tới 1786, đánh đã ba trận, giành xứ Nam-kỳ lại ba lần, mà ba lần phải thất, vì Tây-sơn thế còn đương mạnh.

Năm 1783, Nguyễn-Anh bỏ Gia-định, chạy ra Phú-quốc, tính lần qua nước Xiêm mà cầu cứu. Thời may lại gặp Đức cha *d'Adran*, bị bắt đạo, cũng ở tại đó mà tị nạn. Nguyễn-Anh bèn thuật hết các nỗi gian nguy, xin người chiếu cố. Đức cha khuyên phải viện binh Lang-sa thì trừ mới yên giặc Tây-sơn. Nguyễn-Anh chịu, gởi gắm đông cung *Cảnh* khi ấy mới nên 5 tuổi. Năm 1784, Đức cha lìa cõi Nam, qua thành Pondichéry, rồi trẩy sang nước Lang-sa, đến năm 1787 mới tới Lorient.

Đức cha đi rồi, thì Nguyễn-Anh qua nước Xiêm. Vua Xiêm tên là *Chatri*, lúc trước có mang ơn Nguyễn-Anh, bèn giúp binh và chiến thuyền. Năm 1786, Nguyễn-Anh đánh lấy đặng ít chỗ, rồi cũng bị thua mà trở về Bangkok, mất hết một tên danh tướng là Châu-văn-Tiếp. Từ ấy chúa tôi ở nước Xiêm, lo mộ binh, đóng tàu chờ ngày khôi phục.

III. — *Nguyễn-Anh thâu Gia-định, Binh Pháp tới Nam-kỳ.*

Nguyễn-Anh từ ngày thất Nam-kỳ, trở lại ở Bangkok, cũng có ý trông vua Xiêm giúp binh một lần nữa. Nhưng mà đợi càng ngày càng vắng, người bèn thông tin cho chư tướng hay, rồi lén để điệu gia quyến đem để ngụ tại hòn Phú-quốc. Cách ít lâu, những trang hào kiệt như: Võ-Tánh, Ngô-tùng-Châu, Nguyễn-văn-Thiêng, Lê-văn-Duyệt hiệp quân sĩ lại được đông đủ, khí giới sẵn sàng. Nguyễn-Anh truyền lịnh kéo đi lấy Gia-định (1787). Vua Tây-sơn Nguyễn văn-Lữ hay đặng, lui về Bình-thuận, để một mình Lê-văn-Ngạn ở lại thủ thành. Binh Tây-sơn bị Võ-Tánh đi tiên đạo đánh thối lui; Lê-văn-Ngạn phải bỏ Gia-định chạy ra Bình-thuận.

Nguyễn-Anh thâu đặng Gia-định, vỗ an bá tánh, lo đắp đồn lũy mà kiên thủ. Việc yên rồi, người cho đi rước gia quyến về (1788).

Năm 1789, Đức cha d'Adran viện đặng binh Lang-sa, trở qua Saigon, có đem súng đồng, khí giới cùng thuốc đạn. Các quan Lang-sa theo Đức cha qua giúp vận nhà Nguyễn: ông *Chaigneau, Vannier, de Forçant, Dayot, Ollivier, Le Brun, Despiaux*, đều là người trí dõng, mưu lược. Kẻ thì lo tập luyện binh lính, kẻ thì đóng tàu, kẻ thì lập đồn lũy thành trì. Không đầy một năm binh bộ thủy đã thành thuộc, chiến thuyền đã sẵn sàng, Nguyễn-Anh sai ông Dayot và ông Vannier đi đàng biển phá cửa Thị-nại (tỉnh Qui-nhơn); còn binh bộ thì đánh Bình-thuận, Phú-yên (1791). Mới trận đầu, Tây-sơn hao binh tổn tướng

rất nhiều, một đạo chiến thuyền đều tiêu hủy. Từ ấy về sau, mỗi năm, hễ tới mùa gió thuận, thì Nguyễn-Anh đi đánh Tây-sơn, qua mùa gió nghịch thì nghỉ binh, làm như vậy đã hơn 10 năm, mới thâu phục đặng Qui-nhơn.

Năm 1792, ông hoàng Đãm sanh ra nơi chùa Khải-tường ở làng Tân-lộc, sau lên ngôi hiệu là Minh-Mạng.

IV.— *Võ-Tánh bị khổn liều mình, Nguyễn-Anh cử binh lấy Huế.*

Chúa Tây-sơn Nguyễn-văn-Huệ (Bắc-bình-vương) qua đời, con là Nguyễn-quang-Toản lên thế vị. Lúc nầy phe Tây-sơn không phù hiệp nhau. Nhạc bại binh cầu cháu là Toản cứu; Toản mạnh thế, đánh giành nước, phế Nhạc, phong cho con Nhạc làm Hiếu-công. Cách ít lâu Nhạc mất, còn Lữ (Đông-bình-vương), Toản lại bắt mà giết đi. Cả xứ Nam và xứ Bắc nay về một tay Nguyễn-quang-Toản.

Nguyễn-Anh đánh Qui-nhơn đã năm trận mới thâu được (1799). Người giao cho Võ-Tánh và Ngô-tùng-Châu trấn thủ, rồi trở về Gia-định. Qua năm sau (1800), quân Tây-sơn trở lại vây Qui-nhơn; Võ-Tánh liền thông tin cho Nguyễn-Anh hay; rủi nhằm lúc gió nghịch, nên không thế mà cứu cấp đặng. Đến tháng tư (1801), Nguyễn-Anh độ binh đi giải vây; Nguyễn-văn-Thiêng và Lê-văn-Duyệt đánh bộ phá

đồn lũy, còn dưới sông thì các quan Lang-sa đốt chiến thuyền Tây-sơn. Thành Qui-nhơn gần về tay chúa Nguyễn, bỗng có tin trong Nam-kỳ cho hay rằng đông cung Cảnh đã mất lộc (1801). Nguyễn-Anh ngã lòng, bèn khiến Võ-Tánh bỏ thành mà tìm ra Cù-mông là chỗ người đồn binh. Võ-Tánh liệu thế Tây-sơn vây chặt Qui-nhơn, ắt là đế đô Huế phải mỏng binh, bèn khuyên Nguyễn-Anh thừa dịp đi đánh Tourane mà lấy Huế, còn mình thì tự quyết liều thác ở lại mà cầm cự với giặc.

Nguyễn-Anh y kế, truyền lịnh cho mấy đạo chiến thuyền thẳng ra cửa Hàn (Tourane); cách ít ngày thâu đặng đế đô Huế; Nguyễn-quang-Toản đã trốn mất. Nguyễn-Anh vào thành vỗ an bá tánh, niêm phong cung điện kho tàng, rồi lập tức kéo binh đi giải vây Qui-nhơn.

Võ-Tánh bị khốn gần một năm, lương phạn đã hết, quân sĩ đều thối chí. Nghĩ mạng sanh linh là trọng, người bèn bắn thơ cho tướng giặc xin chớ tàn hại binh dân, rồi mặc đồ triều phục lên giàng thiêu mà tự tử; Ngô-tùng-Châu uống thuốc độc cũng thác. Tướng Tây-sơn kéo vô thành, dạy chôn cất Võ-Tánh và Ngô-tùng-Châu, rồi y như lời không đá động tới dân chúng.

Khi Nguyễn-Anh lấy đế đô Huế, dẫn binh tới Qui-nhơn, thì Tây-sơn đã đoạt thành rồi. Binh Nam-kỳ vây Tây-sơn lại và chận các nẻo vận lương. Cách ít lâu quân sĩ bị đói thét, lớp thì trốn qua Lào, lớp thì

hàng đầu; từ đây mới thâu phục đặng thành Qui-nhơn. Nguyễn-Anh đặt tĩnh nầy lại là Bình-định.

V. — *Đức cha nửu chừng tạ thế, Nguyễn-Anh tức vị xưng vương.*

Năm 1799, thành Qui-nhơn thâu đặng rồi, nghiệp cả của nhà Nguyễn gần thành, Đức cha d'Adran đã qui thiên. Người mất tại Bình-định, nhằm ngày 9 Octobre 1799. Nguyễn-Anh dạy tẩn liệm, rồi độ linh cửu về Gia-định mà an táng tại làng Tân-sơn, lập lăng mà thờ, lại chạm bia đá mà biêu danh trung nghĩa. Năm 1794, Nguyễn-Anh có dạy cất *Miễu Công Thần*, (tục kêu là Miễu Hội đồng, tại *Aux Mares*), để mà thờ các quan Lang-sa và Annam có công khai quốc.

Năm 1802, Nguyễn-Anh xưng vương tại đế đô Huê, đặt niên hiệu là Gia-Long. Khi ấy xứ Bắc-kỳ chưa quét sạch đảng Tây-sơn; Gia-Long truyền lịnh độ binh qua sông Linh-giang, nhắm Thăng-long tấn phát. Đi tới đâu bá tánh ra đón rước; quan quân khai thành nghinh tiếp; chưa đầy một tháng binh đã tới Hà-nội. Gia-Long vào đế đô, thăng điện; con cháu nhà Lê, chúa Trịnh cùng các quan tới triều bái. Gia-Long phong tước lộc, lại cấp cho ruộng đất để mà phụng tự. Còn quân giặc Tây-sơn, hạn năm ngày phải bỏ khí giới tới mà đầu thì tha giết. Khi ấy Nguyễn-quang-Toản và gia thuộc bị bắt, Gia-Long dạy xử lăng trì.

CHƯƠNG VII.

VI.— **Nhà Nguyễn** (*tới vua Khải-định*) 12 đời (1802.....)

1. — **Gia-Long**, 1802-1820=18 năm. — Gia-Long lên làm chúa một cõi choán cả gành Đông-dương từ nam chí bắc :

1º Xứ Nam-kỳ (Basse-Cochinchine), 6 tỉnh : Gia-định (Phan-yên), Trấn-biên (Biên-hòa), Định-tường (Mỹ-tho), Long-hồ (Vĩnh-long), An-giang (Châu-đốc), Hà-tiên.

2º Xứ Nam-trung (Cochinchine), 8 tỉnh : Quảng-bình, Quảng-trị, Quảng-đức, Quảng-nam, Quảng-ngãi, Bình-định, Nha-trang, Bình-thuận.

3º Xứ Bắc-kỳ (Tonkin), 12 tỉnh : Thanh-hóa, Nghệ-an, Sơn-nam (Nam-định, Hưng-yên), Kinh-bắc (Bắc-ninh), Hải-dương, Sơn-tây, Hà-giang, Thái-nguyên, Hưng-hóa, Tuyên-quang, Lạng-sơn, Cao-bằng.

Đề đô lập tại Huế (tỉnh Quảng-đức), có lục bộ : bộ lại, bộ hộ, bộ lễ, bộ binh, bộ hình, bộ công, gồm các việc chánh trị cùng việc binh nhung trong ba xứ.

Mỗi tỉnh có 1 tổng đốc, 1 bố chánh, 1 án sát, 1 đốc học, 1 chánh phó lãnh binh, có tri huyện, tri phủ.

Xứ Nam-kỳ có đặt một quan Khâm sai quản thống, trấn tại Saigon.

Xứ Bắc-kỳ cũng do theo việc chánh trị đời nhà Lê, có một quan Tổng trấn gồm hay các việc lục bộ.

I. – *Vua Gia-Long ở cùng người Lang-sa.*— Các quan Lang-sa theo giúp vận nhà Nguyễn, có công khai quốc, đều được phong quờn tước rất cao sang. Vua cấp cho mỗi người là 50 tên lính để mà hầu hạ, lại miễn lễ triều bái, khỏi lạy 5 lạy như quan Annam. Ông *Emmanuel* và ông *Dayot* đã tử trận có sắc tặng để thờ nơi Miễu Công Thần.

Rốt lại sau, chỉ còn ông Chaigneau và ông Vannier ở tại triều; vua Gia-Long cũng hậu đãi như xưa, lại thường dạy con phải nhớ công ơn các quan Lang-sa đã giúp mình dựng nên nghiệp cả.

Lúc nầy có tàu ở Pháp-quốc qua lại thương mãi, vua dạy miễn thuế nhập cảng, lại chỉ cho mà biên những hàng hóa người bổn quốc hay dùng, dặn sau chở qua mà bán. Từ khi ấy có tàu tới lui thường, dân Nam thấy tàu Lang-sa mua những vật thổ sản mà đem về, thì lại nongná việc canh nông kị nghệ hơn buổi trước.

Năm 1819, sẵn dịp có tàu buôn, ông Chaigneau từ tạ vua Gia-Long mà về quê ít năm rồi sẽ qua.

II.-- *Vua Gia-Long trị nước.* Phàm trị dân thì phải có người tài đức, vậy nên vua truyền khai khoa tuyển

sĩ, lại dạy lập nhà trường khắp nơi, giao cho đốc học kiểm sát.

Hàng phẩm các quan văn võ phân định đành rành; việc thăng cấp, giáng cấp thì cứ phép công, dầu cho hoàng thân quốc thích thì cũng do nơi sự cần cán, mẫn trực mà phong thưởng.

Vua dạy tu bổ đồn lũy thành trì và lập thêm trong nhiều chỗ. Mỗi tỉnh thì phải có đường sá thông thương; cuộc bờ đê nơi xứ Bắc-kỳ thì sửa lại bền chắc; kinh rạch vét lại sâu cho ghe thuyền đi thong thả.

Mỗi tỉnh đều có lập kho tàng để mà tích trữ lúa gạo phòng khi thất mùa; còn dài theo đường sứ thì có cất nhà trạm để đem tờ công văn và để cho kẻ lỡ chơn trái bước đỗ nhờ.

Vua cũng châm chế các sắc thuế, cấm làng không đặng bán công điền, công thổ, phải để mà cho dân mướn lấy tiền bỏ vô công nho công ích.

Vua truyền chỉ điểm duợt những luật lệ dùng thuở nay mà ban hành trong nước, gọi là *Luật Gia-Long.*

III.— *Vua Gia-Long ở cùng ngoại bang.*— Vua Gia-Long lấy đặng Hà-nội rồi, có sai Trịnh-hoài-Đức qua Trung-nguyên dâng lễ vật cho triều Thanh mà cầu phong. Hoàng đế Gia-Khánh hạ chỉ cho một vị đại thần đem ấn sắc mà ban cho vua.

Khi vua Gia-Long mới tức vị, có nước Xiêm và nước Cao-man sai sứ đến triều công. Từ năm 1813,

nước Cao-man chịu quyền vua bảo hộ. Vua mấy nước nhỏ ở ngoài biên cảnh cũng đến mà cầu phong.

Lúc vua Gia-Long còn làm chúa cho đến khi lên ngôi trị nước 18 năm, thì người thường để cho các cha Lang-sa, Espagnols và Portugais giảng đạo, lập nhà thờ thong thả. Còn các đời vua trước hay bắt buộc cùng hành khổ những kẻ có đạo. Ông cha Lang-sa *Alexandre de Rhodes* tới xứ Bắc-kỳ đầu hết, nhằm năm 1624, đời Lê-thần-tông (1619-1643). *Chữ Quốc-ngữ* là của mấy thầy giảng đạo bày ra kể từ đời nầy.

IV. — *Vua Gia-Long lập đông cung.* — Vua Gia-Long thấy ông hoàng Đãm thông minh muốn lập làm đông cung để phòng sau kế nghiệp. Hai vị công thần khai quốc, ông Lê-văn-Duyệt và ông Nguyễn-văn-Thiềng gián vua, xin chọn con đông cung Cảnh là dòng chánh, thì mới thuận theo phép nước. Vua Gia-long phán rằng: « Phàm cha mắc nợ thì người ta đòi con, chớ không ai đòi cháu; trẫm đã tự quyết, các khanh chớ nghịch ý trẫm. » Ông hoàng Đãm sau lên ngôi, hiệu là Minh-Mạng.

Vua Gia-Long băng năm 1820, trị nước 18 năm.

---

2. — **Minh-Mạng**, 1820-1841 = 21 năm. — Ban đầu, vua Minh-Mạng noi theo gương cha, cần cán việc quốc chánh, hậu đãi người Lang-sa và không bó buộc việc giảng đạo. Ông Chaigneau ở bên Tây trở qua (1821), vua cũng tiếp rước tử tế và cho phục chức cũ. Lúc nầy, tại triều chỉ còn lại ông Chaigneau và

ông Vannier; mấy thầy Tây giảng đạo thì ở rải rác trong ba xứ: Bắc-kỳ, Annam và Nam-kỳ.

Sau lần lần, vua đổi tánh, hay nghi kị, không ưa gần người Tây, không muốn cho kẻ ngoại bang đến nước mình. Ông Chaigneau và ông Vannier thầy vậy, tính ở lại không yên, bèn cáo thôi mà về xứ (1824).

Năm sau, ông *de Bougainville* quản thông chiến thuyền *la Thétis* tới đậu tại cửa Hàn, xin dưng phuông thơ vua *Charles X* cầu mở mang việc thương mãi. Vua Minh-Mạng sai đem lễ vật cho ông de Bougainville, mà không chịu lãnh thơ, nói rằng trong nước Nam không có ai đọc đặng. Từ ấy về sau hai nước dứt việc thông đồng cùng nhau.

Xứ Cao-Man chịu quyền bảo hộ của nước Nam. Vua Minh-Mạng canh cái việc cai trị lại như xứ thuộc địa của mình, chia ra làm hai tỉnh: Nam-vang (Phnom-Penh) và Gò-sặt (Pursat), đặt quan tổng trấn để mà kiểm sát và lập trường mà dạy chữ nho, muốn cho người Cao-man bỏ phong tục mà theo người Nam.

V. — *Giặc Khôi* (1833). - Ông Trung quân Nguyễn-văn-Thiềng vì gián vua Gia-Long trong vụ lập ông hoàng Đảm (Minh-Mạng) làm đông cung, nên đã bị hại, thì nội trào chỉ còn có một mình quan Tả quân Lê-văn-Duyệt là cựu thần mà thôi. Quan Tả quân tính thế ở lại thì hiểm nghèo, có ngày cũng mang họa như ông Thiềng vậy, bèn xin vua Minh-Mạng đi trấn xứ Nam-kỳ. Vua Minh-Mạng hạ chỉ cho đi.

Quan Tả quân đến Nam-kỳ năm 1822, nhằm lúc Cao-Man tỉnh Trà-vinh khởi loạn. Ngài lo dẹp vừa

yên, thì kẻ có linh truyền cấm đạo, phá nhà thờ. Ngài mến nghĩa Đức cha d'Adran cùng các quan Lang-sa giúp vua Gia-Long khi trước, nên không thi hành chiếu chỉ ấy, để cho các cha giảng đạo thong thả cũng để cho tàu buôn nước Đại-pháp qua lại mà thương mãi như xưa.

Ngài trấn xứ Nam-kỳ đến năm 1832 thì mất lộc. Vua Minh-Mạng bỏ chức Tổng trấn, đặt mỗi tỉnh một Tổng đốc. Khi ấy có kẻ gian thần cáo rằng: Quan Tả quân lúc sanh tiền có ý phản, bộ hạ của người là vệ húy Lê-văn-Khôi cũng đồng lõa. Vua Minh-Mạng dạy quan Tổng đốc Gia-định và quan Bố chánh Bạch-xuân-Nguyên tra xét vụ ấy. Khôi bị cách chức phải về kinh mà thọ tội. Khôi thấy bọn gian thần mạ nhục quan thầy mình, thì bất bình, thừa lúc canh khuya đến giết quan Tổng đốc và quan Bố chánh, mở ngục cho tù phạm ra, rồi luôn dịp khởi loạn (1833). Không đầy một tháng cả Lục-châu về tay giặc.

Qua năm 1835, triều đình sai tướng quân Trương-minh-Giảng dẫn binh bộ thủy vô dẹp loạn. Thành bị vây, Khôi buồn rầu mà thác. Tổng Trấm lên thế quyền lo chống cự. Binh triều hãm đặng thành, bắt giết quân giặc, chôn lại một gò mả gần Trường đua, kêu là *mả biền tru* (mả Ngụy), bây giờ hãy còn.

VI.— Phạt mả quan Tả quân. —*Ông Chaigneau lãnh chức Khâm phái trở qua Annam (1832). — Giặc Bắc-kỳ (1834). — Giặc Xiêm (1834). — Bắt đạo (1833-1838). — Vua Minh-Mạng sai sứ qua Pháp-quốc.— Vua Minh-Mạng băng (1841).—*

Giặc Khôi dẹp yên rồi, vua Minh-Mạng truyền lịnh phá thành của ông *Ollivier* đã xây hồi đời Gia-Long, mà làm lại một cái nhỏ hơn chỗ trại lính Tây bây giờ.

Lúc quan Tả quân còn sanh tiền, vua Minh-Mạng kiêng oai, không dám làm chi. Nay người đã qua đời, vua nhớ cừu xưa, bèn dạy phá mả người mà phạt 100 trượng. Đời Thiệu-trị sửa san lại tử tế; từ nhà nước Lang-sa chiếm trị xứ Nam-kỳ tới bây giờ, có cất lăng tẩm nguy nga, mỗi năm làng thường quí tế.

Năm 1832, cháu ông Chaigneau phụng chỉ vua *Louis-Philippe 1er* đền tại Huế dưng cho vua một chương thương ước, xin mở cuộc giao thiệp của hai nước lại như xưa. Minh-Mạng không khứng chịu, ông Chaigneau phải trở về Đại-pháp.

Lê-duy-Lương xưng là tôn thất nhà Lê khởi loạn nơi xứ Bắc (1834), đánh phá tỉnh Thanh-hóa, Ninh-bình, Hưng-hóa, Hà-nội, Sơn-tây. Nùng-văn-Vân, chúa tể xứ Bảo-lạc chiếm tỉnh Tuyên-quang, Thái-nguyên, Cao-bằng, Lạng-sơn. Vua Minh-Mạng sai binh đi dẹp, bắt đặng Lê-duy-Lương đem về kinh, còn Nùng-văn-Vân trốn vô rừng, sau bị đốt rừng mà chết thiêu.

Khôi bị vây tại Saïgon có viện binh Xiêm giúp. Binh Xiêm thừa dịp cướp phá nước Cao-man (1834). Vua Neăc-ăng-Chăn trốn xuống Vĩnh-long mà cầu binh Annam cứu viện. Quan tướng Trương-minh-Giảng phải đình việc dẹp giặc Khôi mà đi bình nước Cao-man, đánh đuổi quân Xiêm, rồi lập thành tại Nam-

vang mà ngừa giặc, gọi là *Trấn-tây-thành*.

Lúc bình giặc Khôi, binh triều có bắt đặng ông cha *Marchand*. Từ ấy vua Minh-Mạng nghi rằng người có đạo Thiên Chúa a ý cùng quân nghịch, nên truyền chỉ bắt giết người đạo và phá nhà thờ các nơi. Từ năm 1833 tới 1838, giết hết 7 thầy Lang-sa giảng đạo.

Năm 1838, vua Minh-Mạng làm *Thập điều* truyền cho mỗi làng phải đọc giảng cho dân chúng nghe.

Ít năm trước khi băng, vua bớt sự bắt đạo, sai sứ qua Đại-pháp xin giao hảo lại như xưa. Vua Louis-Philippe 1er không chịu tiếp rước, sứ phải trở về, thì vua Minh-Mạng đã băng năm 1841.

---

3. — **Thiệu-Trị,** 1841-1847 = 7 năm. — Nguyễn-phước-Thì, con vua Minh-Mạng lên nối ngôi, xưng hiệu là Thiệu-Trị, cũng cầu phong cùng hoàng đế Trung-nguyên là Đạo-Quang (1821-1851), triều Thanh.

Đời vua nầy có giặc Xiêm đánh phá nước Cao-man, bảy năm mới yên. Néăc-ông-Duông nhờ có nước Xiêm giúp sức được tôn lên ngôi.

Vua Thiệu-Trị cũng noi theo ý chỉ của cha, cấm đạo và bắt giam cầm mấy thầy giảng đạo. Năm 1847, hai quan thủy binh, ông *Lapierre* và ông *Rigault de Genouilly* đến tại cửa Hàn (Tourane), dưng cho vua một phuông thơ mà phân trần lợi hại, xin vua bãi sự bắt đạo. Vua Thiệu-Trị lập kế muốn sát hại hai quan thủy binh, bèn cho mời lên thành mà dự tiệc.

May có người thông tin cho ông Lapierre và ông Rigault de Genouilly. Hai quan thủy binh liền bắn phá chiến thuyền Annam tan hoang, rồi bỏ cửa Hàn mà đi.

Vua Thiệu-Trị nổi giận, truyền chỉ bắt mấy thầy giảng đạo và những người Tây mà giết hết.

Vua Thiệu-Trị băng nhằm ngày 4 Novembre năm 1847.

CHƯƠNG VIII

Nước Lang-sa chiếm xứ Nam-kỳ

4. — **Tự-Đức**, 1847-1883=36 năm. — Vua Thiệu-Trị băng, có di chiếu lập ông hoàng Nhậm là con thứ. Ông hoàng Nhậm lên ngôi, hiệu là Tự-Đức, cũng cầu phong bên Trung-quốc như các đời vua trước vậy. Mà lần nầy hoàng đế Đạo-Quang lại sai sứ qua tới đế đô Huế mà ban ấn sắc.

Ông hoàng Bảo cũng là con Thiệu-Trị, mà dòng chánh, bất bình bèn khởi loạn, bị vua Tự-Đức bắt cầm ngục mà thác.

Đời nầy việc cấm đạo lại càng nhặt hơn khi trước; mấy ông cha Lang-sa và Espagnols bị hành khổ chém giết, làm cho hoàng đế *Napoléon III* và nước Espagne phải hiệp binh mà trừ sự tàn bạo ấy.

I.—**Phá cửa Hàn** (Tourane).— Năm 1856, ông *de Montigny* phụng chỉ hoàng đế Napoléon III trẩy sang qua Annam mà lập tờ hòa ước. Ông de Montigny sai quan thủy binh *Lelieur de Ville-sur-Arce* ngồi tàu *le Catinat* đến cửa Hàn đem dưng trước cho vua Tự-Đức một phuông thơ kẻ đại ý của nước Pháp-quốc. Tàu tới nơi, quan giữ đồn đã không chịu lãnh thơ, mà lại nói nhiều lời xúc báng. Ông Lelieur de Ville-sur-Arce bèn xổ súng lên đồn, rồi độ binh lên phá hư 60 khẩu súng, đổ hết thuốc đạn xuống biển. Khi ấy quan giữ đồn mới chịu lãnh thơ mà dưng cho vua.

Năm sau, ông de Montigny đến tại Huế, vua Tự-Đức tự quyết không chịu nghị về việc giao hòa. Ông de Montigny phải trở về. Cũng một năm ấy có hai ông giám mục Espagnols, ông Diaz và ông San-Pedro bị xử trảm. Trong chỉ truyền bắt đạo vua Tự-Đức có nói nhiều lời nhục mạ nước Lang-sa.

II.—**Lấy đồn Tiên-chà** (Tourane). — Một đạo chiến thuyền 13 chiếc, có chiếc *la Némésis*, *le Primauguet*, *l'Avalanche* về quan Thủy sư *Rigault de Genouilly* quản thống, đến đậu tại cửa Hàn ngày 31 Aoû: 1858. Quan Thủy sư ký cho quan Annam trên đồn trong hai giờ phải giao thành lũy thì khỏi bị hại. Quá hai giờ, mà trên thành im lìm, ông Rigault de Genouilly truyền lịnh bắn một hồi, rồi độ binh lên hãm thành, chiếm hết đồn lũy nơi doi Tiên-chà.

III. — **Lấy Saïgon** (17 Février 1859). — Quan Thủy sư Rigault de Genouilly nghĩ đường sông từ cửa Hàn cho tới đế đô Huế hiểm trở, bất tiện, bèn định quyết đi lấy Nam-kỳ. Ngày 2 Février 1859, người để lại Tiên-chà một toán binh và 4 chiếc tàu, còn bao nhiêu thì trở xuống Vũng-tàu, thẳng chỉ vô Saigon.

Qua ngày 17 Février 1859, binh Lang-sa hãm thành Saigon, lấy đặng nhiều đồ binh khí cùng lương thảo. Quan Thủy sư Rigault de Genouilly trí quân giữ Saigon, rồi trở ra Tourane giải vây cho cơ binh ở tại Tiên-chà. Khi ấy quan phó Thủy sư *Page* ở bên Tây mới qua thế cho ông Rigault de Genouilly.

IV. — **Đánh trận Chí-hòa** (24 Février 1861). — Binh Annam bị thất thành Saigon rồi, dồn lên phía trên Thuận-kiều, nơi làng *Chí-hòa*, lập đồn lũy, lo cự địch, có Tôn thất Hiệp quản đốc. Binh Lang-sa, một phần kiên thủ thành mới lấy đặng, còn bao nhiêu thì chiếm chùa Khải-tường (pagode Barbet), miễu Hội-đồng, chùa Kiểng-phước (pagode des Clochetons, chỗ dinh Tham biện Chợ-lớn bây giờ) và chùa Cây-mai.

Năm 1860, có giặc bên Tàu, quan Thủy sư Page phải bỏ cửa Hàn mà rút bớt binh ở Saïgon, đem đi đánh Bắc-kinh mà trợ lực với nước Hồng-mao. Quan Thủy sư *Charner* quản thống đạo binh đi đánh Tàu. Ông quan năm *d'Ariès* lãnh giữ thành Saigon.

Giặc Tàu dẹp yên rồi, quan Thủy sư Charner trở

lại Saigon nhằm ngày 7 Février 1861, qua ngày 24 khởi đánh trận Chí-hòa. Quan Kinh-lược *Nguyễn-tri-Phương* cầm binh Annam bị đạn, quân lính đổ lần lên Tây-ninh, Biên-hòa. Bên đạo binh Lang-sa, ông quan năm *Testard* và ông quan hai *Lareynière* bị thương mà thác.

Dưới sông thì quan Thủy sư Page đi lấy các đồn lũy, lên tới Thủ-dầu-một. Qua đến ngày 25, 26 Février 1861, cả tỉnh Gia-định đều qui phục nhà nước Lang-sa.

V. — **Lấy Mỹ-tho** (12 Avril 1861). — Ông quan năm thủy binh *Bourdais* phụng lịnh quan thủy sư Charner độ binh đi theo rạch Vũng-gù (Arroyo de la Poste). Đường đi hiểm trở, có nhiều khúc cạn, có nhiều chỗ hàn, lại thêm đồn lũy Annam đóng dài theo hai bên mé. Tiên đạo nổ lực phá hàn; sông đặng thông thương, binh hậu đạo mới tiếp theo. Ngày 10 Avril, còn lấy một cái đồn nữa thì đến Mỹ-tho, rủi cho ông Bourdais bị một viên đạn mà bỏ mình. Qua ngày 12, binh Lang-sa đồn tại Trung-lương, rạng ngày 13 kéo đi lấy thành. Té ra thành trống trơn, binh Annam đã rút đi trước rồi, mà không có làm hại cho những người có đạo.

Quan phó thủy sư Page trí binh giữ Mỹ-tho, rồi truyền lịnh đi lấy luôn Cái-bè, Chợ-gạo, Gò-công.

VI. — **Lấy Biên-hòa** (14-16 Décembre 1861). — Lúc nầy quan phó Thủy sư *Bonard* lãnh cầm binh thế cho ông Charner về Tây.

Thành Biên-hoà gốc là của ông quan năm Ollivier xây năm 1789, đời Gia-Long. Tướng soái là Nguyễn-bá-Nghi liệu bề cự không nổi, bèn truyền lịnh rút binh về Bình-thuận. Những kẻ có đạo bị cầm trong ngục bị đốt chết hết nhiều, binh Lang-sa nhập thành cứu đặng một phần.

Quan Thủy sư Bonard thừa thắng độ binh đi lấy Bà-rịa cho luôn cuộc; khi ấy mới hay rằng có thuyền vận lương đậu tại Phan-rí, người bèn sai ông quan năm *Lespès* đi dọ thám. Vừa tới nơi quả gặp một đoàn ghe, ông Lespès bắn phá một hồi, thấy đều tiêu hủy.

VII.—**Khởi loạn** (1861-1864).—Lúc thất đồn Chí-hòa rồi, binh Annam rút qua Biên-hòa, thì quan tướng soái là Nguyễn-bá-Nghi có sai người đem thơ cho quan Thủy sư Charner mà xin nghị hòa. Việc tính chưa xong thì nhiều nơi đã khởi loạn, khiến cho dân chúng phải khốn khó. Những tướng sĩ thất trận trở về làng, kẻ thì xưng chánh cơ, phó vệ, kẻ thì xưng soái, phụng chỉ vua Tự-Đức đi mộ binh mà chống cự với Lang-sa. Khi thì bắt người, khi thì đoạt của, làm cho bá tánh náo động.

Mỹ-tho thì phủ Cậu, thiên hộ Dương tụ đảng phá đồn Lang-sa. Phủ Cậu bị bắt, bị chết treo. Gò-công thì huyện Toại và quản Định chiêu tụ tàn binh nơi đầm *Tháp-mười*, rồi kéo xuống lấy tỉnh thành. Huyện Toại bị một mũi súng mà vong mạng; còn quản Định thoát khỏi, sau bị quan Lãnh binh *Tấn* bắt đặng (20 Août 1864).

VIII.—**Lấy Vĩnh-long** (lần đầu, 20 Mars 1862). — Quan Thủy sư Bonard tính phải lấy luôn Vĩnh-long thì mới trừ yên mối loạn. Ngày 20 Mars 1862, tàu độ binh và chở súng xuống đậu xa thành ít dặm. Quan Tổng đốc Vĩnh-long là Trương-văn-Huyền truyền bắn chiến thuyền Lang-sa. Khi ấy dưới tàu cũng bắn trả lên, còn ông quan năm *Reboul* dẫn binh lên bờ. Hai đàng giáp chiến, cách ít giờ thì thành bị hãm.

Binh Lang-sa nhập thành, phá ngục cho những người có đạo ra. Quan Thủy sư Bonard lo kiên trí đồn lũy mà giao cho ông d'Ariès trấn thủ, rồi trở về Saigon.

IX.— **Tờ nghị hòa** (5 Juin 1862). — Lúc nầy triều nhà Nguyễn đương bối rối: ngoài Bắc Lê-Phụng xưng là dòng dõi nhà Lê, khởi loạn (1862), chiếm nhiều tỉnh phía đông; trong Nam thì cửa Hàn bị tàu Lang-sa giữ chặt, dứt đường vận lương vào đế đô. Vua Tự-Đức sai ông Nguyễn-tri-Phương đi dẹp giặc Bắc, đánh đã 3 năm mà chưa bình phục được.

Lối tháng năm 1862, chiếc tàu Forbin tuần tại cửa Hàn được tin triều Huế muốn nghị hòa. Quan Thủy sư Nguyên soái Bonard sai đem thơ hạn trong tám ngày sứ phải đến Saigon. Sứ thần là ông *Phan-thanh-Giảng* và ông *Lâm-duy-Hiệp* thay mặt cho vua Tự-Đức, quan Thủy sư nguyên soái Bonard thay mặt cho hoàng đế Napoléon III, ông quan năm *Palanca* thay mặt cho bà hoàng hậu nước Espagne, ngày 5 Juin 1862, tại Trường-thi (Camp des Lettrés),

đồng đứng lập tờ giao hòa ba nước. Y theo tờ nầy thì vua Tự-Đức phải cho phép giảng đạo thong thả, phải nhượng 3 tỉnh phía đông: Gia-định (Saigon), Biên-hòa, Mỹ-tho và hòn Côn-nôn cho hoàng đế Napoléon III làm chủ, phải khai cửa Hàn, cửa Ba-lạc, cửa Quảng-an cho tàu Lang-sa và Espagnols tới lui thương mãi và phải bồi thường sở tổn là 4 triệu bạc cho nước Lang-sa và nước Espagne. Còn tỉnh Vĩnh-long mới chiếm, nếu sau mà không còn loạn lạc thì nhà nước Lang-sa sẽ giao lại cho Annam. Tờ giao hòa ký xong rồi, sứ thần mỗi nước lãnh một bổn đem về dưng cho vua châu phê.

X. – **Pháp-quốc bảo hộ nước Cao-man.** — Từ đời Gia-Long, năm 1813, xứ Cao-man chịu quyền bảo hộ của nước Annam. Qua đến đời Thiệu-Trị gây việc chiến tranh với nước Lang-sa, thì vua Cao-man dứt đường giao tiếp cùng nước Nam, ý muốn qui phục nước Xiêm-la.

Lúc quan Thủy sư Charner đi đánh Mỹ-tho (1861), thì có sai ông quan ba Lespès đem thơ cho vua *Norodom*, tỏ ý nước Lang-sa muốn kết lân hảo cùng xứ Cao-man. Vua Norodom tiếp rước ông Lespès rất trọng hậu và gởi nhiều vật quí mà dâng cho quan Thủy sư Charner.

Đến sau tỉnh Vĩnh-long bị chiếm rồi (1862), quan Thủy sư Bonard, nhơn dịp đi tuần vãng đồn thủ, thẳng đường lên viếng vua Norodom. Từ ấy hai đàng càng quyến thích nhau.

Lúc nầy quan Thủy sư *de la Grandière* phụng chỉ qua thế cho ông Bonard về Tây (Mai 1863). Ông de la Grandière sai ông quan ba *Doudart de Lagrée* lên ở tại Ô-đông mà thăm dọ tình hình. Cách ít lâu đặng tin vua Norodom muốn qui thuận nước Lang-sa, quan Thủy sư de la Grandière bèn thân hành đến mà ra mắt vua. Hai đàng trò chuyện thì có ông Giám mục *Miche* làm thông ngôn. Qua ngày 11 Août 1863, vua Norodom lập tờ chịu quyền bảo hộ của nước Lang-sa. Từ ấy đến nay nước Cao-man hằng giữ lòng thành tín với nước Đại-pháp.

XI.— **Lấy Vĩnh-long, An-giang, Hà-tiên** (20-24 Juin 1867).— **Quan Phan tạ thế.**—Tờ giao hòa ngày 5 Juin 1862 đã có vua ba nước châu phê rồi, quan Nguyên soái de la Grandière trả tỉnh Vĩnh-long lại cho vua Tự-Đức. Ông Phan-thanh--Giảng thay mặt cho triều đình, lãnh thành quách ngày 25 Mai 1863, để cho quan Tổng đốc Trương-văn-Huyền trấn thủ mà trở về Huế. Qua đến năm 1866, người phụng chỉ vô ngồi Kinh lược ba tỉnh phía tây.

Từ đây quan Nguyên soái de la Grandière tưởng đã được yên; những kẻ làm nghịch với Tân trào sẽ bỏ khí giới mà an cư lạc nghiệp. Ai dè tỉnh Vĩnh-long vừa mới giao lại cho vua Tự-Đức, thì loạn lạc nổi lên khắp trong ba châu đã chịu quyền Pháp-quốc. Côn đồ tụ đảng, mượn cớ mộ binh mà bắt người cướp của. Hễ nghe có binh Tân trào đi dẹp, thì rút vô rừng núi tỉnh Bình-thuận, phần nhiều lại đồn trú nơi tỉnh Vĩnh-long.

Quản Định xây đồn đắp lũy nơi đầm Tháp-mười, bị quan Lãnh binh Tân bắn thác năm 1864. Còn dư đảng qua năm 1866, binh Tân trào mới trừ tuyệt.

Khi ấy mới vừa yên được ít tháng, kẻ giặc Caoman dấy lên, láng xuống tới Tây-ninh, thì cũng có người Annam theo đốc sức. Ông quan ba *Larclauze* và ông quan năm *Marchaisse* đi đánh trận nầy, bị thương mà thác (1866).

Lúc nầy ông Phan-thanh-Giảng vô ngồi Kinh lược ba tỉnh phía tây. Người cũng hết sức khuyên dụ nhơn dân, sợ đổ máu vô ích, rồi rốt cuộc cũng phải mất nước. Sau quả y như lời.

Qua năm 1867, binh Tân trào xuống lấy Vĩnh-long. Quan Phan nghĩ có ra chống cự thì uổng mạng sanh linh, bèn viết thơ cho quan Nguyên-soái de la Grandière mà giao thành quách, và tư tờ cho hai vị Tổng đốc An-giang và Hà-tiên hay rằng tỉnh Vĩnh-long đã qui phục Pháp-quốc.

Việc xong rồi người uống á phiện mà thác (1867), hưởng thọ được 74 tuổi.

Quan Nguyên soái de la Grandière thấy người nghĩa khí, bèn cho tàu để quan cửu về làng Bảo-thạnh (tỉnh Bến-tre) mà an táng, có quan quân theo đưa đón rất nên trọng thể.

Từ đây cả Lục-châu thuộc về Pháp-quốc; dân ba tỉnh phía tây thấy nhà nước Tân trào khoan nhơn, thì lần lần quen bề ăn ở, lo việc nông thương, không còn nghi sợ như buổi Cựu trào nữa.

XII.— **Phép chánh trị của Cựu trào**.— Từ đời Minh-Mạng, xứ Nam-kỳ chia ra làm sáu tỉnh, kêu là *Nam-kỳ lục tỉnh*. Sáu tỉnh xứ Nam-kỳ là :

1. - Gia-định, tỉnh thành Sài-gòn,
2. - Đồng-nai, » Biên-hòa,
3. - Định-tường, » Mỹ-tho,
4. - Long-hồ, » Vĩnh-long,
5. - An-giang, » Châu-đốc,
6. - Cần-cao, » Hà-tiên.

Tỉnh lớn, dân số đông thì có một quan *tổng đốc* cai trị, tỉnh nhỏ có một quan *tuần phủ*, tùng quyền quan tổng đốc. Lúc binh Lang-sa mới vào lấy Saigon, thì xứ Nam-kỳ phân ra 3 quận có tổng đốc :

1.— Tổng đốc quận *Định-biên* gồm tỉnh Gia-định, Biên-hòa,

2.— « *Long-tường* « Long-hồ, Định-tường,

3.— « *An-hà* « An-giang, Hà-tiên.

Mỗi tỉnh có một quan *bố chánh* hay việc chánh trị và thuế khóa; một quan *án sát* hay việc xử đoán; một quan *đốc học* để kiểm sát việc học hành; một quan *lãnh binh* để coi việc binh lính.

Mỗi tỉnh chia ra nhiều phủ, có *tri phủ*, hay về việc trị dân việc và xử đoán, có *giáo thọ* đốc việc học hành. Mỗi phủ chia ra nhiều huyện, có *tri huyện*, có *huấn đạo*.

Phần tổng thì có *cai tổng*, *phó tổng*; còn trong thôn lý thì có *hương chức* phân ra hai hạng :

1. — *Hương chức lớn* : Hương cả, hương chủ, hương sư, hương trưởng, tham trưởng, hương lão, hương nhứt, hương nhì, hương chánh, hương lễ, hương văn, hương quan, hương ẩm, hương thân,

hương hào, thủ bộ, thủ chỉ, thủ bổn, thủ khoán, câu đương, cai đình, thôn trưởng.

2. — *Hương chức nhỏ*: Lý trưởng (phó thôn, phó xã), ấp trưởng, trùm dịch, cai thị, cai binh, ca thôn, trưởng.

Bật trên hết trong việc chánh trị xứ Nam-kỳ thì có quan *Kinh-lược*, (đời Gia-Long kêu là *Tổng trấn*), gồm hay các việc binh dân, kiểm sát các tổng đốc, tuần phủ cùng cả thảy quan viên trong xứ.

Nơi đế đô thì có Hoàng đế đứng cầm quyền bính chánh, có *Cơ mật viện*, *Đô sát viện*, có *Lục bộ*:

1. Lại bộ hay việc cấp bằng, thiên bổ quan viên;
2. Hộ bộ hay việc thuế khóa, thâu xuất;
3. Lễ bộ hay việc tế tự, thi cử;
4. Hình bộ hay việc hình chánh;
5. Binh bộ hay việc binh cơ;
6. Công bộ hay việc tạo tác, kiều lộ.

Mỗi bộ viện có một *Thượng thơ* làm đầu, hai *Tham tri*, hai *Thị lang* và một *Biện lý*, hiệp cùng nhau mà lo các việc về ty thuộc của mình.

Cơ mật viện hay các việc kín nhiệm trong nước, như việc binh cơ, việc tư của vua.

Đô sát viện hay việc kiểm sát phận sự các quan văn võ.

XIII. — **Tân trào lập phép chánh trị.** — Mấy năm đầu, nhà nước Lang-sa mới lấy ba tỉnh phía đông: Saigon, Biên-hòa, Mỹ-tho, các quan đàng cựu đã bỏ mà đi hết; làng xã thì không hương chức, sổ bộ đều lạc mất. Có ít trò nhà dòng biết tiếng *La-tinh* theo làm thông ngôn cho quan binh, còn những người văn

vật, hào phú, kẻ thì lánh đi xa, trong mấy xứ chưa bị chiếm; kẻ còn ở lại thì không chịu ra mà giúp việc làng, việc nước. Lần lần thấy người Lang-sa có lòng đại độ, thì bá tánh mới an tâm, không còn nghi sợ. Khi ấy dân sự mới qui lại, hương thôn mới lập lại như xưa.

Đời quan Nguyên soái *Charner*, trong mỗi châu có đặt một quan Trấn, quyền hành như chức Tổng đốc, gồm việc binh dân, có hai quan tùng chánh hay ty bộ và ty án. Nơi quận huyện cũng là quan Lang-sa thế cho tri phủ tri huyện. Việc chánh trị cũng để y như buổi Cựu trào.

Năm 1861, quan Nguyên soái *Bonard* dụng người Annam cho lãnh chức tri huyện tri phủ, tùng quyền các quan Lang-sa. Nhưng mà phần nhiều không lo kham phận sự, làm đều vi phép, nên qua đến năm 1864, nhằm đời quan Nguyên soái *de la Grandière*, việc trị dân cùng việc xử đoán đều giao lại cho các quan Lang-sa. Cũng năm ấy lập tòa *Thượng thơ* (Direction de l'Intérieur), gồm hay các việc chánh trị trong 6 tỉnh, cho đến ngày 13 Mai 1879, có chỉ dụ cử ông *Le Myre de Vilers* là quan văn lên làm Khâm mạng Thống đốc Nam-kỳ. Từ khi ấy, quyền hành các quan văn võ mới phân biệt: quan án hay việc từ tụng, quan tham biện lo việc trị dân cùng việc thuế vụ, còn quan võ thì quản suất binh nhung.

Chỉ dụ ngày 17-20 Octobre 1887 lập *Đông-dương nhứt thống* (Union Indochinoise). Đầu hết, ông *Constans* là Thân sĩ Hạ-nghị viện được cử làm chức *Đông-dương Tổng thống toàn quyền đại thần.*

CHƯƠNG IX

Binh Lang-sa chiếm xứ Bắc-kỳ

I.- **Giặc Cờ đen loạn Bắc-kỳ** (1873-1885).—Thất trận Chí-hòa rồi, ông Nguyễn-tri-Phương trở về kinh, thì vua Tự-Đức sai đi trấn xứ Bắc-kỳ. Phe nhà Lê kiêng oai người, không dám cử động, đạo tặc cũng tịnh vô.

Qua đến năm 1866, có một tên thầy chùa âm mưu muốn sát hại vua, mà lậu sự, nên cả bọn phản nghịch đều bị gia hình. Từ khi ấy, vua Tự-Đức có lòng nghi sợ, bèn đòi ông Nguyễn-tri-Phương về triều mà hộ giá.

Ông Nguyễn-tri-Phương mới lìa khỏi xứ Bắc, thì loạn lạc nổi lên. Quân *Cờ đen* nguyên là bọn giặc Hồng-tú-Toàn dư đảng (*Taïping*), bên Trung-quốc loán qua, chiếm tỉnh Lạng-sơn, Cao-bằng, Thái-Nguyên, Tuyên-quang, cướp giựt bá tánh, làm khổ khắc dân tình (1873). Dọc theo gành bãi, từ bắc chí nam, kẻ thương khách bị đoạt thuyền, bị giết cũng nhiều. Tướng soái bọn giặc Cờ đen là *Lưu-vĩnh-Phúc* tung hoành nơi đất Bắc, quan quân Annam không làm chi nổi. Lại thêm phe nhà Lê dấy lên, vừa lấy đặng vài xứ, kế triều đình sai ông Hoàng-kế-Viêm ra dẹp mới yên, nhưng mà giặc Cờ đen cũng còn nhiều hại lương dân.

Khi ấy vua Tự-Đức bèn sai sứ qua Trung-nguyên cầu hoàng đế Đồng-trị (1862-1885) trợ binh. Binh Trung-nguyên qua xứ Bắc lại hiệp với bọn Cờ đen mà phá tán dân chúng quá hơn buổi trước nữa.

Năm 1872, quan Thông chê *d'Arbaud* quyền chức Nguyên soái Nam-kỳ hay sự loạn lạc nơi xứ Bắc, bèn sai ông quan năm thủy binh *Senez* ngồi chiến thuyền đi dọ thám, quả có tàu ô ra đón đường. Ông Senez bắn chìm hết bốn năm chiếc, rồi thẳng chỉ vào sông Nhĩ-hà, đến Hà-nội, thì gặp tàu của ông *Jean Dupuis* đương đậu đó.

II. — **Ông Francis Garnier vì nước bỏ mình.** — Ông Jean Dupuis vốn là người thương khách, khi trước có tùng sự quan Tổng đốc Vân-nam. Năm 1872, ông ấy chở đồ binh khí và thuốc đạn đi theo sông Nhĩ-hà, lên tỉnh Vân-nam mà bán. Lúc trở về, tàu thuyền bị quan Annam bắt cầm lại Hà-nội mà đợi lịnh vua. Khi ấy ông Dupuis mới đầu cáo cùng quan Nguyên soái Nam-kỳ. Còn vua Tự-Đức cũng sai sứ vào Saigon mà tỏ bày cho quan Nguyên soái *Dupré* hay về sự ông Jean Dupuis vị phép.

Năm 1873, quan Nguyên soái Dupré sai ông *Francis Garnier* là quan tư thủy binh ra Bắc-kỳ mà tra sát vụ ấy. Lúc nấy nhằm ông Nguyễn-tri-Phương trấn thành Hà-nội. Nhớ cừu xưa nơi trận Chí-hòa, người bèn truyền lịnh kiên bế đồn lũy, trí binh đâu đó sẵn sàng. Ông Francis Garnier thấy sự chẳng lành, tính phải ra oai. Người sắp đặt binh lính, rồi ra hiệu lịnh bắn phá thành Hà-nội. Quan quân Annam rối loạn, ông Nguyễn-tri-Phương bị đạn mà thác; binh lính phải khai đồn lũy mà hàng phục. Ông Francis Garnier thừa thắng đi lấy Hưng-yên, Phủ-lý, Ninh-bình, Hải-dương, Nam-định.

Quân Cờ đen thấy Hà-nội mỏng binh, bèn kéo tới mà vây. Ông Francis Garnier nổ lực đánh phá, mà mắc quân Cờ đen thặng số, cự không nổi, phải lâm tay giặc (1873). Khi ấy binh tiếp ở Saigon mới đến; quân Cờ đen sợ bị bắt, bèn bỏ Hà-nội rút lên đồn trú trên mấy tỉnh phía bắc.

III.—**Tờ nghị hòa** (15 Mars 1874).— Vua Tự-Đức hay binh Lang-sa lấy Hà-nội, thì sai hai vị sứ thần: ông *Lê-Tuân* và ông *Nguyễn-văn-Tường* vô Saigon mà cầu hòa. Ông *Philastre* là tham biện, kiêm chức chưởng lý Nam-kỳ, phụng lịnh quan Nguyên soái Dupré đi với ông Nguyễn-văn-Tường ra Hà-nội mà phân giải vụ bất bình đã gây nên cuộc chiến tranh nơi xứ Bắc. Muốn cho thuận hai đàng, hai vị sứ thần đều nghị bãi binh. Những thành quách ông Garnier đã lấy đặng thì giao lại cho Annam, tàu của ông Dupuis phải lui ra Hải-phòng mà đậu. Tại Hà-nội thì trí phần cho nhà nước Đại-pháp một chỗ để mà lập tòa Thông sứ và để cho người Lang-sa ở mà thương mãi. Quan Nguyên soái Dupré cử ông quan ba *Rheinart* làm chức Thông sứ ra ngồi tại Hà-nội.

Việc yên rồi, ông Philastre và ông Nguyễn-văn-Tường trở về Saigon. Qua ngày 15 Mars 1874, quan Nguyên-soái Dupré và hai vị sứ thần Annam đồng ký tờ hòa ước: Pháp-quốc lãnh bảo hộ nước Nam, giúp sức cho đặng trừ an mũi giặc Cờ đen và ăn cướp biển; số tiền thường bồi 4 triệu còn chi tồn lại bao nhiêu thì cũng hủy hết và cấp cho vua 5 chiếc chiến thuyền, 100 khẩu súng đại bác, 1000 cây súng

cùng thuốc đạn để mà giữ gìn biên cảnh. Vua Tự-Đức phải nhận cho nhà nước Đại-pháp làm chủ sáu tỉnh xứ Nam-Kỳ, phải khai cửa Hải-phòng và cửa Qui-nhơn cho tàu Langsa tới lui mà buôn bán. Còn đường sông Nhĩ-hà lên Vân-nam, thì phải mở cho ghe thuyền thương khách xuống lên thong thả. Ngày 31 Août 1874, hai nước lại lập tờ thương ước; vua Tự-Đức đã ưng chịu mỗi điều, thì từ đây Pháp Việt sẽ đặng hòa nhã với nhau lâu dài.

IV.—**Vua thất ước**. — Vua Tự-Đức đã giao hòa cùng Pháp-quốc, mà chẳng bao lâu lại thất ước, hành khổ những người có đạo và gây rối cho các quan lãnh sự Langsa nơi xứ Bắc. Năm 1875, Lưu-vĩnh-Phúc dẫn quân Cờ đen vào gần đến Hà-nội, còn vua thì sai đi dâng công cho hoàng đế nhà Thanh đặng viện binh, nói rằng để mà dẹp giặc Cờ đen, chớ tức nhiên muốn địch cùng Pháp-quốc. Giặc Cờ đen càng ngày càng lừng lẫy, ngăn sông Nhĩ-hà không cho ghe thuyền vãng lai mà thương mãi, hiệp với binh Trung-nguyên mà cướp phá dân chúng lại quá hơn khi trước.

Quan Thống đốc Nam-Kỳ, ông *Le Myre de Vilers* tính phải quét sạch quân Cờ đen thì mới yên xứ Bắc. Năm 1882, ông quan năm thủy binh *Henri Rivière* phụng lịnh độ binh ra Hà-nội, thì thấy quan quân Annam đương lo kiên bế thành trì, tỏ ý chẳng lành. Người bèn lấy Hà-nội (Avril 1882), rồi luôn dịp dẫn binh đi đánh Nam-định. Lúc trở về thì ông Rivière thấy quân Cờ đen đã vây chặt Hà-nội. Người nỗ lực đánh phá, nhưng mà quả nan địch chúng, phải bỏ mạng chôn sa trường (19 Mai 1883).

Tin truyền qua Pháp-quốc, Bộ viện lập tức sai binh tiếp chiến mà báo cừu cho ông Henri Rivière và tướng sĩ tử trận. Quan Đề đốc *Bouët* quản thống một đạo binh ròng, có ông Lương y *Harmand* làm Khâm sai, sang đến Bắc-Kỳ ngày 7 Juin 1883. Từ khi ấy, quan Thông sứ Rheinart ở tại Huế đã dứt việc thông đồng với triều đình; tính bề ở không tiện, người bèn từ đề đô mà trở về Saigon.

Qua đến ngày 17 juillet 1883, vua Tự-Đức thăng hà, trị nước đặng 36 năm, có di chiếu lập cháu là ông hoàng Ưng-Ái, con ông Kiên-Thoại.

5.— **Dục-Đức**, 17-21 Juillet 1883.

6.— **Hiệp-Hòa**, 21 Juillet-30 Novembre 1883.

7.— **Kiến-Phước**. 2 Décembre 1883-31 Juillet 1884.

V.—**Phá cửa Thuận-an.— Đánh Bắc-kỳ.**—Vua Dục-Đức đặng tôn lên mới có ba ngày, thì bị hai vị quyền thần là ông Nguyễn-văn-Tường và ông Lê-văn-Thuyết phế đi mà lập vua Hiệp-Hòa, em út vua Tự-Đức.

Lúc nầy quan Đề đốc Bouët đem binh vừa tới Bắc-kỳ, thì quân Cờ đen đã bỏ Hà-nội dồn xuống Nam-định, cứ đêm ngày bắn phá mà không làm chi nổi. Quan Khâm sai Harmand bèn bàn nghị cùng quan đề đốc Bouët và quan Thủy sư *Courbet* phải dậy oai với triều Huế trước, thì sau bình phục xứ Bắc mới đặng. Quan Thống đốc Nam-kỳ, ông *Thomson* cũng hiệp ý, sai độ thêm binh ra cửa Hàn. Ngày 16 Août 1883, chiến

thuyền Lang-sa bắn phá cửa Thuận-an. Triều đình tính không bề chống cự, phải cầu hòa, lập tờ ngày 25 Août, chịu Pháp-quốc bảo hộ xứ Trung-kỳ và xứ Bắc-kỳ. Quan Khâm sai Harmand thâu lãnh tờ hòa ước, rồi trở ra Hà-nội. Khi ấy có chỉ đặt ông *de Champeaux* làm Thông-sứ tại Huê.

Ông Harmand mới lìa khỏi đế đô thì vua Hiệp-hòa bị phế. Ông Nguyễn-văn-Tường và ông Lê-văn-Thuyết tôn ông hoàng Mên lên, hiệu là Kiến-phước (2 Décembre 1883).

Lúc nầy quan Đề đốc Bouët về Tây, giao quyền lại cho quan Thủy sư Courbet. Binh Cờ đen và binh Bắc-kỳ rút về Sơn-tây, lo kiên bề thành trì. Quan Thủy sư Courbet lấy đặng Sơn-tây ngày 17 Décembre, kế bên Pháp-quốc sai quan Thống chế *Millot* đem binh tiếp qua, hiệp lực cùng quan Thủy sư Courbet, đánh đuổi quân Cờ đen và binh Trung-nguyên. Đến tháng sáu (1884) thì cả xứ Bắc đã bình định.

Ngày 6 Juin 1884, vua Kiến-phước lập tờ chịu qui phục Pháp-quốc và bỏ ấn hình lạc đà của Trung-nguyên đã ban cho khi trước. Nhà nước Pháp-quốc giao tỉnh Thanh-hóa, Nghệ-an, Hà-tịnh và Bình-thuận lại cho Annam.

Vua Kiến-phước băng ngày 31 Juillet 1884.

8.— **Hàm-Nghi**, 2 Août 1884-5 Juillet 1885.

VI. — **Quan Thủy sư Courbet phá thành Phước-châu** (1884). — Triều đình hiệp nghị cùng quan Khâm sứ Rheinart, tôn ông hoàng Ưng-Lịch,

em vua Kiên-Phước, đặt niên hiệu là Hàm-Nghi. Vua nầy mới có 14 tuổi, việc quốc chánh về tay hai vị quyền thần: ông Nguyễn-văn-Tường và ông Lê-văn-Thuyết.

Lúc nầy Pháp-quốc dậy binh phạt Trung-nguyên vì đã a ý cùng triều Huế mà gây loạn nơi xứ Bắc, làm cho đổ máu quân sĩ, hao tổn của nước. Trên bộ thì quan Đề đốc *Brière de l'Isle* đánh đuổi binh Tàu và Cờ đen lên tới Lạng-sơn; dưới biển thì quan Thủy sư Courbet bắn phá thành Phước-châu, vây cù lao Formose và ngăn đường vận lương của Trung-quốc. Triều Bắc-kinh sợ, bèn xin nghị hòa. Qua đến ngày 29 Avril 1885, binh Tàu rút về hết; bọn Lưu-vĩnh-Phúc cũng tản lạc. Từ khi ấy xứ Bắc-kỳ mới đặng yên.

Quan Thủy sư Courbet mắc lo việc chinh chiến mấy năm dư, nên hao mòn, lâm bịnh mà thác ngày 9 Juin 1885. Bên Pháp-quốc cùng khắp cõi Nam bang, ai nghe tin cũng đều rơi lụy, tiếc một đứng danh thần, dày công cùng Nhà nước.

Xứ Bắc bình định rồi, quan Thống chế *de Courcy* lãnh quyền chấp chưởng binh dân. Ngày 2 Juillet 1885, người sang đế đô Huế mà nghị việc quốc chánh với quan Khâm phái de Champeaux. Thình lình trong đêm mồng 5 rạng mặt mồng 6 Juillet súng trên thành bắn vải qua tòa sứ. Mưu phản ấy là tại nơi Tôn thất Thuyết.

Binh Lang-sa bèn nỗ lực hãm đặng đề đô. Tôn thất Thuyết phò vua Hàm-Nghi chạy ra tỉnh Quảng-trị.

---

9. — **Đồng-Khánh**, 20 Sept. 1885-28 Janv. 1889

10. — **Thành-Thái**, 1889—1907.

VII. — **Ông Paul Bert bình phục xứ Bắc-kỳ và xứ Trung-kỳ.** — Ngày 20 septembre 1885, quan Thống chế de Courcy và quan Khâm phái de Champeaux tôn vua Đồng-Khánh lên kế vị. Qua năm sau (1886), ông *Paul Bert* lãnh chức Khâm mạng đại thần qua vỗ trị xứ Bắc-kỳ. Người hiệp nghị cùng triều Huế phong ông Nguyễn-hữu-Độ làm chức Kinh-lược tại Hà-nội, thay mặt cho vua. Lúc nấy xứ Bắc mới vừa yên, còn xứ Trung-kỳ đương rối loạn. Bọn *Văn thân* theo phe vua Hàm-Nghi dấy lên, chém giết những người có đạo ở tỉnh Bình-thuận, Khánh-hòa, Bình-định, Quảng-ngãi, Quảng-trị. Quan Khâm mạng Paul Bert sai đi bình phục; quan Thống đốc Nam-kỳ, ông *Filippini* cho binh đi dẹp tỉnh Bình-thuận, có quan Tổng đốc Trần-bá-Lộc dẫn một cơ lính tập theo trợ chiến (1886). Quan binh Lang-sa đi đến đâu cũng lấy nhơn chánh mà vỗ về dân chúng. Bọn Văn thân bỏ khí giới mà qui hàng. Qua năm 1888, vua Hàm-Nghi bị bắt đem qua ở xứ Algérie. Từ đây xứ Trung-kỳ mới yên, bá tánh đặng nhờ ơn bảo hộ của Pháp-quốc mà an cư lạc nghiệp, ngôi nhà Nguyễn nối truyền muôn đời mà không dứt.

Xứ Bắc-kỳ và Trung-kỳ bình phục rồi, quan Khâm mạng Paul Bert lo canh cái việc chánh trị; tại đế đô Huế và tại Hà-nội thì có một quan Khâm sứ tùng quyền ngài mà thay mặt cho nhà nước Đại-pháp. Mỗi tỉnh thì có đặt một quan Thông sứ hiệp cùng các quan Annam mà hay việc trị dân và lo việc thuế khóa. Tại xứ Bắc-kỳ thì quan Kinh lược được vua ban quyền vương ngoại, chung lo cùng quan Khâm mạng mà quản thông binh dân, ban hành thể lệ về việc chánh trị, khỏi đợi lịnh của triều đình.

Quan Khâm mạng Paul Bert sắp đặt việc nước vừa yên, thì lo mở mang cuộc thương mãi, kị nghệ, canh nông. Người dạy tu bổ bờ đê, lập nhà trường; người miễn thuế cho chúng dân bị bão lụt cùng giặc giã và châu cấp cho quân sĩ bị thương nơi chiến trường. Người cả lo việc quốc chánh, nên hao tổn tinh thần, thọ bịnh mà thác nhằm ngày 11 Novembre 1886.

Từ tháng Octobre 1887, có chỉ dụ lập Đông-dương nhứt thống (Union Indochinoise), quyền bính chánh giao cho quan Tổng thống đại thần. Ông *Constans* được cử làm chức ấy đầu hết.

TỔNG LUẬN

I.— **Nhắc tích xưa**.— Muốn rõ công cuộc đồ sộ người Lang-sa sáng tạo trong cõi Đông-dương nầy đã bao lâu, thì phải nhớ những sự tích sau nầy :

1o 1789.	Pháp-quốc giúp Nguyễn-Anh diệt Tây-sơn, kể đến năm 1919 là	130 năm	,
2o 1802.	Gia-Long lên ngôi	117 »	,
3o 1859.	Lấy thành Saigon	60 »	,
4o 1862.	Lấy ba tỉnh phía đông	57 »	,
5o 1867.	Lấy ba tỉnh phía tây	52 »	,
6o 1885.	Bình phục Bắc-kỳ	34 »	,
7o 1887.	Lập Đông-dương nhứt thống..	32 »	.

II. — **Ngôi nhà Nguyễn**. — Ngôi nhà Nguyễn đặng bền vững cho đến nay cũng nhờ có Đại-pháp. Khởi đầu khai quốc, diệt Tây-sơn, thì cậy có sức các quan Lang-sa theo Đức cha d'Adran qua cõi Nam. Sau đời vua Tự-Đức, giặc Cờ đen nhiễu loạn Bắc-kỳ mười mấy năm, cũng là Đại-pháp bình phục. Nếu khi ấy không có binh Lang-sa giúp, thì ngày nay xứ Bắc-kỳ cũng thuộc về Trung-nguyên, mà ngôi nhà Nguyễn cũng khó mà giữ cho đặng.

III. — **Khỏi phục Trung-nguyên**. — Từ xưa, bên cõi Nam, đời vua nào cũng có chiến tranh với Trung-nguyên. Bại thì làm tôi, công nạp nặng nề cho mấy cũng phải ráng, thắng cũng làm tôi, hạ mình chịu lỗi mà cầu phong, nghĩa là xin phép mà làm vua. Từ đời Tự-Đức, Pháp-quốc bảo hộ nước Nam, thì sự giao thiệp với Trung-nguyên đã dứt. Vua nước

Nam khỏi phiên phục Tàu, khỏi dưng công, khỏi cầu phong như xưa, mà cũng xưng là *Đại Nam hoàng đế*. Nào có ai dám tranh luận? Nào có ai dám vi phạm đến biên cương?

Xưa Đức Cao-hoàng thường khuyên con là vua Minh-Mạng phải trượng đãi người Đại-pháp, phải gần người Đại-pháp. Ấy là lời dạy con phải nhớ ơn các quan Lang-sa đã giúp mình dựng nên nghiệp cả, mà cũng là kế hay để bảo toàn xã tắc. Gần cùng Đại-pháp thì tất nhiên khỏi sợ ngoại bang xâm loạn nước mình. Cho đến nay, vua nước Nam, vua nước Lào, vua nước Cao-man đặng tọa hưởng thái bình, ấy cũng nhờ có Đại-pháp bảo hộ.

IV.— **Bình định biên cương**.— Phàm trị nước phải lấy sự yên dân làm trước. Có yên tịnh thì việc nông, thương, kị nghệ mới thạnh vượng, dân sự mới đặng ấm no. Dân giàu thì nước mạnh, dân đặng ấm no thì nước nhà mới bình trị.

Nhà nước Đại-pháp làm cho cõi Đông-dương đặng thái bình đã hơn ba mươi năm nay, thì tốn của cũng nhiều, mà hao mạng tướng sĩ cũng nhiều. Loạn trong nước dẹp yên, thì lại phòng giặc ngoài biên cảnh, lo phân cương giới với nước Tàu mà giữ xứ Bắc-kỳ cho nước Nam, phân cương giới với nước Xiêm-la mà giữ nước Lào và nước Cao-man mình bảo hộ. Cho đến nay, toàn cõi Đông-dương, dầu cho Mường, Mọi, chỗ cùng cư cũng hưởng đặng sự thái bình, không lo ngoại bang hiếp đáp. Xưa nơi xứ Bắc-kỳ, bước ra một tấc đường thì sợ giặc, sợ ăn cướp, nay

đi cùng khắp cõi Đông-dương mà vô sự. Nước Đại-pháp ra oai võ một khi, mà trăm họ đặng yên muôn thuở, ấy cũng là ơn trọng người người hằng nhớ.

V. — **Cuộc làm phước.** — Lo bình định biên cương, rồi lại lo lợi nước, lợi dân. Đều cần nhứt hết là phép vệ sanh để dưỡng dân cho đặng tráng kiện, phòng ngừa những binh truyền nhiễm. Những nhà thương, nhà thí, nhà bảo sản, phép chưởng đậu, thuốc trừ nọc côn trùng, trừ bịnh thiên thời, dịch khí, đã cứu biết là bao nhiêu mạng con người. Nay trong cõi Đông-dương, những kẻ tàn tật, những người bịnh hoạn mà nghèo nàn cô độc, đều có chỗ dưỡng thân, có cơm ăn, có thuốc uống, có người săn sóc tử tế.

Cứu một người dương gian hơn muôn ngàn người âm ty, là vậy đó.

VI. — **Việc giáo huấn.** — Xưa Trung-quốc muốn truyền văn minh trong xứ ta, thì khai trường dạy chữ nhu. Người nước ta nhiễm lấy văn chương Tàu từ đời vua Sĩ-vương (186-226); mà văn chương Tàu thì mắc mỏ, nghĩa lý mầu nhiệm; học cho thông được thì phải lâu năm, phải dày công. Học cho hay được thì bất quá biết năm kinh bốn truyện, đủ mà đi thi đặng làm quan mà thôi. Văn chương cũng là báu nước; nhưng mà chuyên ròng văn học, thì không đủ mà làm cho nước giàu, dân mạnh. Người Pháp chuộng *văn học*, mà cũng chuộng *khoa học*, nghĩa là các môn học để làm cho lợi nước, lợi dân.

Nay khắp cõi Đông-dương, sô học đường càng ngày càng thêm, tiền tốn phí về việc giáo huấn càng ngày càng thặng, mà nhà nước lại càng buợt, muốn cho con dân mở mang trí hóa, lánh chỗ tối mà tìm chỗ sáng.

Hạ đẳng thì trường làng, trường tổng, trường sơ, nơi nào cũng có; trung đẳng thì trường tốt nghiệp trong mấy tỉnh thành lớn: Saigon, Hà-nội, Huế, Nam-vang, Mỹ-tho; thượng đẳng thì có trường y học, đại học viện tại Hà-nội.

Nhà nước chẳng những là lo giáo dục bọn con trai mà thôi, mà cũng dốc chí phe con gái trau giồi trí hóa, tập việc nữ công. Đâu hễ có trường nam thì có trường nữ, dạy bút toán, thêu tỉu, dạy tứ đức cùng việc nội trợ tề gia.

Những truờng công nghệ lập ra trong nhiều chỗ, để dạy đủ nghề cơ xảo, dạy vẽ vời, chạm trổ, dạy máy móc. Nào máy bay, nào dây thép gió, nay cũng có dạy người Annam học.

VII.— **Nông, thương, kị nghệ.**— Nhờ có khai mương xẻ rãnh, đào kinh, vét sông, nên nghề nông trong cõi Đông-dương càng ngày càng thạnh vượng. Đất hoang vu đã khai phá hết nhiều; đầm vũng đã trở nên ruộng tốt; lúa gạo mỗi năm mỗi thặng sô.

Trên miền cao, chồn rừng núi nay đã vỡ ra thành khoảnh; chỗ trồng cây cao-su, chỗ trồng dừa, trồng bông vải, café. Hễ người Lang-sa đi đến đâu mà lập nghiệp, hoặc khai khoáng sản, hoặc bày trại xưởng,

hoặc nuôi súc vật, thì chốn cùng cư cũng trở nên thị tứ, dân chúng qui lại mà lập hương thôn, có công việc làm ăn, khỏi lo đói lạnh.

Đường thủy lục thông thương cùng khắp trong xứ, tiện việc chở chuyên, cuộc thương mãi càng thêm tấn phát. Vận tải theo đường sông, đường biển thì có ghe, có tàu, trên đất liền thì có dường xe lửa Cửa hải trình Saigon, Hải-phòng, tàu ngoại bang vãng lai không ngớt, lớp thì cất hàng hóa lên để bán trong xứ, lớp thì chở sản vật xuống: gạo, lúa, dừa, bắp v. v. mà đem đi nước khác.

Những người hào hộ bên Pháp-quốc qua cõi Đông-dương đã rải của trong cuộc nông, thương, kị nghệ biết là muôn vàn nào! Nước ta đặng phú túc, dân ta được ấm no, cũng nhờ của ấy: kẻ nghèo thì đi làm thầy thợ, đã có chỗ nương cậy mà bảo dưỡng thê nhi, lại học đặng nghề trí xảo để truyền lần trong xứ; người giàu lại làm giàu thêm, cũng nhờ có người Lang-sa chỉ những mối lợi cho. Xưa đời Cựu trào, có bạc để mà chôn, nay bạc có nhiều mà không đủ dùng. Xưa có vài ngàn quan tiền gọi là giàu, nay có vài ngàn đồng bạc gọi là khá.

VIII.— **Phải kính, phải phục.** – Phải kính nước Đại-pháp như kẻ mẫu của ta, phải phục người Đại-pháp là thầy ta vậy. Có thầy ta mới làm nên, có thầy ta mới hưởng đặng thái bình như vầy. Mới hơn vài mươi năm mà sáng tạo nên cuộc đồ sộ nầy cũng nhờ có tay thầy.

Nhà nghèo hay con thảo, có giặc Âu-châu thấy mới rõ lòng trò : kẻ giúp công người giúp của, ít nhiêu cũng tỏ dạ trung thành. ơn giáo dục đến bồi xong một thuớ.

Nay đã trừ an Đức-quốc, chẳng còn khuây rồi Đồng-minh; bốn phương ca chữ thái bình, chúc Pháp Việt muôn năm thạnh trị.

14 Juillet 1919.

CÔNG THẦN ANNAM

Châu-văn-AN : Quốc tử giám tư nghiệp, đời Trần-minh-tông.

Ngô-tùng-CHAU : Lễ bộ thượng thơ, đời Gia-long.

Mạc-đĩnh-CHI : Tể-tướng, đời Trần-anh-tông.

Trần-hưng-ĐẠO : Thái-Sư, đời Trần-thái-tông.

La-phước-ĐIỀN : Tây-sơn vây hòn Phú-quốc, đương cơn nguy cấp, La-phước-Điền mặc y phục của Nguyễn-Anh mà thế tử, đời Gia-Long.

Lê-quí-ĐÔN : Khanh tướng, đời Lê-hiển-tông.

Vũ-công-DUỆ : Đô ngự sử, đời Lê-thánh-tông.

Lê-văn-DUYỆT : Tả quân, đời Gia-Long,

Phan-thanh-GIẢNG : Kinh lược xứ Nam-Kỳ, đời Tự-Đức.

Nguyễn-HIỀN : Công bộ thượng thơ, đời Trần-thái-tông.

Lê-phụng-HIỂU : Võ vệ tướng quân, đời Lý-thái-tông.

Lê-văn-HƯU : Dọn bộ sử Đại Nam, đời Trần-thái-tông.

Lương-hữu-KHÁNH : Binh bộ thượng thơ, đời Lê-thái-Tổ.

Phùng-khắc-KHOAN : Thái phó, quốc công. Tàu phong : Lưỡng quốc trạng nguyên, đời Lê-trang-tông.

Lý-thường-KIỆT : Thái-úy, đời Lý-nhơn-tông.

Đặng-mã-LA : Trạng-nguyên, đời Trần-thái-tông.

Phạm-ngũ-LÃO : Điện tiền thượng tướng quân, đời Trần-thánh-tông.

Đinh-văn-TẢ : Quận-công, đời Lê-hỉ-tông.

Võ-Tánh : Hậu-quân, đời Gia-Long.

Nguyễn-văn-THÀNH : Quận công, đời Gia-Long.

Tô-hiến-THÀNH : Phụ chánh, đời Lý-anh-Tông.

Nguyễn-hữu-THOẠI : Đại tướng quân, đời Gia-Long.

Nguyễn-văn-THIỀNG : Trung quân, đời Gia-Long.

Châu-văn-TIẾP : Bình tây đại đô đốc, quận công, đời Gia-Long.

Nguyễn-TRẠI : Vĩnh lộc đại phu, tế văn hầu, đời Lê-thái-Tổ.

Phạm-đình-TRỌNG : Thiếu-bảo, đời Lê-hiển-tông.

Đặng-đình-TƯỚNG : Lại bộ thị lang, thái phó, đời Lê-huyền-tông.

Lương-thế-VINH : Trạng nguyên, đời Lê-thánh-tông.

Lê-XI : Thái bảo, đời Lê-thái-Tổ, Lê-thái-tông.

CÔNG THẦN LANG-SA (1)

Allizé de Matignicourt: Quan tư binh bộ, đánh trận Chí-hòa (1861).

Arfeuille (d'): Quan năm thủy binh làm chức quan bô (1861), làm lãnh sự Hãi-phòng (1879).

Ariès (d'): Quan năm thủy binh, trấn thủ Saigon (1859).

Aubaret: Quan năm thủy binh, làm chức quan bô, biết chữ Annam, có dịch bộ *Gia-định thông chí* (1863).

Avalanche (*l'*): Tên chiếc tàu trận phá cửa Hàn năm 1858, lấy Saigon (1859).

Barbet: Quan ba binh bộ lấy thành Saigon; lúc đi dọ thám, bị người Annam rình mà sát hại lối miễu Hội-đồng (1861). Người Lang-sa lấy tên vì quan nầy mà đặt cho chùa Khải-tường, kêu là *Pagode Barbet*.

Barisy (Laurent): Giúp Nguyễn-Anh, lãnh vận lương và tập rèn binh lính.

Bellinger: Quan hai binh bộ, làm quan bô tại Cần-giuộc (1864).

Berger: Quan hai thủy binh, đánh trận Chí-hòa (1861)

---

(1) Nhà nước lấy tên các quan kể trong bản nầy mà đặt cho những đường sá châu thành Saigon và Chợ-lớn, trước là để cho kẻ hậu lai nhớ tích, nhớ công khai sáng, sau để mà biêu danh muôn thuở.

Những tên in chữ xiên (*italique*) là tên mấy chiếc chiến thuyền buổi mới chiếm xứ Nam-kỳ, cũng đem vào đây, bởi vì có tích trong sử.

Boresse : Quan tư thủy binh, làm chức quan bộ tại Gia-định (1861).

Boubée : Quan ba binh bộ, đánh trận Tháp-mười (1866).

Bourdais : Quan năm thủy binh, đánh trận Chí-hòa, sau lấy thành Mỹ-tho, bị đạn mà thác (1861).

Catinat (le) : Tên chiếc tàu bắn phá đồn cửa Hàn năm 1856.

Chaigneau (Jean Baptiste) : Người Annam kêu là Nguyễn-văn-Thắng, giúp vua Gia-Long có công lớn.

Chasseloup-Laubat (de) : Thượng thơ thủy binh và thuộc địa, có công mở mang các thuộc địa, nhứt là xứ Nam-kỳ lúc đầu mới chiếm.

Comte : Quan tư binh bộ, lấy Biên-hòa (1861).

Coquet : Quan tư binh bộ trấn Bà-rịa (1862).

Courbet (Vice-Amiral) : Thủy sư đô thống, đánh Bắc-kỳ, lấy thành Phước-châu (Chine) 1884.

Crouzat : Quan năm binh bộ, đánh trận Chí-hòa.

Dayot (Jean-Marie) : Quan tư thủy binh, quản chiếc tàu "Đồng-nai", giúp Nguyễn-Anh đánh Tây-sơn, lập đặng nhiều công lớn.

Desperles (Dominique) : Quan lương y giúp Nguyễn-Anh.

Despiaux (Jean-Marie) : Lương y của Nguyễn-Anh.

Desvaux : Quan năm thủy binh, lấy Mỹtho.

Domenech-Diégo : Quan năm binh bộ, trấn thủ Biên-hòa (1861).

Doudart de Lagrée : Quan năm thủy binh, làm chức Khâm phái tại xứ Cao-man (1863-1866), có công trong vụ lập tờ hòa ước và bảo hộ xứ Cao-man.

Dupré-Déroulède : Quan tư binh bộ, lấy thành Saigon (1859).

Emmanuel : Giúp Nguyễn-Anh đánh Tây-sơn, có bài vị thờ nơi *miễu Công thần*.

Eyriaud des Vergnes : Quan bác vật, mở đường và xây công thành phố Saigon (1873).

Forçant (de) : Quản chiếc tàu *Ưng-phi*, giúp Nguyễn-Anh đánh Tây-sơn.

Foucault (de) : Quan ba thủy binh, tử trận tại Chí-hòa (1861).

Frostin : Quan một thủy binh, tử trận tại Chí-hòa (1861).

Gallimard : Quan ba pháo thủ, đánh trận Chí-hòa, lấy thành Saigon.

Gally : Quan ba binh bộ, đánh Tháp-mười (1866).

Garnier (Francis) : Quan tư thủy binh, quan bố Chợ-lớn (1866), lấy Hà-nội (1873), bị quân Cờ đen sát hại (1873).

Gaudot : Quan tư thủy binh, làm quan bố Chợ-lớn (1862).

Girard de l'Isle-Sellé : Quan ba thủy binh, giúp Nguyễn-Anh.

Guillon (Jean-Baptiste) : Quan ba thủy binh, giúp Nguyễn-Anh.

Guilloux (Guillaume) : Quan ba thủy binh, giúp Nguyễn-Anh.

Guys : Quan tư thủy binh, trấn thủ Tây-ninh (1861).

Hamelin : Thủy binh thượng thơ lúc lấy Nam-kỳ, có công mở mang các thuộc địa.

Jauréguiberry : Quan năm thủy binh, lấy thành Saigon năm 1859, sau làm tới chức Thủy sư.

Lacour : Quan ba pháo thủ lấy thành Saigon (1859).

Ladébat : Quan năm thủy binh, đánh trận Chí-hòa.

Lanzarotte : Quan năm Espagnol, cầm binh lấy thành Saigon (1859).

Lapelin : Quan năm thủy binh, đánh trận Chí-hòa.

[illegible]ch[illegible]e (Savin de) : Quan ba binh bộ, trấn thủ Tây-ninh, bị Cao-mên dậy loạn sát hại, năm 1866.

Lareynière : Quan ba thủy binh, tử trận tại Chí-hòa (1861).

Le Brun (Théodore) : Quan bác vật, vẽ họa đồ thành Saigon, giúp Nguyễn-Anh.

Lefebvre (Monseigneur) : Đức cha cai địa phận Nam-kỳ đầu hết.

Legrand de la Liraye : Thầy giảng đạo tại Bắc-kỳ, làm thông ngôn cho Nguyên-soái Rigault de Genouilly, sau làm chức tham biện, có soạn một bổn tự vị tiếng Annam.

Lesèble : Quan hai binh thủy, đánh trận Chí-hòa.

Lespès : Quan ba thủy binh, đánh trận Chí-hòa, lãnh đem thơ cho vua Cao-man (1861), sau làm tới chức thủy sư.

Loubère : Quan năm binh bộ, trấn thủ Biên-hòa.

Luro : Quan tư thủy binh, làm cai trường tham biện hậu bổ (1873), chức quan bố.

Malespine (Etienne) : Giúp Nguyễn-Anh, coi việc lương thảo.

Marchaisse : Quan năm binh bộ, bình phục Tây-ninh, bị Cao-mên sát hại (1866).

Martin des Pallières: Quan tư, lấy thành Saigon (1859).

Martin des Pallières (Henri) : Đội, dẫn quân leo hãm thành Saigon (1859).

Miche (Monseigneur) : Đức cha ở Cao-man, có công trong vụ lập hòa ước với xứ Cao-man, sau thế cha Đức cha Lefebvre.

Némésis (la) : Tên chiếc tàu phá cửa Hàn và lấy Saigon năm 1858-1859.

Noël : Quan một thủy binh, tử trận tại Chí-hòa.

Olivier de Puymanel : Giúp Nguyễn-Anh, người Annam kêu là ông Tín, xây thành Saigon.

Ormay (Dr d') : Quan lương y, ở xứ Nam-kỳ đã 12 năm, quản đốc nhà thương tây đâu hết (1863-1874).

Palanca : Quan năm Espagnol, quản toán binh *Espagnols* và *Tagals*, lấy thành Saigon (1859).

Pâris de la Bollardière : Quan ba binh bộ, đánh Tháp-mười (1866).

Pellerin (Monseigneur) : Đức cha địa phận Nam-kỳ (1850).

Philastre : Quan bố Mỹ-tho, sau làm đến chức Chưởng lý Nam-kỳ (1863), thông chữ nho, dịch bộ luật Annam (*Code annamite*).

Pierre : Lương y, lập vườn thảo mộc (Sở thú) 1864.

Pigneau de Béhaine (Evêque d'Adran) : Đức cha d'Adran đi với Đông cung Cảnh qua triều Pháp mà viện binh giúp Nguyễn-Anh.

Primauguet (*le*) : Tên chiếc tàu phá cửa Hàn năm 1858 và lấy Saigon.

Reybaud : Quan năm binh bộ, lấy thành Saigon (1859).

Rieunier : Quan hai thủy binh, lãnh đi dò sông rạch trước khi đánh trận Chí-hòa (1861), sau làm đến chức Thủy sư.

Sohier (Monseigneur) : Đức cha cai địa phận Nam-kỳ, sau thế cho Đức cha Pellerin (1862).

Taberd (Monseigneur) : Giám mục, thông tiếng Annam, có soạn bộ tự điển Annam.

Tardivet (Emmanuel) : Giúp Nguyễn-Anh, đánh Tây-sơn.

Testard : Quan năm binh bộ, tử trận tại Chí-hòa (1861).

Thénard : Quan một pháo thủ, đánh trận Chí-hòa

Thouroude : Quan ba binh bộ, trấn thủ Rạch-tra (1862).

Turc : Quan lương y binh bộ, làm quan bô, làm đốc lý thành phô Saigon đầu hết (1867-1871).

Vannier (Phillipe) : Giúp Gia-long đánh Tây-sơn, người Annam kêu là "*Chúa tàu Phụng*". Gia-long phong nhứt phẩm.

Vassoigne (de) : Bộ binh đề đốc, đánh trận Chí-hòa (1861).

Vial : Quan bô, làm chức Thượng thơ (1865), làm Khâm sứ Bắc-kỳ (1887).

LỊCH CÁC ĐỜI NGUYÊN SOÁI NAM-KỲ

1 Ông **Rigault de Genouilly**, Thủy sư, lấy Saigon, 17 Février 1859.

2 » **Jauréguiberry**, Quan năm thủy binh, Mars 1859 – 1er Avril 1860.

2 » **Page**, phó Thủy sư, 1er Novembre 1859 – Mars 1860.

4 » **d'Ariès**, quan năm thủy binh, 1er Avril 1860—7 Février 1861.

5 » **Charner**, Thủy sư, 7 Février 1861 — 28 Novembre 1861.

6 » **Bonard**, phó Thủy sư, 27 Novembre 1861— 1er Mai 1863.

7 » **de la Grandière**, phó Thủy sư, 23 Avril 1863—31 Mars 1865.

8 » **Roze**, phó Thủy sư, *quyền*, 29 Mars — 26 Novembre 1865.

9 » **de la Grandière**, phó Thủy sư, 28 Nov. 1865 – 4 Avril 1868.

10 » **Ohier**, phó Thủy sư, 5 Avril 1868 – 11 Décembre 1869.

11 » **Faron**, bộ binh Đề đốc, *quyền*, 11 Décembre 1869--8 Janvier 1870.

12 Ông **Cornulier-Lucinière**, phó Thủy sư, *quyền*, 8 Janvier 1870 1er Avril 1871.

13 » **Dupré**, phó Thủy sư, 15 Janvier 1871—7 Mars 1872.

14 » **d'Arbaud**, bộ binh Đề đốc, *quyền*, 7 Mars 1872—16 Décembre 1872.

15 » **Dupré**, phó Thủy sư, 16 Décembre 1872—16 Mars 1874.

16 » **Krantz**, phó Thủy sư, *quyền*, 16 Mars 1874—1er Décembre 1874.

17 » **Duperré**, phó Thủy sư, 1er Décembre 1874--31 Janvier 1876.

18 » **Bossant**, bộ binh Đề đốc, *quyền*, 31 Janvier 1876--7 Juillet 1876.

19 » **Duperré**, phó Thủy sư, 7 Juillet 1876--16 Octobre 1877.

20 » **Lafont**, phó Thủy sư, 16 Octobre 1877--7 Juillet 1879.

LỊCH CÁC ĐỜI THÔNG ĐỐC NAM-KỲ

1 Ông **Le Myre de Vilers**, 7 Juillet 1879.

2 » **de Trentinian**, bộ binh Đề đốc, *quyền*, 4 Mars 1881--31 Octobre 1881.

3 » **Le Myre de Vilers**, 1er Novembre 1881.

4 » **Thomson**, Khâm mạng Thông đốc, 12 Janvier 1883.

5 » **Bégin**, bộ binh Đề đốc, *quyền*, 27 Juillet 1885.

6 » **Filippini**, 20 Juin 1886--22 Octobre 1887.

7 » **Noël Pardon**, *quyền*, 22 Octobre 1887--3 Novembre 1887.

8 » **Piquet**, 16 Novembre 1887-14 Janvier 1888.

9 » **Navelle**, *quyền*, 15 Janv. 1888--12 Avril 1888.

10 » **Fourès**, *quyền*, 21 Mai 1889--8 Août 1889.

11 » **Danel**, 9 Août 1889--11 Septembre 1892.

12 » **Fourès**, 22 Octobre 1892--25 Mars 1894.

13 » **Navelle**, 25 Mars 1894--15 Septembre 1894.

14 » **Fourès**, 15 Septembre 1894--5 Août 1895.

15 » **Ducos**, 5 Août 1895--22 Mars 1896.

16 » **Sandret**, *quyền*, 22 Mars 1896--19 Nov. 1896.

17 » **Ducos**, 20 Novembre 1896--13 Mai 1897.

18 Ông **Nicolaï**, *quyền*, 14 Mai 1897--21 Janvier 1898.

19 » **Picanon**, 22 Janvier 1898--12 Avril 1899.

20 » **Bocquet**, *quyền*, 13 Avril 1899-30 Oct. 1900.

21 » **Picanon**, 31 Octobre 1900--1er Août 1901.

22 » **Luce**, *quyền*, 2 Août 1901--4 Septembre 1901.

23 » **H. de Lamothe**, 5 Sept. 1901--21 Oct. 1902.

24 » **Rodier**, 22 Octobre 1902--9 Mars 1906.

25 » **De Lalande Calan**, *quyền*, 10 Mars 1906.

26 » **Rodier**, 2 Janvier 1907.

27 » **Bonhoure**, 12 Juillet 1907--27 Février 1908.

28 » **Outrey**. *quyền*, 28 Fév. 1908--23 Sept. 1908.

29 » **Bonhoure**, 24 Sept. 1908--30 Janv. 1909.

30 » **Outrey**, *quyền*, 30 Janv. 1909--15 Juin 1909.

31 » **Gourbeil**, 16 Juin 1909--21 Mars 1912.

32 » **Destenay**, *quyên*, 22 Mars 1912--12 Décembre 1912.

33 » **Gourbeil**, 13 Décembre 1912--24 Avril 1916.

34 » **Rivet**, *quyền*, 25 Avril 1916.

LỊCH CÁC ĐỜI TỔNG THỐNG ĐÔNG-DƯƠNG

1 Ông **Constans**, 16 Nov. 1887-21 Avril 1888.

2 » **Richaud**, 8 Avril 1888--27 Mai 1889.

3 » **Piquet**, 31 Mai 1889--12 Avril 1891.

4 » **Bideau**, *quyền*, 13 Avril 1891-25 Juin 1891.

5 » **De Lanessan**, 26 Juin 1891--11 Mars 1894.

6 » **Chavassieux**, *quyền*, 13 Mars 1894--26 Octobre 1894.

7 » **De Lanessan**, 27 Oct. 1894--30 Déc. 1894.

8 » **Rodier**, *quyền*, 30 Déc. 1894--15 Mars 1895.

9 » **Rousseau**, 15 Mars 1895--20 Oct. 1895.

10 » **Fourès**, *quyền*, 21 Oct. 1895--14 Mars 1896.

11 » **Rousseau**, 14 Mars 1896--10 Déc. 1896.

12 » **Fourès**, *quyền*, 10 Déc. 1896--12 Fév. 1897.

13 » **Doumer**, 13 Février 1897--28 Sept. 1898.

14 » **Fourès**, *quyền*, 29 Sept. 1898--24 Janv. 1899.

15 » **Doumer**, 25 Janv. 1899--15 Février 1901.

16 » **Broni**, *quyền*, 16 Fév. 1901--20 Août 1901.

17 » **Doumer**, 21 Août 1901--13 Mars 1902.

18 » **Broni**, *quyền*, 14 Mars--14 Octobre 1902.

19 » **Beau**, 15 Octobre 1902--30 Juin 1905.

20 **Ông Broni**, *quyền*, 1er Juillet 1905--6 Déc. 1905.

21 » **Beau**, 7 Décembre 1905--27 Juillet 1906.

22 » **Broni**, *quyền*, 28 Juillet 1906--2 Janv. 1907.

23 » **Beau**, 2 Janvier 1907--27 Février 1908.

24 » **Bonhoure**, *quyền*, 28 Février 1908--23 Septembre 1908.

25 » **Klobukowski**, 24 Sept. 1908--12 Janv. 1910.

26 » **Picquié**, 13 Janvier 1910--11 Juin 1910.

27 » **Klobukowski**, 12 Juin 1910--16 Fév. 1911.

28 » **Luce**, *quyền*, 17 Fév. 1911--14 Nov. 1911.

29 » **Sarraut**, 15 Novembr e1911--3 Janvier 1914.

30 » **Van Vollenhoven**, *quyền*, 5 Août 1914--4 Mars 1915.

31 » **Roume**, 5 Mars 1915--21 Mai 1916.

32 » **Charles**, *quyền*, 22 Mai 1916.

33 » **Sarraut**, 7 Novembre 1916.

TABLEAU SYNCHRONIQUE DES SOUVERAINS

D'ANNAM, DE CHINE ET DE FRANCE

ANNAM	CHINE	FRANCE
1re *Dynastie des Hông-Bàng* 20 Souvrains 2874-257 av. J. C.	*Période des Cinq Rois (Ngũ-Đê)* 9 Souverains 2852-2205 av. J. C.	5004 à 3064 av. J. C. Première dynastie des rois égyptiens.
	1 Thái-Hạo ou Phục-Hi thị, 2852-2737	De 2800-2700. Construction des Pyramides en Egypte. (4e dynastie).
	2 Viêm-Đê ou Thần-Nông thị, 2737-2697	
	3 Huỳnh-Đê ou Hữu-Hùng thị, 2697-2597	
	4 Thiều-Hạo ou Kim-Thiên thị, 2597-2513	De 2600-1250. Royaume de Chaldée.
	5 Xuyên-Húc ou Cao-Dương thị, 2513-2435	
	6 Đê-Côc ou Cao-Tân thị, 2435-2365	
Kinh-Dương-Vương	7 Đê-Chí,............... 2365-2357	
Lạc-Long-Quân	8 Đê-Nghiêu ou Đào-Đường, thị, 2357-2255	
Hùng-Vương 1er jusqu'à Hùng-Vương 18.	9 Đê-Thuân ou Hữu-Ngu thị, 2255-2205	

1re Dynastie des Hạ
17 Souverains
2205-1783 av. J. C.

1 Đại-Võ, ...	2205-2197	
2 Đề Khải, ...	2197-2188	
3 Thái-Khương, ...	2188-2159	
4 Trọng-Khương, ...	2159-2146	
5 Đề-Tướng, ...	2146-2119	
6 Hàn-Sát (usurpateur)...	2119-2079	De 2100-1580. Les rois
7 Thiều-Khương, ...	2079-2057	pasteurs (Hyksos) en Egypte.
8 Đề-Trứ, ...	2057-2040	
9 Đề-Hòe, ...	2040-2014	
10 Đề-Mang, ...	2014-1996	
11 Đề-Tiết, ...	1996-1980	
12 { Bất-Gián, ...	1980-1921	
12 { Đề Huỳnh, ...	1921-1900	
13 Đề Cẩn, ...	1900-1879	
14 Khổng-Giáp, ...	1879-1848	
15 Đề Cao, ...	1848-1837	
16 Đề Phát, ...	1837-1818	
17 Lý-Quí ou Kiệt, ...	1818-1783	

ANNAM	CHINE		FRANCE
	2e Dynastie des Thương 28 Souverains 1783-1122 av. J. C.		
	1 Thành-Thang, ...	1783-1753	
	2 Thái-Giáp, ...	1753-1720	
	3 Ốc-Đinh, ...	1720-1691	
	4 Thái-Canh, ...	1691-1666	
	5 Tiểu-Giáp, ...	1666-1649	
	6 Ung-Ki.	1649-1637	
	7 Thái-Mô, ...	1637-1562	
	8 Trọng-Đinh, ...	1562-1549	
	9 Ngoại-Nhâm, ...	1549-1534	
	10 Hà-Đản-Giáp, ...	1534-1525	
	11 Tổ-Ất, ...	1525-1506	
	12 Tổ-Tân, ...	1506-1490	En 1500. Amenophis (Temple de Luxor).
Dynastie des Hồng-Bàng (suite)	13 Ốc-Giáp, ...	1490-1465	
	14 Tổ-Đinh, ...	1465-1433	
	15 Nam-Canh, ...	1433-1408	

16 Dương-Giáp, ...	1408-1401	
17 Bàng-Canh, ...	1401-1373	De 1392-1326. Rhamsès II *le Grand.*
18 Tiểu-Tân, ...	1373-1352	
19 Tiểu-Ất, ...	1352-1324	
20 Võ-Đinh, ...	1324-1265	De 1300-1100. Les juges (Gédéon, Jephté, Samson, Samuel).
21 Tổ-Canh, ...	1265-1258	En 1300. Moïse (Les Israélites quittent l'Egypte).
22 Tổ-Giáp, ...	1258-1225	De 1250-606. Royaume d'Assyrie.
23 Lẫm-Tân, ...	1225-1219	
24 Canh-Đinh, ...	1219-1198	
25 Võ-Ất, ...	1198-1194	
26 Thái-Đinh, ...	1194-1191	
27 Đế-Ất, ...	1191-1154	
28 Thọ-Tân ou Trụ, ...	1154-1122	
3e Dynastie des Châu 38 Souverains 1122-249 av. J. C.		
1 Võ-Vương, ...	1122-1115	
2 Thành-Vương, ...	1115-1078	

ANNAM	CHINE		FRANCE
	3 Khương-Vương, ...	1078-1052	De 1088-1056. Saül.
	4 Chiêu-Vương, ...	1052-1001	De 1056-1016. David. (Fondation de Jérusalem).
	5 Mục-Vương, ...	1001- 946	De 1016-976. Salomon.
	6 Cung-Vương, ...	946- 934	(Construction du Temple
	7 Ý-Vương, ...	934- 909	de Jérusalem).
	8 Hiêu-Vương, ...	909- 894	
	9 Di-Vương, ...	894- 878	
	10 Lệ-Vương, ...	878- 827	
	11 Tuyên-Vương, ...	827- 781	En 810. Lycurgue à Sparte.
	12 U-Vương.............	781- 770	
	13 Bình-Vương, ...	770- 719	En 754. Fondation de Rome.
	Xuân-thu chiên quốc ou *Đông-châu liệt quốc*		
	14 Huờn-Vương, ...	719- 696	De 710-558. Royaume des
	15 Trang-Vương, ...	696- 681	Mèdes.
Dynastie des Hông-Bàng	16 Li-Vương, ...	681- 676	
(suite)	17 Huệ-Vương, ...	676- 651	
	18 [illegible]	651- [illegible]	[illegible]

Thích-ca-mu-ni (Çakyamouni), vers 600		
19 Khuinh-Vương, ...	618- 612	
20 Khuông-Vương, ...	612- 606	Pythagore : 608.
Lão-Tử (Lao-Tseu). vers	*604-500*	
21 Định-Vương, ...	606- 585	En 606. Destruction de Ninive
22 Giảng-Vương, ...	585- 571	En 586. Prise de Jérusalem par Nabuchodonosor.
23 Linh-Vương, ...	571- 544	En 573. Prise de Tyr par Nabuchodonosor.
Khổng-Phu-Tử (Confucius)	*551- 479*	
24 Kiểng-Vương, ...	544- 520	En 538. Prise de Babylone par Cyrus.
25 Tiệu-Vương, ...	520- 519	En 525. Conquête de l'Egypte par Cyrus.
26 Kinh-Vương, ...	519- 475	En 509. Fondation de la République à Rome. En 490. Première guerre médique. En 480. Deuxième guerre médique.
27 Nguơn-Vương, ...	475- 468	
28 Trinh-định-Vương, ...	468- 440	En 450. Troisième guerre médique.
29 Ai-Vương, ...	440	
30 Tư-Vương, ...	440	

ANNAM	CHINE		FRANCE
Dynastie des Hồng-Bàng (suite)	31 Khảo-Vương,.........	440- 425	De 431-401. Guerre du Péloponèse.
	32 Oai-Liệt-Vương,.......	425- 401	494-429. Périclès. En 401. Bataille de Cunaxa. Retraite des Dix-mille (Xénophon).
	33 An-Vương,...........	401- 375	470-400. Socrate.
	34 Liệt-Vương,..........	375- 368	En 390. Prise de Rome par
	Mạnh-Tử (Mencius)..	*398- 311*	les Gaulois.
	35 Hiển-Vương,..........	368- 320	De 334-323. Expéditions d'Alexandre le Grand en Asie.
	36 Thận-Tịnh-Vương,....	320- 314	De 323-30. Les Ptolémées en Egypte.
	37 Hích-Vương,.........	314- 255	Archimède, 287.
	38 Đông-Châu-Quân,.....	255- 249	De 264-241. Première guerre punique (Conquête du Nord de l'Afrique par les Romains.)
Dynastie des Thục 1 Souverain 257-207 av. J. C.	*4e Dynastie des Tần* 3 Souverains 249-209 av. J. C.		
	Trang-Tương-Vương......	249-246	De 218-201. Deuxième [illegible]

257-207	Thí-Hoàng-Đế,.......... 246-209	Caton le Censeur, 234-140
	2 Nhị-Thế-Hoàng-Đế,...... 209	De 219-201. Deuxième guerre punique.
	3 Anh-Vương,............	
	Introduction du Bouddhisme en Chine,..................... 207.	
Dynastie des Triệu 5 Souverains 207-111 av. J. C.	5e *Dynastie des Hán occidentaux* (*Tây-Hán*) 14 Souverains. 202 av. J. C. — 25 ap. J. C.	
	1 Cao-Tổ,................ 202-194	
	2 Huệ-Đế,................ 194-187	
1 Triệu-Võ-Đế,....207-136	3 Lữ-Hậu,................ 187-179	Scipion Emilien, 185 129.
	4 Hiếu-Văn-Đế,............ 179-156	
	5 Hiếu-Kiểng-Đế,.......... 156-140	De 149-146. Troisième guerre punique (Destruction de Carthage).
2 Triệu-Văn-Vương, 136-124 3 Triệu-Minh-Vương, 124-113		
4 Triệu-Ai-Vương, 113-111 5 Triệu-Dương-Vương, 111	6 Hiếu-Võ-Đế,............ 140- 86	En 146. La Grèce devint province romaine. En 123. Fondation des cités d'Aix et de Narbonne par les Romains.

ANNAM	CHINE		FRANCE
			Cicéron, 107-46. Jules César, 101-44.
	7 Hiêu-Chiêu-Đè, ...	86-73	
	8 Hiêu-Tuyên-Đè, ...	73-48	De 58-51. Conquête des Gaules par Jules César.
			En 50. Vercingétorix se rendit à César.
	9 Hiêu-Nguơn-Đè, ...	48-32	En 30. L'Egypte devint province romaine.
	10 Hiêu-Thành-Đè, ...	32-6	Fondation de l'Empire romain. (Auguste, empereur) 31 av. J.C.-14 ap.J.C.
Domination chinoise 111 av. J. C. – 39 ap. J. C.	11 Hiêu-Ai-Đè, ...	6-1	*Commencement de l'ère chrétienne. Avénement de Jésus-Christ.*
	12 Hiêu-Bình-Đè, ...	1-6 ap. J. C.	
			Les poëtes Virgile et Horace vécurent sous le siècle d'Auguste.
	13 Nhụ-Tứ-Anh, ...	6-9	
	Vương-Mãng, ...	9-23	De 14-37. Tibère.

	(Đông-Hán) 14 Souverains 25-221		
Trưng-nữ-vương, 39-42	1 Quang-Võ-Đê, ...	25- 58	En 33. Mort de Jésus-Christ
			De 37-41. Caligula.
			De 41-54. Claude.
	2 Hiêu-Minh-Đê, ...	58- 76	De 54-68. Néron.
			De 68-69. Galba, Othon. Vitellius.
	3 Hiêu-Chương-Đê, ...	76- 89	En 79. Destruction de Jérusalem par Titus.
	4 Hiêu-Hỏa-Đê, ...	89-106	De 69-79. Vespasien.
			De 79-81. Titus.
Domination Chinoise 42-541	5 Hiêu-Thương-Đê, ...	106-107	De 81-96. Domitien.
			De 96-98. Nerva.
	6 Hiêu-An-Đê, ...	107-125	De 98-117. Trajan.
	7 Ý-Đê, ...	125-126	De 117-138. Adrien.
	8 Hiêu-Thuận-Đê, ...	126-145	En 133. Dispersion des Juifs.
	9 Hiêu-Trung-Đê, ...	145-146	De 138-161. Antonin *le*
	10 Hiêu-Chât-Đê, ...	146-147	*Pieux*.

ANNAM	CHINE	FRANCE
	11 Hiêu-Huờn-Đê,........... 147-168	De 161-180. Marc-Aurèle.
	12 Hiêu-Linh-Đê,........... 168-189	De 180-192. Commode.
	13 Thiêu-Đê 189-190	•
	14 Hiêu-Hiên-Đê,........... 190-221	De 193-221. Septime Sévère
	Epoque des 3 Royaumes *(Tam-Quôc)*	
	Royaume des Hán postérieurs 2 Souverains 221-223	
	1 Chiêu-Liệt-Đê,........... 221-223	De 222-235. Alexandre Sévère, qui fit graver cette maxime au frontispice de son palais: « *Fais à autrui ce que tu voudrais qu'on te fit à toi-même* ».
	2 Hậu-Đê,.................. 223	
Domination Chinoise 42-544 (suit	*Royaume des Ngụy* 5 Souverains 220-260	

3 Phê-Đê, ...	240-25[illegible]	
4 Thiêu-Đê, ...	254-260	
5 Tông-Đê, ...	260	

Royaume des Ngô

4 Souverains

229-264.

1 Đại-Đê, ...	229-252	
2 Phê-Đê, ...	252-258	
3 Kiềng-Đê, ...	258-264	
4 Vị-Đê, ...	264	

6e Dynastie des Tấn occidentaux

(Tây-Tấn)

4 Souverains

265-317

1 Thê-Tổ-Võ-Đê, ...	265-290	De 270-275. Aurélien.
		De 276-282. Probus.
2 Huệ-Đê, ...	290-307	De 284-305. Dioclétien.
3 Hoài-Đê, ...	307-313	De 305-337. Constantin le Grand
4 Mẫn-Đê, ...	313-317	En 313. Edit de Milan : le Christianisme fut proclamé religion d'Etat.

ANNAM	CHINE		FRANCE
	Branche des Tân orientaux *(Đông-Tân)* 11 Souverains 317-420		
	1 Nguơn-Đê,	317-323	
	2 Minh-Đê,	323-326	
	3 Thành-Đê,	326-343	En 330. Constantin transfère à Byzance la capitale de l'Empire romain.
	4 Khương-Đê,	343-345	
	5 Mục-Đê,	345-362	De 360-363 Julien.
	6 Ai-Đê,	362-366	
	7 Đê-Điệt,	366-371	De 379-395. Théodose.
	8 Giảng-Văn-Đê,	371-373	En 395. *Fin de l'histoire ancienne. Commencement de l'histoire du Moyen Âge.*
	9 Hiếu-Võ-Đê,	373-397	L'Empire romain fut divisé en empire d'Occident et en empire d'Orient.
Domination Chinoise	10 An-Đê,	397-419	De 406-451. Invasions des Barbares germains.

7e Dynastie des Tống 8 Souverains 420-479		En 429. Les Vandales en Afrique.
		1re Dynastie. *Les Mérovingiens* 448-752
1 Cao-Tổ-Võ-Đê,...........	420-423	
2 Thiêu-Đê,................	423-424	
3 Văn-Đê,.................	424-454	En 461. Clovis.— Fondation de la Monarchie française.
4 Hiêu-Võ-Đê,.............	454-465	*En 455. Prise de Rome par les Vandales.*
5 Phê-Đê,.................	465	*En 451. Invasion des Huns (Attila).*
6 Minh-Đê,................	465-473	
7 Thương-Võ-Vương,.....	473-477	*En 476. Fin de l'Empire romain d'Occident.*
8 Thuận-Đê,...............	477-479	

ANNAM	CHINE		FRANCE
	8e Dynastie des Tê 7 Souverains 479-502		
	1 Cao-Tổ,................	479-483	
	2 Võ-Đê,.................	483-494	De 481-511. Clovis, roi des Francs.
	3 Phê-Đê,................	494	
	4 Chiêu-Văn,.............	494	
Domination Chinoise 42-544, (suite)	5 Minh-Đê,...............	494-499	En 496. Victoire de Tolbiac Baptême de Clovis.
	6 Đông-Hôn-Hầu,.........	499-501	
	7 Hòa-Đê,................	501-502	
	9e Dynastie des Lương 6 Souverains 502-557		
Dynastie des Lý antérieurs 3 Souverains, 544-602	1 Cao-Tổ-Võ-Đê,.........	502-550	*De 527-565. Justinien 1er, empereur d'Orient.* De 511-561. Les 4 fils de Clovis.

1 Lý-Nam-Đế, 544-548	2 Giảng-Văn-Đế, ...	550-551	1.— Thierry I, roi de Metz, 511-534
			2. - Clodomir, roi d'Orléans, 511-524
			3.— Childebert I, roi de Paris, 511-558
			4. — Clotaire I, roi de Soissons, 511-561, seul roi des Francs, 558-561.
	3 Dự-Chương-Vương.......	551-552	
	4 Nguơn-Đế,.................	552-555	
	5 Trinh-Dương-Hầu, ...	555-556	
	6 Kinh-Đế, ...	556-557	
2 Triệu-Việt-Vương, 549-570	*10e Dynastie des Trần* 5 Souverains 557-589		
	1 Cao-Tổ-Võ-Đế, ...	557-560	De 561-584. Les 4 petits-fils de Clovis.
	2 Văn-Đế, ...	560-567	1. Caribert I, roi de Paris. 561-567.
			2. Gontran, roi de Bourgogne, 561-593.
	3 Lâm-Hải-Vương, ...	567-569	3. Sigebert I, roi d'Austrasie, 561-575.
			4. Chilpéric I, roi de Neustrie, 561-584.
			En 568. Invasion des Lombards en Italie.

ANNAM	CHINE	FRANCE
3 Lý-Phật-Tứ, 571-602	4 Tuyên-Đê,.................... 569-583	De 584-628. Clotaire II roi de Neustrie.
	5 Hậu-Chúa,.................... 583-589	De 571-632. *Mahomet.*
	11e Dynastie des Tùy 3 Souverains 589-618	
	1 Văn-Đê,.................... 589-605	
	2 Dương-Đê,.................... 605-617	De 613-628. Clotaire II, seul roi des Francs.
	3 Cung-Đê,.................... 617-618	
	12e Dynastie des Đường 23 Souverains 618-907	
	1 Cao-Tổ,.................... 618-627	En 622. *Ère de l'Hégire. Mahomet quitte la Mecque et se retire à Médine.*

Domination Chinoise 602-939	3 Cao-Tông, ...	650-684	De 638-752. Les Rois fainéants.
	4 Trung-Tông, (1re fois)....	684	
	5 Duệ-Tông ,	»	
	6 Võ-Tắc-Thiên, *tiêm*.....	684-710	*En 711. Conquête de l'Espagne par les Arabes.*
	7 Trung-Tông, (2e fois)	»	
	8 Duệ-Tông, ...	710-713	
	9 Huyền-Tông, ...	713-756	En 732. Victoire de Charles Martel sur les Arabes entre Tours et Poitiers. 2e *Dynastie.* *Les Carolingiens* 752-987
	10 Túc-Tông, ...	756-763	De 752-768. Pépin le Bref, roi des Francs. *De 750-1258. Les Abbassides, (Haroun-al-Raschid).* *En 755. Fondation du royaume arabe de Cordoue.* De 756-1031. *Califat de Cordoue.*
	11 Đại-Tông, ...	763-780	En 774. *Destruction du royaume des Lombards.*

ANNAM	CHINE		FRANCE
Domination Chinoise 602-939 (suite)			
	12 Đức-Tông,.................	780-805	Charlemagne, empereur. 768-814
	13 Thuận-Tông,...............	805-806	
	14 Hiếu-Tông,.................	806-821	
	15 Mục-Tông,.................	821-825	De 814-840. Louis *le Débonnaire.*
	16 Kính-Tông,................	825-827	
	17 Văn-Tông,.................	827-841	De 840 - 877. Charles *le Chauve*
	18 Võ-Tông,...................	841-847	En 848. Partage de l'Empire franc (traité de Verdun.)
	19 Tuyên-Tông,...............	847-860	
	20 Ý-Tông.....................	860-874	
	21 Hi-Tông,....................	874-889	Louis II *le Bègue*, 877-879 Louis III et Carloman. 879-884 Charles *le Gros*, 884-887 Le Comte Eudes est proclamé roi par les seigneurs, 887-898
	22 Chiêu-Tông,...............	889-904	
	23 Chiêu-Tuyên-Đê,..........	904-907	Charles III *le Simple*. 898-92[illegible]

Domination Chinoise 602-939 (suite)	*Epoque des 5 Dynasties* (*Ngũ-Đại*)	
	13e *Dynastie des Lương postérieurs* (*Hậu Lương*) 2 Souverains 907-923	
	1 Thái-Tổ, ... 907-911 2 Quân-Vương, ... 911-923	En 912. Les Normands s'établirent en France. Organisation de la Féodalité.
	14e *Dynastie des Đường postérieurs* (*Hậu-Đường*) 4 Souverains 923-936	
	1 Trang-Tông, ... 923-926 2 Minh-Tông, ... 926-934 3 Mẫn-Đế, ... 934 4 Lộ-Vương ou Phế-Đế, ... 934-936	

ANNAM	CHINE	FRANCE
Dynastie des Ngô 4 Souverains 939-968	15e *Dynastie des Tân postérieurs* *(Hậu-Tân)* 2 Souverains 936-947	
1 Ngô-Quyền (Tiền-Ngô-Vương) 939-944	1 Cao-Tổ........................ 936-944 2 Trai-Vương ou Xuất-Đê,.. 944-947	Louis IV *d'Outre-Mer*, 936-954
	16e *Dynastie des Hán postérieurs* *(Hậu-Hán)* 2 Souverains 947-951	
2 Dương-Tam-Ca ou Kha (Bình-Vương) 945-949	1 Cao-Tổ,........................ 947-948 2 Ấn-Đê,........................ 948-951	
	17e *Dynastie des Châu postérieurs* *(Hậu-Châu)* 3 Souverains 951-960	
3 Xương-Ngập et Xương-Văn, 951-965 Xương-Văn *seul*, 955-965 4 Ngô-Xương-Xí, 965-968	1 Thái-Tổ,........................ 951-954 2 Thê-Tông,........................ 954-959 3 Cung-Đê,........................ 959-960	

Dynasties nationales	18e Dynastie des Tông du Nord (Bắc-Tông) 18 Souverains 960-1280.	2e Dynastie des Carolingiens (suite) 752 - 987
1re *Dynastie des Đinh* 2 Souverains 968-981		Lothaire, ... 954-986
1 Tiên-Hoàng, . . 968-980	1 Thái-Tổ, ... 960-976	Louis *le Fainéant*, 986-987
2 Phế-Đế, ... 980-981		*3e Dynastie. Les Capétiens* jusqu'à Louis XI 987 - 1483
2e *Dynastie des Lê antérieurs* 3 Souverains 981-1010		
	2 Thái-Tông, ... 976-998	Hugues Capet, . . 987-996
1 Đại-Hành, . . 981-1006		
2 Trung-Tông, 1006 (3 jours)	3 Chơn-Tông, ... 998-1023	Robert *le Pieux*, 996-1031
3 Ngọa-Triều, . 1006-1010		
3e *Dynastie des Lý* 9 Souverains 1010-1225		
1 Thái-Tổ, 1010-1028		Henri 1er, . . . 1031-1060
2 Thái-Tông, 1028-1054	4 Nhơn-Tông, ... 1023-1061	

ANNAM	CHINE	FRANCE
3 Thánh-Tông, 1054-1072	5 Anh-Tông,............... 1064-1068	
	6 Thần-Tông,............... 1068-1086	Philippe 1er,... 1060-1108
	7 Tư-Tông,................ 1086-1101	
4 Nhơn-Tông, 1072-1127	8 Huy-Tông................ 1101-1126	Louis VI *le Gros*, 1108-1137
	9 Khâm-Tông,.............. 1126-1127	
5 Thần-Tông, 1128-1137	*Branche des Tống du Midi (Nam-Tống)*	
6 Anh-Tông, 1137-1175	10 Cao-Tông,............... 1127-1163	Louis VII,.... 1137-1180
7 Cao-Tông, 1176-1210	11 Hiếu-Tông,.............. 1163-1190	
8 Huệ-Tông, 1211-1225	12 Quang-Tông,............ 1190-1195	Philippe II Auguste, 1180-1223
9 Chiêu-Hoàng, 1225-	13 Ninh-Tông,............. 1195-1225	Louis VIII, ... 1223-1226
4e Dynastie des Trần 13 Souverains 1225 - 1400		
1 Thái-Tông, 1225-1258	14 Lý-Tông,............... 1225-1265	Louis IX ou *saint Louis*, 1226-1270

2 Thánh-Tông, 1258-1279	15 Độ-Tông,................ 1265-1275	Philippe III *le Hardi*, 1270-1285
	16 Cung-Đê,................ 1275-1276	
	17 Đoan-Đê,................ 1276-1278	
	18 Đê-Bính,................ 1278-1280	
	19e Dynastie des Nguơn 9 Souverains 1280 - 1368	
	1 Thê-Tổ,................ 1280-1295	Philippe IV *le Bel*, 1285-1314
3 Nhơn-Tông, 1279-1293		
	2 Thánh-Tông,............ 1295-1308	
4 Anh-Tông, 1293-1314		
	3 Võ-Tông,.............. 1308-1312	
	4 Nhơn-Tông,............ 1312-1321	Louis X *le Hutin*, 1314-1316
5 Minh-Tông, 1314-1329	5 Anh-Tông,.............. 1321-1324	Philippe V *le Long*, 1316-1322
	6 Thái-Định-Đê,.......... 1324-1329	Charles IV *le Bel*, 1322-1328
		4e Dynastie. *Les Valois* 1328-1589
	7 Minh-Tông,............ 1329-1330	
6 Hiên-Tông, 1329-1341		Philippe VI de Valois, 1328-1350.
	8 Văn-Đê,................ 1330-1333	
7 Dũ-Tông, 1341-1369		Jean *le Bon*,.. 1350-1364.
	9 Thuận-Đê,.............. 1333-1368	

ANNAM	CHINE	FRANCE
	20e Dynastie des Minh 17 Souverains 1368 - 1644	
8 Nhựt-Lễ (Usurpateur), 1369-1370		
9 Nghệ-Tông, 1370-1372		
10 Duệ-Tông, 1373-1377	1 Thái-Tổ (Hồng-Võ), ... 1368-1399	Charles V *le Sage*, 1364-1380
11 Phế-Đế, 1377-1388	2 Huệ-Đế (Kiến-Văn), ... 1399-1403	*Du Guesclin*, 1320-1380
12 Thuận-Tông, 1388-1398		
13 Thiếu-Đế, 1398-1400		
Usurpation des Hồ 1400 - 1407		
Hồ-Quí-Ly, 1400		
Hồ-Hán-Thương, 1400-1407	3 Thánh-Tổ (Vĩnh-Lạc), . 1403-1425	Charles VI, ... 1380-1422
Domination Chinoise. *Restauration des Trần.* 1407 - 1428		
Trần-Giản-Định (Ngỗi), 1407-1409		
Trùng-Quang-Đế,		

Kiều ou Cảo, ... 1428		
5e *Dynastie des Lê postérieurs* 11 Souverains 1428 - 1527		
1 Thái-Tổ, ... 1428-1433	5 Tuyên-Tông (Tuyên-Đức), 1426-1436	Charles VII, ... 1422-1461
2 Thái-Tông, . . 1434-1442	6 Anh-Tông (Thánh-Tông, 1re fois), 1436-1450	*Jeanne-d'Arc, 1412-1431*
3 Nhân-Tông, 1443-1458	7 Kiểng-Tông (Kiểng-Thái), 1450-1456	*En 1453. Prise de Constantinople par les Turcs.*
Nghi-Đân, . . . 1459-1460	8 Anh-Tông (Thiên-Thuận, 2e fois), 1456-1465	*Fin de l'histoire du Moyen Âge. Commencement de l'Histoire Moderne.*
4 Thánh-Tông, 1460-1497	9 Hiến-Tông (Thành-Hóa), 1465-1488	Louis XI, ... 1461-1483
5 Hiến-Tông, 1498-1504	10 Hiếu-Tông (Hoẳng-Trị), 1488-1506	Charles VIII, . . 1483-1498 *Découverte de l'Amérique par Christophe Colomb*, 1492.
6 Túc-Tông, 1504 (6 mois).		
7 Oai-Mục, ... 1505-1509	11 Võ-Tông (Chánh-Đức), 1506-1522	Louis XII, ... 1498-1515 *Louis XII fut surnommé* " Le Père du Peuple "
8 Tương-Dực, 1509-1516		
9 Chiêu-Tông, 1516-1526		
10 Cung-Hoàng, 1526-1527		

ANNAM	CHINE	FRANCE
Usurpation des Mạc 1527 - 1592		
Mạc-Đăng-Dong 1527-1529	12 Thê-Tông (Gia-Tịnh),... 1522-1567	
Mạc-Đăng-Dinh, 1530-1540		*Vers la fin du XVe siècle, un Allemand, Jean Gutenberg inventa l'imprimerie.*
Mạc-Phước-Hải. 1541-1546		
Mạc-Phước-Nguyên, 1547-1561		
Mạc-Mậu-Hiệp, 1562-1592		
Restauration des Lê 17 Souverains 1533 - 1789		
11 Trang-Tông, 1533-1548		François 1er, 1515-1547
12 Trung-Tông, 1549-1556		Henri II,...... 1547-1559
		François II,... 1559-1560
13 Anh-Tông, 1557-1571	13 Mục-Tông (Long-Khánh), 1567-1573	Charles IX,.... 1560-1574
14 Thê-Tông, 1572-1599		Henri III,..... 1574-1586

		5e Dynastie. *Les Bourbons.* 1589 - 1848
15 Kính-Tông, 1600-1619	14 Thần-Tông (Vạn-Lịch),.. 1573-1620	Henri IV,.... 1589-1610
	15 Quang-Tông (Thái-Xương), 1620-1621	Louis XIII,... 1610-1643
16 Thần-Tông, (1re fois), 1619-1643	16 Hi-Tông (Thiên-Khải),.. 1621-1628	
	17 Trang-Liệt-Đế (Sùng-Trinh), 1628-1644	
	21e Dynastie des Thanh 9 Souverains 1644 - 1885	
17 Chơn-Tông, 1643-1649	1 Thuận-Trị,............ 1644-1662	Louis XIV,... 1643-1715
18 Thần-Tông, (2e fois), 1649-1662		
19 Huyên-Tông, 1663-1671		
20 Gia-Tông, 1672-1675	2 Khương-Hi,........... 1662-1723	Louis XV,... 1715-1774
21 Hi-Tông, 1676-1705		
22 Dũ-Tông, 1705-1729		
23 Vĩnh-Khánh, 1729-1732	3 Ung-Chánh,.......... 1723-1736	Louis XVI,... 1774-1793
24 Thần-Tông, 1732-1735		
25 Ý-Tông, 1735-1740		

ANNAM	CHINE	FRANCE
26 Hiến-Tông, 1740-1786 27 Chiêu-Thông, 1787-1789	4 Càn-Long, ... 1736-1796	*A partir de 1789. Histoire Contemporaine*
Les Tây-Sơn 1777 - 1801		Révolution française. 1789 Assemblée constituante. 1789 - 1791 Assemblée législative. 1791 - 1792
Nguyễn-văn-Nhạc, 1778 - 1793 Nguyễn-văn-Huệ, 1788 - 1792		Proclamation de la 1re République (22 Sept. 1792). La Convention.. 1792-1795
Nguyễn-Quang-Toản, 1792 - 1801	5 Gia-Khánh, ... 1796-1821	Le Directoire... 1795-1799 Le Consulat.... 1799-1804
6e Dynastie des Nguyễn 12 Souverains 1802....		1er Empire,.... 1804-1915 Napoléon 1er.... 1804-1815
1 Nguyễn-Thê-Tổ (Gia-Long), 1802-1820		La Restauration, 1815-1830 Louis XVIII,... 1815-1824 Charles X,..... 1824-1830 Louis Philippe... 1830-1848
2 Nguyễn-Thánh-Tổ (Minh-Mạng), 1820-1841 3 Nguyễn-Hiến-Tổ (Thiệu Trị), 1841-1847	6 Đạo-Quang.............. 1821-1851	2e République, 1848-1852 Le Prince Louis Napoléon, président.

	Hàm-Phong,........... 1851-1862	2e Empire, Napoléon III. 1852 - 1870
4 Nguyễn-Dực-Tông (Tự-Đức), 1847-1883	8 Đồng-Trị,............... 1862-1885	Guerre Franco-allemande, 1870 - 1871.
		Proclamation de la 3e République (4 Sept. 1870).
	9 Quang-Tự,.............. 1885-	La Commune (26 Mars au 21 Mai 1871)
	En 1891: Guerre Sino-Japonaise.	Gouvernement de Thiers (Fév. 1871 au 24 Mai 1873)
	En 1899. Soulèvement de la Chine contre les Etrangers. Prise de Pékin par les armées européennes (guerre des Boxeurs).	3e République
		Mac-Mahon,... 1873-1879
5 Dục-Đức, 1883		Jules Grévy,... 1879-1887
6 Hiệp-Hòa, 1883		Sadi Carnot,... 1887-1895
7 Kiến-Phước, 1884		Casimir Perier, 1895.
8 Hàm-Nghi, 1885		Félix Faure,.. 1895-1899
9 Đồng-Khánh, 1886-1887		E. Loubet,.... 1899
10 Thành-Thái, 1889		

ANNAM	CHINE	FRANCE
Dynastie des Nguyễn (suite)		*De 1899-1902 Guerre des Anglais contre les Boërs.*
		En 1901. Mort de la Reine Victoria d'Angleterre; Avènement d'Edouard III
		En 1904. Guerre Russo-Japonaise.
11 Duy-Tân,...... 1907.	14 Novembre 1908. Mort de Quang-tự.	A. Fallières, 1906-1913
	10 Octobre 1913. Proclamation de la République Chinoise, Vương-thè-Khải, Président.	R. Poincaré. 1913-
		1914. Guerre européenne 3 Août 1914 La France déclare la guerre à l'Allemagne.
	15 Juin 1916. Mort de Vương-thê-Khải.	
12 Khải-Định,. 1916	Lê-nguơn-Hồng lui succède.	11 Novembre 1918 Armistice accordé à l'Allemagne.
		28 Juin 1919

MỤC LỤC

Justification du 1er tirage à 4000 exemplaires.

SỬA LẠI

Trương	Hàng	Chỗ sái	Phải đọc
4	5	Au-việt	Âu-việt
11	10	nen gây	nên gây
20	12	binh chánh	bĩnh chánh
26	4	xin ớ	xin ở
28	26	Lệ-Lợi	Lê-Lợi
32	26	bên cứ	bèn cứ
50	19	bão lục	bão lụt
54	12	cứ binh	cử binh
61	6	Khái-tường	Khái-tường
62	12	cửa Hàn	cửa Hàn
63	3	nứu chừng	nửa chừng
81	22	việc và	và việc
82	4	ca thôn	cai thôn
87	16	đẹp giặc	dẹp giặc
92	14	chủng dân	chúng dân
94	23	Bắc-kỹ	Bắc-kỳ
I	3	Ngô-tùng-Chau	Ngô-tùng-Châu

SÁCH CỦA M. NGUYỄN-VĂN-MAI

Sách Đồng âm tự vị có tiếng Langsa 0$60

Sách Đồng âm tự vị tiếng Annam ... 0 40

Sách NAM-VIỆT LƯỢC SỬ, (mới in) có đính thêm bản kể các đời vua Annam, Tàu và Langsa. 0 75

ĐỂ BÁN:

Tại tiệm Quỳnh-Mỹ.

20, Rue Amiral Courbet (Halles centrales, Saigon).

30 Rue Amiral

Tại nhà M. Nguyễn-văn-Mai,

Inspecteur des Écoles,

Quai de la Marne **(Vĩnh-hội)**, *Saïgon.*